

NĂM THỨ 6 – NGÀY 1-5-1962

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH hiện tình Tây Âu và thế giới dưới mắt thủ tướng C. Adenauer • NGUYỄN HIỂN LÊ phải mạnh bạo cải tổ nền giáo dục Việt Nam • LÊ XUÂN KHOA vấn đề thư tịch Việt Nam • L. M. PARREL cảm nghĩ trong một cuộc viễn du thế giới • ĐOÀN THÊM bên lề nghệ thuật • TRẦN VĂN KHÊ hội nghị thường niên ban chấp hành hội đồng quốc tế âm nhạc • TƯỜNG LINH bướm trắng • HOÀI KHANH ngồi lại bên cầu • THÁI TÚ HẠP thêm về • VIÊN LINH thanh niên • TRẦN DẠ TỪ rừng • NGUYỄN MINH HOÀNG một ngày vui nhất của con cá chuối • HUY LỰC tao phùng • ĐOÀN THÊM hòa âm số 5 • SAO TRÊN RỪNG 3 bài thơ nhỏ • TRĂNG THIÊN đánh bạc với ma • VÕ HỒNG những bí mật của anh Đỗ Cúc • VĂN ĐEN cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa • NGUYỄN NGU Í thuật cuộc nói chuyện về tình trạng bế tắc trong ngành tiểu thuyết Việt Nam • BÙI HỮU SÙNG đọc tiểu thuyết « Printemps inachevé » của bà Lý-Thu-Hồ •

128



Một sự may mắn !!!

Nếu **« VERIGOUD »**

được quảng-cáo rộng-rãi hơn, ai cũng sẽ nhận thấy rằng đó là thứ si-rô ngon nhất tại Việt-Nam và Quý vị sẽ khó - khăn lắm mới tìm mua được.

« VERIGOUD »

nước trái cây nguyên chất chế-tạo hầu
Quý vị bởi Hãng :

**SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES
DE L'INDOCHINE**



*CÁC HIỆU BUÔN ĐỪNG ĐẮN ĐỀU CÓ BÁN
VỚI GIÁ 65 \$ MỘT CHAI*

BÁCH

KHOA trong số này

Số 128 ngày 1-5-62

HOÀNG-MINH-TUYNH hiện tình Tây Âu và thế giới dưới mắt thủ tướng C. Adenauer	3
NGUYỄN-HIẾN-LÊ phải mạnh bạo cải tổ nền giáo dục Việt Nam	11
LÊ-XUÂN-KHOA vấn đề thư tịch Việt Nam	19
L.M. PARREL (Cô Liêu dịch) cảm nghĩ trong một cuộc viễn du thế giới	29
ĐOÀN THÊM bên lề nghệ thuật	37
TRAN-VĂN KHÊ hội nghị thường niên ban chấp hành hội đồng quốc tế âm nhạc	49
TRƯỜNG-LINH bướm trắng — HOÀI-KHANH ngồi lại bên cầu — HÁI-TÚ-HẠP thêm về — VIÊN-LINH thanh niên — TRẦN-DẠ-TỪ rừng	56
NGUYỄN-MINH-HOÀNG (dịch J. D. Salinger) một ngày vui nhất của con cá chuối	59
HUY-LỰC tao phùng	73
ĐOÀN-THÊM hòa âm số 5	74
SAO-TRÊN RỪNG 3 bài thơ nhỏ	76
TRÀNG-THIÊN (dịch Ivo Andricht) đánh bạc với ma	77
VÕ-HỒNG những bí mật của anh Đỗ Cúc	89
VĂN-ĐEN cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa	104
NGUYỄN-NGU-Í thuật một vài nhận xét về tình trạng bế tắc trong ngành tiểu thuyết Việt-Nam	107
BÙI-HỮU-SÙNG đọc tiểu thuyết (Printemps inachevé) của bà Lý-thu-Hồ	110

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Glò cáo chung của chính sách thuộc địa</i>	HOÀNG-MINH-TUYNH
<i>Phải mạnh bạo cải tổ nền giáo dục Việt-Nam (2)</i>	NGUYỄN-HIỂN-LÊ
<i>G. Marcel ; Hiện-sinh và huyền-nhiệm</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Nguồn lợi của Đại-dương</i>	TRỊNH-THIÊN-TỬ
<i>Mánh lới điều tra (3)</i>	TRẦN-THÚC-LINH
<i>Tìm hiểu Nhật-bản qua thi-ca</i>	ĐOÀN-VĂN-AN
<i>Góp ý về cú pháp</i>	ĐỖ-HỒNG-VŨ
<i>Bên lề nghệ thuật : Đồ đạc</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Trí-thức và văn-nghệ sĩ miền Bắc Việt-Nam mười lăm năm dưới bóng cờ đỏ</i>	NHƯ-PHONG
<i>Tòa khâm sứ</i>	BỬU-KẾ
<i>Bảo vệ nòi giống</i>	CÔ-LIÊU
<i>Viếng thăm báo Figaro</i>	MINH-ĐỨC
<i>Đỡ dể đêm</i>	NGUYỄN-HỮU-PHIỄM
<i>Kinh nghiệm đời văn (dịch Erskine Caldwell)</i>	PHONG-GIAO
<i>Về dâu (truyện dài)</i>	VÕ-PHIỄN
<i>Hai người bạn (dịch Damon Runyon)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Méa Culpéa ! (truyện ngắn)</i>	NGUYỄN MẠNH-CÔN

HIỆN TÌNH TÂY ÂU VÀ THẾ GIỚI DƯỚI MẮT THỦ TƯỚNG C. ADENAUER

HOÀNG-MINH-TUYNH

THỊ Trường Chung sáu nước Âu Châu thành công đã khiến nhiều nước xin gia nhập. Do cuộc bành trướng ra ngoài khuôn khổ cũ, tổ chức này đã gây lo ngại không những cho khối Liên Hiệp Anh, Nam-Mỹ, mà cho cả chính Hiệp-Chúng-Quốc nữa. Ba nhà giàu này lo sợ một ngày kia sở xuất cảng của họ sang Châu Âu có thể bị thành lĩnh giảm bớt; và phần sáu nước Âu Châu hình như cũng sợ rằng, nếu nói quá rộng các điều khoản bảo vệ và kỳ hạn qui định trong Hiệp ước La - Mã, thì chính cái thực thể của hiệp ước rút cuộc cũng bị thay đổi đi rất nhiều. Tàu trở quá nặng có thể bị ngưng trệ, và như vậy, làm sao xúc tiến tổ chức chính trị «tiểu Âu Châu»?

Nhiều lý do lộn xộn khác đồng thời bột phát từ phía Liên Xô. Trong khi tại Mạc Tư Khoa, những cuộc trao đổi quan điểm giữa các ông Gromyko và Thompson còn đang kéo dài, ông Khrouchtchev mời Tây Đức thanh toán trực tiếp với mình các vấn đề bỏ dở. Có lẽ chính sách Đức sắp được đưa ra xét lại. Hay thủ Tướng Adenauer đang trù hoạch công cuộc gì đây? Nhiều nhà ngoại giao, chuyên gia và báo chí tranh luận, dự đoán và hỏi thăm nhau để cố tìm hiểu sự thật. Nhưng sự thật vẫn ở trong hôn ám cho tới ngày thủ tướng Adenauer lên tiếng trong một buổi tiếp kiến nhà bình bút Sirius của báo Le Monde và phúc đáp lại mấy câu

phỏng vấn của ông này về thái độ của nước Đức trước hiện tình Âu Châu và thế giới. Những lời lẽ của vị thủ tướng lão thành Cộng Hòa Liên Bang Đức có một giá trị đặc biệt đang lúc toàn bộ Tây Âu sống trong một tình trạng căng thẳng gây ra hoang mang không ít cho thế giới tự do. Chúng tôi xin thuật lại dưới đây những đoạn chính yếu để chúng ta cùng chiêm nghiệm mà dự kiến coi xem tình hình Tây Âu và cả thế giới sẽ tiến triển thế nào trong một tương lai gần đây.

Hiệp ước La-Mã và cuộc liên kết Tây-Âu

Sirius.— Chúng tôi xin mở đầu cuộc kiểm điểm hiện tình thế giới bằng Hiệp ước La-Mã. Sự thành công của Thị Trường Chung Âu-Châu, theo ý Ngài, có phải là điều đáng mừng lắm không?

Thủ Tướng Adenauer.— « Câu hỏi mở đầu của ông rất khó trả lời. Hiệp ước La-Mã, thực ra, không nên thu nhận một số quá đông hội viên như hiện nay. Vì như thế nó không còn là một hiệp ước Âu-Châu nữa mà đã biến thành một thực thể, một đơn vị kinh tế không lồ.

« Về Mỹ châu, thượng tướng De Gaulle, ông Hallstein và tôi đều cho rằng : Đối với Hiệp Chúng Quốc, nên thiết lập quan hệ giữa các hội viên trong một cuộc kết xã hơn là thiết lập sự hợp nhất trong một liên minh quá lớn lao.

« Về Anh quốc, nước này, dù sao, cũng thuộc về Âu Châu, song vẫn để cần phải xét coi — vẫn để hiện chính tôi đang tự đặt cho tôi — là có nên coi nó đứng trong Âu châu lục địa không. Đây là vấn đề cần phải được xem xét riêng biệt. Tuy nhiên, tôi không tin rằng

các nước trong Liên Hiệp Anh từ nay còn có thể liên kết với nhau trong một vòng tròn quá chặt chẽ; vì như vậy sẽ sinh ra hậu quả làm biến đổi hoàn toàn các cơ cấu của Tổ chức Cộng Đồng Kinh Tế Âu-châu và Hiệp ước La-Mã, khiến không còn thể duy trì Liên Hiệp Anh trong hình thức hiện tại được nữa. Nhưng dù sao, cũng phải thương nghị với Anh quốc một cách thực nghiêm chỉnh ». (1)

S. — Từ khởi thủy, ông Jean Money đã tiên đoán rằng Anh-quốc chỉ chịu gia-nập Thị Trường Chung sau khi đã nhận ra tổ chức này có cơ trường tồn và thân lượm được những kết quả hiển nhiên.

Thủ Tướng Adenauer.— ... « Phải, Ông Money là người tôi rất tôn trọng,

(1) Tin tức sau cùng nhận được cho chúng ta rõ bài phỏng vấn thủ tướng Adenauer của đặc phái viên Sirius (Le Monde) đã gây sôi nổi tại Anh quốc khiến thủ tướng Anh là ông Mac Millan phải lên tiếng và chính phủ Đức phải ra thông cáo xác định lại về đoạn trên như sau :

« Song tôi không tin rằng các nước trong Liên Hiệp Anh có thể nằm bao gồm ở trong, vì như vậy sẽ phải đổi thay cơ cấu của Cộng Đồng Kinh Tế Âu châu và các Hiệp ước La Mã rất nhiều, đến nỗi khó lòng có thể làm được. Nhưng dù sao cũng phải thương nghị với Anh quốc một cách thực nghiêm chỉnh. »

song nhiều khi, tôi thấy ông hơi quá lạc quan. Phải chờ đợi lâu hơn nữa rồi mới thấy rõ được: vừa mới hôm trước đây một tổ chức lớn lao của người nông dân Anh đã lên tiếng phản đối việc áp dụng các quyết nghị của Cộng Đồng Kinh Tế Âu châu trong địa hạt nông nghiệp Anh quốc, và chính đảng Lao Động Anh quốc hiện nay cũng gây ra khá nhiều khó khăn cho vấn đề này.»

S. — *Như vậy là vấn đề đưa chúng ta tới vấn đề liên-hiệp chính-trị Âu - Châu và thái độ của thượng-tướng De Gaulle về vấn đề này.*

Thủ Tướng Adenauer. — « Cuộc hội đàm Baden — Baden đã hoàn tất một cách tốt đẹp. Ủy ban Fouchet hiện đang nhóm họp và tôi hy-vọng có thể đạt tới những tiền bộ lớn lao.

« Về việc thiết lập liên-hiệp chính trị, tôi nghĩ không nên quá chú trọng về vấn đề danh-từ. Tôi tưởng ông Hallstein đã đề cập đến việc ấy rồi. Ông bảo những ý-niệm Liên-bang (Fédération) hay Bang-liên (Confédération) rất gần với nhau, khiến sự tách bạch, phân biệt trở nên rất tẻ-nhị, khó khăn.

« Do đây, chúng ta cần phải kiên nhẫn trong việc xây dựng liên-hiệp chính-trị và nên trông cậy vào hoàn cảnh, thời cơ hiện đang đưa các nước Tây Âu tới chỗ phải buộc lòng kết hợp chặt chẽ với nhau trên hết mọi địa hạt, không chỉ trên địa hạt kinh - tế mà cả trên địa hạt chính sách đối ngoại. Chúng ta phải chờ coi sự tiến phát tự nhiên

của sự kết tập ấy, coi xem rút cuộc rồi nó có đưa tới thành công chính trị mà chúng ta đang trông chờ, mong muốn không. Và chẳng, theo chỗ tôi biết, chưa hề có người nào đã động tới vấn đề kết nhập (intégration) khi bàn về cuộc liên hiệp chính trị, (cho nên việc kết nhập có lẽ sẽ không thành vấn đề). »

Cuộc tài binh

S. — *Vấn đề tài binh, về nhiều phương diện, chỉ phôi vấn đề kinh tế và vấn đề chính trị. Cuộc hội đàm giữa các ông Gromyko và Thompson, cuộc thương nghị sẽ mở ra gần đây tại Genève, theo ý thủ tướng, liệu có hy vọng đi đến kết quả gì không, hay sẽ đi đến chỗ bế tắc?*

Thủ Tướng Adenauer. — « Cuộc hội đàm giữa các ông Thompson và ông Gromyko, cho tới lúc này, chưa mang lại kết quả gì, và tôi cũng không tin rằng nó có thể đạt tới những kết quả cụ thể. Tuy nhiên, tôi tưởng Tổng Thống Kennedy, vì tính chất kinh khủng của một cuộc chiến tranh hạch tâm có thể diễn ra — tôi xin nhấn mạnh kinh khủng cho hết mọi người, — hiện đang theo một con đường mà chính ông có lẽ cũng không tin nó đưa tới kết quả; nhưng ông muốn tỏ cho thế giới và đặc biệt cho chính nước ông, thấy ông đã thử làm hết mọi điều có thể làm được.

« Theo ý tôi, có điều rất đáng tiếc là ông Khrouchtchev vẫn tin tưởng rằng các dân tộc tự do trong thế giới không biết đoàn kết với nhau để hợp thành một khối mà đấu tranh

trong vấn đề này, nên về sau, khi xảy ra những cuộc khủng hoảng nghiêm trọng khác với Liên Xô, ông Khrouchtchev lại càng cho các dân tộc tự do không kết hợp được với nhau. Nước Pháp hoàn toàn đứng ra ngoài các cuộc hội đàm Mạc Tư Khoa, khiến người ta ngại rằng thái độ ấy càng làm cho ông Khrouchtchev nghĩ rằng sự chia rẽ là một cớ tặc của Tây Minh. Tự nhiên, thái độ của nước Pháp cũng làm cho thái độ của ông Khrouchtchev trở nên cứng rắn hơn đối với Tây Minh và có thể nhờ đây mà ông này càng trở nên gan dạ, cớ thù trong đường lối ông đã theo đuổi từ trước đến nay. Tôi xác tín rằng đoàn kết là điều kiện căn bản đầu tiên cho các dân tộc tự do đấu tranh thắng lợi với người Nga Xô Viết».

S. — Về việc sử dụng trái phá nguyên tử, Ngài có thấy rằng Tây Minh tỏ ra chia rẽ một cách rõ rệt: sự sử dụng ấy phải theo quyết nghị của người Mỹ hay theo quyết nghị của tổ chức Minh ước Bắc Đại Tây Dương, trái phá nguyên tử phải là trái phá của Âu Châu hay trái phá của mỗi quốc gia liên hệ?

Thủ Tướng Adenauer. — « Ông đề cập ở đây một vấn đề quá gay go mà trong hoàn cảnh hiện nay của nước Pháp và của vị Tổng thống đương kim, tôi tự thấy không tiện phát biểu ý kiến. Theo ý tôi, cuộc tiến triển của tình hình Pháp rất mực quan trọng đối với hết thảy chúng ta, và ông cũng biết tình thân hữu giữa thượng tướng De Gaulle

vià tôi mật thiết thế nào. Trong tình thế hiện nay của nước Pháp, tôi không thể đề cập đến vấn đề ông nêu ra».

S. — Về cuộc phân tranh giữa Đông và Tây, điểm gay go nhất tại Âu Châu hiện nay chính là sự chia cắt nước Đức và Bá Linh giữa hai phe.

Thưa Thủ Tướng, Ngài cho rằng: 1) Phải duy trì nguyên trạng mặc dù nguyên trạng đã bị thay đổi sâu xa từ ngày xây dựng bức tường Bá Linh; 2) Phải thay đổi qui chế Tây Bá Linh, biến nó thành một « Đô thị Tự Do » hay phải theo đề nghị của ông Dean Rusk, ngoại trưởng Mỹ, hoặc của một số người nữa; 3) Có thể hành động nhờ trung gian của Ba Lan là nước mới đây đã tung ra kế hoạch Rapacki khiến cho nhân dân phải bám chặt vào biên cương mới, phải chịu đựng chế độ cộng sản hơn là chấp nhận nó; 4) hay có thể điều đình trực tiếp với ông Khrouchtchev về các điểm còn đang tranh chấp trong vấn đề Đông Đức, cũng như miền Sarre đối với nước Pháp trước đây?

Toàn chuyện bịa đặt

Thủ Tướng Adenauer. — « Về vụ Bá Linh, xin ông cho phép tôi được giữ sự yên lặng. Bao lâu vẫn còn có một viên tượng khả dĩ thương nghị được với các cường quốc chiếm đóng, tôi tự nghĩ mình tuyên bố điều gì cũng là phi-lý.

« Còn đối với Ba Lan, trong những năm vừa qua, tôi đã nhiều lần hành động để đi đến chỗ giảng hòa; nhưng mỗi lần hành động là một lần thất

bại — , điều đó không những đáng tiếc cho chúng tôi mà, theo chỗ tôi biết, cũng là điều đáng tiếc cho nhiều giới người Ba Lan nữa. Tuy nhiên dân Ba Lan, về một vài phương diện, được hưởng nhiều tự do hơn những nhân dân các nước vệ tinh khác, song trên thực-tế, vị chủ tịch Cộng sản Gomulka vẫn là người cầm giềng mối và quyết định chính sách đối ngoại của Ba Lan. Gomulka nằm trong tay của Mạc Tư Khoa. Vậy chính Mạc Tư Khoa mới là kẻ quyết định chính sách đối ngoại của Ba Lan.

« Về việc thiết lập khu vực giải trừ nguyên tử, đó chỉ là những chuyện hoang đường phi lý. Giải trừ phải có kiểm sát, mà kiểm sát tất nhiên phải đặng tới tự do. Và chẳng, cứ theo đường lối hiện nay của các nước có vũ khí nguyên tử, việc thực hiện một khu vực giải trừ nguyên tử chỉ là một mộng tưởng. Do đây, ta chẳng nên nói tới làm gì. Chỉ khi nào khu vực ấy được mở rộng ra từ Đại Tây Dương tới miền Oural, ta mới nên đề cập đến mà thôi.

« Sau hết, nếu nói về công hàm của người Nga hồi tháng chạp 1961 mà chúng tôi đã có phúc đáp, ông có thực tin rằng ông Khrouchtchev sẽ tỏ ra biết điều, dễ dãi với Cộng Hòa Liên Bang Đức hơn là với Hiệp Chúng Quốc không ? Tôi không thể nào tưởng tượng được điều đó !»

S. — Việc này thật khó lòng giải quyết ổn thỏa nếu không có một vài nhân nhượng...

Thủ - Tướng Adenauer. — « Phải, cô nhiên, nhưng phải nhân nhượng những gì. Và hậu quả sẽ ra sao, nếu chúng tôi tham dự vào những cuộc thương nghị mà không đi tới đâu. Chúng tôi sẽ làm cho các đồng minh sinh ra nghi ngờ chúng tôi. Chính ông Khrouchtchev hiện đang mong chờ điều đó. Tôi xin nói rõ để ông biết thái độ duy nhất của nước Đức hiện nay là thế nào: thái độ của nước Đức phải tuyệt-đối trung trực với đồng-minh» phải thi hành thực nghiêm chỉnh các điều đã cam kết và... phải kiên nhẫn ».

S. — Nhưng cũng còn cần phải làm sao cho các nước đồng-minh thỏa thuận với nhau như Ngài mong muốn.

Thủ Tướng Adenauer. — « Chà ! Thực ra họ vẫn thỏa thuận với nhau đây chứ. Duy nhiều lần họ cho người ngoài có cảm tưởng họ không thỏa thuận với nhau. Điều bất lợi đó không phải là không thể tránh được ».

Chính sách nước Đức từ 12 năm nay.

S. — Có thể kết luận được rằng chính sách nước Đức sẽ không có thay đổi quan trọng trong những năm tới đây, mặc dù Ngài không còn nắm chính quyền nữa không ?

Thủ Tướng Adenauer. — « Ông thầy chẳng, chính sách nước Đức đã được ấn định từ 12 năm nay và không một người Đức nào không thấy nó đem lại kết quả tốt đẹp.

Muốn đổi thay chính sách hiện nay, cần phải có một cuộc cách mạng. Nhưng hiện nay không ai nghĩ đến cách mạng cả. Những phần tử xã hội dân chủ, dù có lên nắm chính quyền, cũng không thể thi hành một chính sách khác. Tới gần kỳ tuyên cử vừa qua, đảng Xã hội Dân chủ cũng đã phải theo đúng đường lối chính trị của chúng tôi. Tôi nghĩ một đảng lớn lao như đảng Xã hội Dân chủ không thể nào cứ hai năm lại thay đổi chủ trương của mình được».

S. — *Thưa Thủ Tướng, xin Ngài cho phép chúng tôi được hỏi rộng thêm về một vài vấn đề khác. Ngài có nghĩ rằng cuộc cách mạng Cộng sản đang gây ra những truyền nhiễm, những phản ứng cùng khắp hoàn cầu, và là sự kiện chi phối thế kỷ thứ 20, sẽ nhất định đưa hai khối Đông Tây tới một cuộc chiến tranh, hay trái lại, sẽ đưa chủ nghĩa cộng sản (lần lần bớt tính chất đấu tranh và chuyên chế đi) và chủ nghĩa tự do (lần lần xã hội hóa hơn lên) đi tới chỗ quân bình với nhau được chăng? Những tư tưởng của cha Teilhard de Chardin nêu lên những yêu sách về chính trị và những yêu sách về đức tin đã được một số cộng sản và công giáo Pháp lưu tâm, Ngài có nghĩ rằng những tư tưởng của vị giáo sĩ Dòng Tên có đóng góp phần nào vào công việc tiên bộ gây thế quân bình ấy chăng?*

Thủ Tướng Adenauer. — « Những tiếng chủ nghĩa tự do nhắc tôi nhớ lại một câu chuyện. Ngày nọ tôi hỏi Winston Churchill vì lý do nào mà các đảng dân chủ Tây Âu bị lâm vào

bước suy mệt. Ông đáp lại tôi : « Đó là vì các đảng phái khác đã cướp mất các điều hay trong chủ nghĩa tự do khiến chủ nghĩa này trở nên một thứ đồ thừa ».

« Tư tưởng của cha Teilhard de Chardin cũng được nước Đức chúng tôi lưu ý. Chính bữa qua, tôi có bàn chuyện với một bà Đức đã dịch sách của Ngài ra tiếng Đức. Còn về chủ nghĩa Cộng sản Nga, tôi thấy nó thâm nhiễm nhiều tư tưởng quốc gia chủ nghĩa. Có một cuốn sách tiếng Đức nhan đề : *Perpetuum Mobile Russe* (Nguyên động lực vĩnh viễn của người Nga). Tôi mong mỗi người sẽ đọc cuốn sách này. Cuốn sách nói về lịch sử nước Nga trong những thế kỷ trước. Đọc nó, người ta sẽ thấy những thêm muốn chinh phục của người Nga Xô-Việt hiện nay đã phát hiện rõ rệt từ thời đại Nga Hoàng.

Liên Xô và Trung Quốc

« Bây giờ để đáp lại câu hỏi chính của ông, xin nói là tôi đồng ý với ông về điểm này : thời đại chúng ta đang sống hiện nay là thời đại đặc biệt, có sự phân tranh giữa những người thuộc phe cộng-sản và những người không thuộc phe cộng-sản. Những dân tộc tự do, về mặt kinh tế và về cả mặt quân lực, mạnh hơn các quốc gia cộng sản. Các dân tộc tự do còn mạnh hơn các quốc gia cộng sản trong một thời gian lâu dài nữa, thời gian ấy lúc này chưa thể đoán biết tới bao giờ mới chấm dứt. Vạn nhất chiến tranh có xảy ra thì chiến tranh ấy sẽ là chiến

tranh hạch tâm và chắc chắn chiến tranh hạch tâm sẽ không có lợi gì cho ai, kể cả cho kẻ có may mắn còn được sống sót. Vì vậy, tôi không tin rằng ông Khrouchtchev muốn chiến tranh. Trong hoàn cảnh hiện nay và căn cứ vào tiền triển của hoàn cảnh ấy trong tương lai, tôi tin rằng quan hệ giữa Trung quốc và Liên Xô rất mực quan trọng vì nó đóng một vai trò quyết định tối yếu cho toàn thế giới. Tôi tin chắc là đối với Liên Xô, Trung Hoa Cộng Sản là nguy cơ lớn lao bức nhứt. Trung quốc là nước láng giềng của Liên Xô, dân số đông hàng 700 triệu, trong khi dân số Liên Xô chỉ được 200 triệu. Có một

nước láng giềng hùng cường và hay gây hấn như Trung Hoa là một điều rất khó chịu. Tôi tin rằng các nhà lãnh đạo Liên Xô, đặc biệt là ông Khrouchtchev, đã thấy rõ hiểm họa ấy, và tôi cũng tin rằng sự đối lập giữa Liên Xô và Trung Hoa Cộng Sản là một yếu tố bảo đảm hoà bình thế giới. Chiến tranh xảy ra giữa Liên Xô và Tây Minh, dù sao, cũng sẽ làm cho Liên Xô yếu đi, và càng khiến cho Trung Hoa Cộng Sản trở nên một nước láng giềng nguy hiểm hơn...»

HOÀNG-MINH-TUYNH

Kỳ tới : *Giờ cáo chung của chính sách thuộc địa.*

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

● *Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.*

● *Installations de gazothérapie.*

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

Phải mạnh bạo cải tổ nền giáo-dục Việt-nam

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

L T S. Ô. Nguyễn-Hiền-Lê là một người rất thiết tha với các vấn đề thanh niên và giáo dục. Qua các bài ông viết trên Bách-Khoa từ trước đến nay, bạn đọc đã từng thấy rõ. Hôm nay trong loạt bài sau đây, với tư cách phụ huynh học sinh và vì quyền lợi của con em, ông lại đề cập đến việc mạnh bạo cải tổ nền giáo dục của chúng ta. Tuy nhiên ông không nhằm đưa ra được một giải pháp mà mọi người sẽ chấp nhận là hợp lý (Có thể chúng ta sẽ đồng ý hoặc không đồng ý với tác giả về nhiều điểm) Mục đích của ông chỉ là « nêu vấn đề lên một cách toàn diện » để mời bạn đọc cùng xét lại và nhờ đây sẽ nảy sinh những ý kiến hay và giải pháp hữu hiệu. Chúng tôi mong rằng, dụng ý trên đây của tác giả sẽ được bạn đọc nhận thấy ngay từ những bài đầu.

Lời thưa trước với Độc giả.

Vấn đề giáo dục hiện nay là vấn đề có lẽ không nên bàn tới thì hơn vì dễ đụng chạm tới nhiều giới lắm. Hoặc giả có bàn tới thì chỉ nên đưa ra những đề nghị rất ôn hòa, chẳng hạn sửa vài chỗ trong chương trình, cải thiện cách dạy, đào tạo thêm giáo sư... thì mới dễ được nhiều người tán đồng và như vậy đề nghị của mình mới được khen là thiết thực.

Nhưng mấy năm nay chúng tôi đã được đọc nhiều đề nghị ôn hòa như vậy rồi (như đề nghị của các giáo sư trong một cuộc phỏng vấn của tạp chí Mai năm 1961 để sửa đổi chương trình Trung học), lại được thấy nhiều cải cách ôn hòa rồi, mà tình trạng thì cứ mỗi ngày một bi đát thêm lên ; nên mặc dầu bám sát rất ôn hòa, lần này chúng tôi cũng cả gan đưa ra một đề nghị hơi bạo, có tính cách toàn diện.

Chúng tôi vẫn biết rằng những đề nghị cải cách mạnh bạo ít khi được chấp nhận, rằng muốn thay đổi cả một chế độ giáo dục hay kinh tế cần có một sự thay đổi lớn hơn trong tổ chức xã hội — nhưng thưa Độc giả, có lẽ đôi khi cũng nên nhìn xa ra ngoài cái hiện tại một chút thì mới xây dựng cái hiện tại được.

Những đề nghị chúng tôi sẽ trình bày với chư vị trong loạt bài này liên lạc với nhau và hợp thành một hệ thống dựng trên

vài quy tắc chính này : phải tùy trình độ học sinh mà dạy, phải tùy nhu cầu của quốc gia mà đào tạo anh tài, chương trình phải thiết thực, thời này phải trọng kỹ thuật... Chúng tôi chỉ vạch những nét đại cương thôi chứ không đi sâu vào chi tiết. Vì hai lẽ :

— muốn đi vào chi tiết thì phải một nhóm chuyên viên đủ ba cấp Tiểu học, Trung học, Đại học trao đổi kỹ ý kiến với nhau, mà chúng tôi thì chỉ thu thập được ý kiến của năm ba bạn trong giới dạy học và cầm bút (tôi xin cảm ơn những bạn đó ở đây).

— muốn đi vào chi tiết thì loạt bài này sẽ kéo dài gấp hai gấp ba và sẽ chỉ có một số giáo chức theo dõi thôi, mà đại đa số độc giả Bách-Khoa lại không phải là giáo chức.

Chúng tôi xin Độc giả lưu tâm đến điều đó, trong khi đọc những trang sau. Chúng tôi cũng xin thưa với bạn đọc rằng bài « Phải đặc biệt chú ý đến hạng trẻ anh tuấn » đăng ở Bách khoa trong những số 125 và 127 đã chính thực mở đầu cho loạt bài này.

Những ý kiến chúng tôi đưa ra chẳng có tính cách « cách mạng » gì hết. Nó cũ rồi, cũ ở nước ngoài. Sở dĩ có nhan đề : « Phải mạnh bạo cải tổ... » chỉ là vì đề nghị của chúng tôi có tính cách toàn diện, sửa đổi hết, chứ không vá vứn, thế thôi. Và mục đích của chúng tôi cũng chỉ là nêu vấn đề lên một cách toàn diện để Độc giả xét lại vấn đề dưới một cạnh khác, mà may ra tìm được một giải pháp hữu hiệu, chứ tuyệt nhiên chúng tôi không mong rằng đề nghị của chúng tôi hợp lý hơn hết.

Sau cùng nếu chúng tôi có vô tình làm phật ý một số người trong một giới nào thì xin những vị đó thứ lỗi cho vì chúng tôi đã rón tránh sự đụng chạm mà vụng về không tránh được đấy thôi.

N. H. L.

Loạt bài này gồm năm phần :

1. — Chương trình Trung-học 1958, và những cải cách năm ngoái của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.
2. — Đề nghị của ông Nguyễn - Đước. — Đề nghị của chúng tôi. — Vấn-đề nguyên-tắc.
3. — Áp dụng vào bậc Tiểu-học và Trung-học.
4. — Áp dụng vào bậc Đại-học.
5. — Vấn-đề tư-thực.

Xưa đã cò hủ mà nay
cũng cò hủ

TÔI nhận rằng một chế độ nào — dù là khoa-cử, kinh tế hay chính-trị — hễ phát sinh ở một thời nào tất phải làm thỏa mãn được một số nhu-cầu của thời đó, có hại thì tất cũng có lợi, không nhất định là hoàn toàn dở; và dù chế-độ đó có rất nhiều chỗ bất lợi nó cũng vẫn tồn tại được hàng trăm hàng ngàn năm nếu xã - hội chưa tiến triển tới mức nào đó. Như chế-độ đào tạo nhân tài bằng lối văn tám về ở Trung-Hoa đã kéo dài trên ngàn năm, từ đầu đời Đường tới cuối đời Thanh.

Ở nước ta, nó thoi thóp đến cuối thế chiến thứ nhất mới cáo chung, mặc dầu các nhà Nho trong phong-trào Duy-Tân đã mạt sát nó kịch liệt từ hồi 1907 hay trước nữa.

Thay thế cho nó là chế-độ giáo-dục của Pháp. Kể ra ở thời đó thì cái « tân học » này ở nước ta quả đã là mới lắm. Người ta không tập làm văn tám về nữa mà tập miêu-tả, tự sự, nghị luận bằng văn xuôi, người ta không chỉ chuyên học có Tứ-thư và Ngũ-kinh nữa mà học Sử, Địa, Toán, Vật-Lý...

Nhưng ngay từ cái hồi nó mới được thi hành ở nước ta, có lẽ còn sớm hơn nữa, từ cuối thế-kỷ trước, ở Âu Mỹ đã có nhiều người cho nó là cổ-hủ rồi. Vô số nhà bác-học, tâm-lý-học, từ John Dewey tới Montessori, Decroly, Claparède,... kế tiếp nhau lên tiếng đòi cải tổ nó. Người ta trách nó là nhồi sọ, là quá trọng lý thuyết, không thực-tế, thiếu linh-động, không

hợp với tâm lý trẻ em, với nhu-cầu của xã-hội v. v. . . .

Nhiều người lên tiếng quá, chính phủ Pháp phải để ý tới, có khi mười năm, có khi năm sáu năm sửa đổi một chút, rút cục thì tới nay, chương trình, cách dạy và sách giáo khoa so với thời sau đại chiến thứ nhất có khác xa thật, nhưng tinh thần thì vẫn là cái tinh thần ở đầu thế kỷ XIX, ở thời Napoléon đệ Nhất.

Napoléon khi lên cầm quyền cải tổ lại hẳn nền giáo dục Pháp, định ra ba nét chính này cho ngành Trung học :

— Đào luyện kỹ luật lý luận theo toán học.

— Đào luyện tinh thần khoa học.

— Trau dồi một học thức tổng quát và quảng bác.

Như vậy là để xóa hẳn văn hóa phong kiến, chống lại chủ trương trọng đạo lý và văn chương, coi khoa học và toán học là những môn huyền bí dành riêng cho bọn tu sĩ ẩn dật của chế độ phong kiến (1).

Ở thế kỷ trước, chương trình đó còn có thể theo được vì những hiểu biết về khoa học còn tương đối ít; ngày nay vì khoa học phát triển ghê gớm, biết bao ngành mới xuất hiện, học sinh muốn có một học thức tổng quát và quảng bác gọi là tiệm tiệm đủ, không còn thì giờ đâu mà nghiền ngẫm suy nghĩ nữa, chỉ có mỗi một cách là cố nhồi vào sọ để trả bài cho

(1) Nguyễn Đước : *Thử tìm một chủ trương và một tổ chức hợp lý cho ngành giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp ở Việt Nam*. (Luận Đàm số 7. tháng 6-1961).

thầy giáo, cho giám khảo, rồi giật xong được mảnh bằng là quên hết, mà nếu không quên hết thì cái sở học cũng chẳng dùng được ngay vào việc gì. Đó cái thất bại, cái cổ hủ của ngành giáo dục phổ thông của Pháp là như vậy (1)

Chế độ giáo dục cổ hủ của Trung Hoa bị chỉ trích ít nhất là 200 năm (tôi chỉ kể từ khi *Nho lâm ngoại sử* ra đời thôi) rồi mới cải tổ hoàn toàn được; chế độ giáo dục phổ thông của Pháp từ khi có người lên tiếng chỉ trích tới nay cũng đã 70, 80 năm rồi mà vẫn chưa thấy biến chuyển mấy. Thế mới biết cải tổ một chế độ thực là một công trình gay go trường kỳ.

Nó càng gay go thì ta lại càng phải bàn tới, càng phải thúc đẩy nó. Đành rằng tổ chức của xã hội làm thay đổi tư tưởng con người nhưng chính tư tưởng cũng ảnh hưởng tới tổ chức của xã hội và khi đã đông người bàn tới thì chắc chắn là sắp có sự biến chuyển rồi đấy. Nền giáo dục của chúng ta hiện nay tuy phát triển rất mạnh nhưng không làm thỏa mãn được nhu cầu của dân của nước và chúng ta đã thấy rằng chương trình chúng ta bắt chước của Pháp không có lợi gì mấy cần phải cải tổ một cách mạnh bạo. Cải tổ trên những nguyên tắc nào, theo những nét chính nào, trong mấy giai đoạn ra sao? Đó là những điều chúng tôi sẽ đem ra bàn ở dưới đây.

*
* *

Chương trình trung học 1958.

Trước hết chúng tôi xin xét qua chương trình Trung học 1958, mà người ta thường gọi là chương trình mới. Chúng

(1) Coi tiêu chú ở cuối trang trên.

tôi nhận rằng chương trình «mới» đó so với chương trình cũ có vài điểm tiến bộ chẳng hạn ở Độ nhất cấp chỉ bắt học sinh lựa một sinh ngữ chính, chứ không phải học hai sinh ngữ như trước, ở Độ nhì cấp, có chuyên khoa ngay từ lớp đệ tam... Tuy nhiên, nó vẫn còn nhiều chỗ cần phải xét lại.

Đọc chương trình đó tất ai cũng phải phục rằng nền giáo dục của chúng ta dựng trên những nguyên tắc căn bản cực là cao quý: nào là có tính cách *nhân bản*, có tính cách *án tộc*, lại có tính cách *khai phóng* nữa; nào là nhằm mục đích «phát triển toàn diện con người», «tôn trọng giá trị truyền thống» mà lại «thâu thái tinh hoa các nền văn hóa thế giới».

Ngoài những «nguyên tắc căn bản» đó ra, bộ còn vạch những «nguyên tắc đại cương». Tôi xin thú thực không sao phân biệt nổi hai thứ nguyên tắc đó. Bảo «nguyên tắc căn bản» là nguyên tắc của nền giáo dục còn «nguyên tắc đại cương» là nguyên tắc «cho việc soạn thảo chương trình trung học» thì quả thực là tế nhị. Phân biệt ra như vậy thì khi soạn thảo chương trình các nhà mô phạm của chúng ta chỉ cần theo những «nguyên tắc đại cương» thôi ư? hay là phải theo cả những «nguyên tắc căn bản» nữa. Nếu chỉ theo những «nguyên tắc đại cương thôi» thì những «nguyên tắc căn bản» kia dùng để làm gì? Mà nếu theo cả hai thứ «nguyên tắc căn bản» và «đại cương» thì sao không gồm chúng làm một cho dễ hiểu và dễ nhớ? Nhưng đó chỉ là vấn đề trình bày; nội dung mới quan trọng. Và tôi xin xét đến nội dung.

Về « nguyên tắc đại cương », chương trình mới của chúng ta thực là đầy đủ: vừa « hun đúc tâm hồn và tính khí » vừa « mở mang kiến thức phổ thông » lại « rèn luyện phương pháp suy tưởng và hành động, để chuẩn bị học sinh có đủ khả năng ra đời (1) như vậy thì chương trình Trung học « cần được giản dị hóa, tránh lối nhồi sọ » (1), nhưng vẫn cố gắng đưa mỗi vấn đề học tập đến chỗ chính xác tinh tường (1), phải vừa « thích sống với những hoàn cảnh thực tế hiện tại » (1), lại vừa « có tính cách trường cửu » (1) nữa !

Thực là hoàn toàn, không thể chèn vào đâu được. Tôi chỉ hơi nghi ngờ ở một điểm : làm sao có thể vừa thích ứng với những hoàn cảnh thực tế hiện tại, mà vừa có tính cách trường cửu được nhỉ ? Hay là những hoàn cảnh thực tế hiện tại của chúng ta sẽ cũng trường cửu nữa ? Hay là chương trình có 2 phần : một phần (chẳng hạn khoa học), thích ứng với hiện tại ; một phần (chẳng hạn đức dục) có tính cách trường cửu ? Nhưng thế nào là trường cửu ? Một ngàn năm như chế độ tam vế của Trung Hoa ? Hay 150 năm như chế độ tổng quát và quảng bác của Pháp ? Theo thiên kiến của chúng tôi thì ở đời không có cái gì là trường cửu cả, bất kỳ về phương diện nào, trong lãnh vực nào, cũng phải có những sự cải tiến hoặc biến đổi, nhất là trong lĩnh vực giáo dục của một nước mới mở mặt với thế giới, tức nước Việt-Nam của chúng ta thời này. Phải sửa đổi

cho mỗi lúc một hợp thời, hợp với nhu cầu của nhân dân, sự tiến triển của quốc gia. Chứ không thể để cho trường cửu được. Ông Tân Bộ trưởng chắc cũng đã nhận thấy vậy cho nên đã cho sửa đổi chương trình rồi đó, và chắc sẽ còn tiếp tục sửa đổi nữa.

Tuy nghĩ vậy, tôi cũng phải nhận rằng các « nguyên tắc đại cương » tốt đẹp lắm và những nhận xét nhỏ của tôi ở đoạn trên có thể là nông cạn.

* *

Rồi nếu đọc tiếp những trang sau, đọc hết cả chương trình mỗi môn từ Việt Văn, Hán Văn, Pháp Văn, Anh Văn, đến Toán, Lý Hóa, vân vân... người ta càng phải thán phục rằng học sinh Trung Học Việt Nam có một trình độ vượt hết cả các học sinh Trung Học thế giới.

Này nhé. Về Việt văn, những học sinh 14, 15 tuổi của ta, ở lớp đệ ngũ đệ tứ đã được thầy dạy cho cách « nghiên cứu thân thể và thời đại các tác giả » từ Lê Thánh Tôn, Nguyễn Bình Khiêm, đến Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Khắc Hiếu Phạm Quỳnh, Khái Hưng ; rồi họ lại tập những thể nghị luận tổng quát, nghị luận luân lý, nghị luận văn chương nữa, trong khi những em cùng tuổi đó ở các trường bên Pháp còn đương học làm các bài miêu tả và tự sự.

Về Anh-ngữ học-sinh mình cũng ăn đứt học-sinh Pháp. Trẻ 15 tuổi đã được học — dù là sơ lược — về thi pháp của Anh !

(1) Chúng tôi cho in xiên.

Về Pháp-ngữ, cứ theo đúng chương trình mới thì trình độ một học-sinh đệ tứ không kém một học-sinh năm thứ tư Cao-đẳng tiểu học thời Pháp thuộc; mà tôi được các bạn ở bên Anh cho biết rằng nhiều sinh-viên Đại-học ở Luân-Đôn nói tiếng Pháp may lắm là được bằng một học-sinh có tiểu-học chương-trình Pháp-Việt hồi trước. Vậy là mình bỏ xa cả Anh lẫn Pháp về môn sinh-ngữ.

Chương trình khoa-học của mình dù ở đệ-nhất-cấp hay ở đệ-nhi-cấp chỉ có phần cao hơn chương-trình Pháp *mấy năm trước* chứ không kém. Điều này nhiều giáo-sư đã nói tới rồi, tôi không cần phải chứng minh. Chúng tôi nói *mấy năm trước* vì nghe nói hiện nay ở Pháp, chương-trình đã thay đổi, nhưng chúng tôi chưa được biết rõ.

Tôi muốn nhấn mạnh về trình độ Triết-học và Âm-nhạc của học-sinh mình.

Triết-học thì mình học trọn chương-trình triết học của Pháp, lại học thêm triết-học Đông - Phương (Khổng - Mạnh, Lão-Trang, Phật nguyên-thủy); và bảng ghi tên những tác-phẩm triết học để giáo-sư lựa chọn cho học-sinh đọc trong lớp gồm đủ những tác-phẩm căn-bản bất hủ của Đông, Tây. Có tới trên 20 cuốn từ *Phédon* của Platon, đến *Le rire* của Bergson, *Etre et avoir* của Gabriel Marcel, *Tic-thư* của đạo Khổng, *Đạo-đức-kinh* của Lão-Tử và *Khóa-hư-lục*... Mà học-sinh ban Văn-chương phải đọc hai tác-phẩm, một của Đông-phương, một của Tây-phương, trong khi các bạn của họ ở trường Pháp chỉ phải đọc có một tác-phẩm thôi.

Chương trình Nhạc mới đáng làm cho chúng ta hãnh diện hơn nữa. Tôi không

có chương trình đó trong tay, nhưng theo cuộc *phỏng vấn* của báo *Mai* (số 27 — ngày 10-8-61) thì học sinh Trung học đệ nhất cấp phải hiểu nhạc lý, học xướng âm, ca hát, học chánh-tả nhạc, học nhạc sử. Riêng về nhạc sử họ phải biết nhạc nghệ Trung Hoa, Ấn Độ (thời thần thoại), Nhật Bản, Cao Ly, Cao Mên, Lào — đó là về phương Đông, còn về phương Tây thì họ phải học nhạc La Mã, nhạc thời Trung Cổ, thời Cận Đại. Tôi không hiểu những giáo sư trường Quốc gia Âm nhạc của mình có bao nhiêu người có được một kiến thức về nhạc quảng bác đến như vậy.

Trong bốn năm học, mỗi tuần một giờ, học sinh phải được nghe hơn 130 đĩa hát của Âu, tính ra mỗi giờ nghe một đĩa; rồi lại phải học phần dân ca, đủ các điệu từ cò lả tới hò lơ, lý tình tang, ngựa ô...

* * *

Vậy nhất định là nền giáo dục của chúng ta vừa hoàn toàn đầy đủ, vừa có bề rộng lại vừa có bề sâu, gồm đủ những cái hay, cái đẹp, cái cũ, cái mới của khắp thế giới, trọng cả sự « hun đúc tâm hồn, tính khí » lẫn sự « mở mang kiến thức phổ thông » — tuy phổ thông mà vẫn « chính xác tinh tường » — mà những trẻ Việt-Nam hấp thụ được chương trình tuyệt mỹ đó nhất định phải « có đủ khả năng *ra đời* » (1)

Sự cải cách năm ngoái của Bộ

Khi giáo sư Nguyễn Quang Trình, Viện-trưởng Viện Đại học Sài Gòn, kiêm

(1) In nghiêng trong chương trình.

Chủ tịch Tổng hội Giáo giới Việt-Nam, nhận chức Bộ trưởng Bộ Quốc Gia Giáo dục, quốc dân tin chắc rằng sẽ có sự thay đổi lớn lao, rằng nền giáo dục Việt-Nam sẽ thoát ngõ bí, và quả nhiên, nguyện vọng của quốc dân đã được thỏa mãn một phần nào.

Mới lên cầm quyền ông Tân Bộ trưởng đã mạnh bạo dùng Việt ngữ làm chuyển ngữ ở bậc Đại học, nhờ vậy đa số các cậu Tú và cô Tú được thõa ra nhẹ nhàng, khỏi bị cái « bức tường ngoại ngữ » ngăn cản trên con đường Đại học.

Rồi ít tháng sau ông lại tuyên bố sửa đổi chương trình Trung-học. Và chương trình Trung-học đã được cải tổ triệt, kết quả là các môn Việt văn, Hán tự, Toán, Vạn vật, Lý Hoá, Triết học, Công dân giáo dục, Sử, Địa, xét chung, rút đi được độ một phần mười. Học sinh mừng rơn mà giáo sư cũng khoan khoái. Riêng về môn sinh ngữ, sau mấy tháng nghiên cứu, Bộ đã cho áp dụng những cải cách khá quan trọng.

Phương pháp là phương pháp mới, trực tiếp, hoạt động, trực giác và tổng quát; tuyệt nhiên bỏ lối thuyết giảng, phân tách, bỏ văn-phạm lý thuyết, bỏ lối dạy nghĩa từng chữ. Anh, Pháp đã hứa giúp một số giáo sư chuyên luyện về giọng đọc cho học sinh các trường Trung học Sài-gòn.

Chương trình sẽ nhẹ đi. Ở đệ Thất và đệ Lục, học sinh chỉ học 1200 danh từ căn bản được lựa chọn kỹ càng. Tại các lớp trên, tạm thời dùng các sách sẵn có nhưng tránh những danh từ khó quá hay ít khi dùng tới và các giáo sư sẽ phải cố gắng dùng 1200 dụng ngữ căn bản để giảng những danh từ khác.

Vậy Bộ đã chủ trương cần tinh chứ không cần nhiều, cần nói được, chứ không cần thuộc nhiều dụng ngữ. Chủ trương đó rất hợp lý. Kết quả chắc-chắn là không còn những thí sinh Trung học đệ nhất cấp dịch *đá cầu* ra *pierre pont*, *đá bóng* ra *pierre balle* nữa. Nhưng muốn cho có kết quả như ý muốn — nghĩa là học sinh hết năm đệ tứ phải nói được viết được những câu dễ, ngắn, thông thường — thiết tưởng số học sinh trong các giờ sinh ngữ đừng nên nhiều quá (trên 30 trò, không giáo sư nào có thể dạy kỹ được), lại phải kiểm soát xem học hết hai năm đầu, học sinh dùng được 1200 dụng ngữ căn bản hay không (riêng tôi nghĩ chỉ những học sinh thông minh mới dùng nổi — con số đó còn cao quá đối với trình độ trẻ em nước nhà) nếu không thì bắt học lại một năm; sau cùng, dụng ngữ ở các lớp trên cũng phải lựa chọn hạn chế rất kỹ, chẳng hạn hết đệ tứ, học sinh học thêm được 800 tiếng nữa (cộng là 2.000); hết đệ nhị học thêm được 1000 tiếng nữa (cộng là 3000) là đủ rồi.

Nhưng tôi không khỏi ngạc nhiên khi xét đến phần tinh thần của sự cải tổ chương trình Trung học. Trong phần đó có câu:

Giữ nguyên trình độ học thức ở bậc Trung học.

Tất nhiên chúng ta phải hiểu trình độ đó là trình độ trên lý thuyết, nó khác hẳn với trình độ ở ngoài thực tế. Hiện nay hai trình độ đó khác nhau rất xa.

Mười mấy năm nay người ta đã cố giữ cái trình độ học thức đó ở bậc Trung học mà không được. Năm kia thì phải, khi người ta ra những đề

hi đúng với chương trình, mặc dầu giám khảo chấm rất dễ dãi mà thí sinh rớt như sung hết, đến nổi có nơi phải vớt đến 27, 28 điểm mà số thí sinh đậu vẫn chỉ khoảng 1/5. Nhiều vị giám khảo đã phải kêu rằng nếu chấm đúng theo tinh thần của chương trình, không rộng, không nghiêm, không vớt vát gì cả thì may lắm 20 thí sinh đậu được 1, nghĩa là trong một lớp 60 trò chỉ có ba trò đáng gọi là có cái trình độ học thức tương đương với chương trình còn trong số 57 trò kia thì có tới 30 trò trình độ học thức thấp hơn chương trình tới vài ba bậc.

Như thế thì giữ nguyên trình độ học thức ở bậc Trung học để làm gì nhỉ? Cứ nhét vào chương trình đủ cả những kiến thức kim cổ, đông tây, mà chỉ có 1 phần 10, 1 phần 20 học sinh theo được thì có ích gì không?

Nhưng khi Bộ đã quyết định « giữ nguyên trình độ học thức ở bậc Trung-học » thì tất Bộ có những lý do chính đáng, và Bộ cũng đã trù tính những biện pháp hữu hiệu để nâng cao trình độ của học sinh cho ít năm nữa là theo kịp trình độ trên lý thuyết đã ấn định trong chương trình. Chúng ta hãy chờ xem. Chúng tôi không hề nghi ngờ gì khả năng của Bộ, chúng tôi chỉ đứng vào địa vị một phụ huynh học sinh lấy tinh thần xây dựng mà góp ý kiến với Bộ về nỗi khó khăn khi thực hành để Bộ đề phòng đấy thôi.

Tuy nhiên đây mới là vấn đề quan trọng: dù có giải quyết được nỗi khó khăn kể trên, mà đa số học sinh của ta có được trình độ học thức tổng quát và

quảng bác như Bộ muốn, thì khi học hết Trung học họ có làm được việc gì không? có đủ khả năng để ra đời không?

Hiện trạng của nước ta có giống hiện trạng của nước Pháp không? Những nhu cầu của xã hội ta có giống những nhu cầu của xã hội Pháp không? Nói cách khác, nước Việt-Nam chúng ta hiện nay có thể tự tặng cho mình cái xa xỉ là đào tạo hàng mấy vạn thanh niên mỗi năm có một học thức tổng quát và quảng bác để rồi chẳng dùng họ vào việc gì được không, ngoài cái việc cạo giấy? Và nếu muốn dùng họ vào những công việc nông lâm, tiểu công nghệ hay kỹ nghệ thì sẽ có đủ trường đào tạo họ trong vài ba năm nữa không, gia đình họ có đủ khả năng nuôi họ học thêm vài năm đó nữa không?

Chúng tôi biết rằng hiện nay chính phủ đã lo việc mở thêm trường kỹ thuật, nhưng so với số trường Trung học phổ thông thì chẳng thấm vào đâu cả. Mỗi lo của phụ huynh học sinh chúng tôi là ở đó. Ai mà chẳng muốn cho con em có trình độ văn hóa kha khá, tổng quát và quảng bác, nhưng việc cần thiết là học hết mười mấy năm, đa số con em chúng tôi phải có đủ « khả năng để ra đời », phải mưu sinh lấy được, giúp được cái gì cho nhà cho nước, nếu không thì cái nền giáo dục của ta ngày nay cũng vô dụng, cổ hủ như nền giáo dục « tám vế » hồi xưa thôi. Hồi xưa cổ nhân thuộc lâu lâu lời của Thầy Khổng và thầy Mạnh, ngày nay người ta thuộc lâu lâu định lý Thalès, và định luật Mariotte, chỉ khác nhau có bấy nhiêu!

(còn tiếp)

NGUYỄN-HIẾN-LE

LÊ-XUÂN-KHOA

THƯ-TỊCH VIỆT-NAM

TRONG những công-trình khảo-cứu bằng văn - tự, sự có mặt của một thư - tịch thích - hợp là một điều hiển - nhiên cần - thiết. Barbié du Bocage đã gọi sự tìm hiểu các nguồn tài-liệu là một công-lý của công việc khảo-cứu (c'est un axiome que la première base d'une étude sérieuse est la connaissance des sources auxquelles on devra puiser). Công việc thiết-lập thư-tịch không những chỉ giúp cho học-giả có thể sưu-tầm tài-liệu được đích-xác mau-chóng và thứ-tự, nó còn giúp cho ta theo dõi được tình-trạng sinh-hoạt tinh-thần trong từng bộ-môn, để do đó có thể đo-lường giá-trị trí-thức và nhận-biết những khuynh-hướng chủ-yếu trong mỗi thời kỳ, mỗi giai-đoạn.

Công việc thiết-lập thư-tịch thường được thực-hiện bằng nhiều

cách với sự tham-gia của các thư-viện công, tư và các nhà xuất-bản. Ở Tây-phương, ngành thư-tịch trở thành một khoa-học kể từ thế-kỷ XVI, bắt đầu bởi Conrad Gesner với tập Bibliotheca Universalis, xuất-bản tại Zurich năm 1545. Thư-tịch-học càng ngày càng tiên-triển nhờ ở hoạt-động của những hội Thư-tịch-học và những kỳ hội-nghị quốc-tê về Thư-tịch. Ở Pháp, từ năm 1811 đã có một tuần-san về thư-tịch lấy tên là Bibliographie de la France, căn-cứ vào những ấn-phẩm đã nập-bản và sắp đặt có hệ-thống. Ngoài ra còn có những tập BIBLIO của nhà Hachette xuất bản hàng tháng, tập Le Livre du mois của Cercle de la librairie, v. v... Năm 1895, Viện Quốc-tê Thư-tịch (Institut International de Bibliographie) được thành-lập tại

Bruxelles, cho ấn-hành một tập-san thường-niên và biên-soạn bộ Bibliotheca Universalis, chia ra làm nhiều ngành chuyên biệt.

Ở Trung-Hoa thì dường như sau cái nạn « phần thư khanh nho » của Tấn - Thủy - hoàng, ngành thư - tịch được đặc-biệt chú trọng. Lê-Quý-Đôn, trong bài tựa Nghệ-văn-chí, có nhắc đến những thư-tịch đời Hán, Tùy, Đường, Tống..., ca ngợi tính-cách phong-phú của chúng cùng tinh-thần tôn-trọng thư-tịch của sĩ-phu Trung-Hoa từ những đời ấy.

Ở nước ta, ngành thư-tịch từ xưa đến nay vẫn thường ở trong một tình-trạng đáng buồn. Muốn có một nhận-định rõ-ràng về tình-trạng ấy, ta nên phân-biệt hai loại tác-phẩm xuất-hiện trong những thời-kỳ lịch-sử khác nhau: 1/ Tác-phẩm chữ Hán và chữ Nôm; 2/ Tác-phẩm viết bằng tự-mẫu la-tinh (Việt-Pháp-Anh).

Về loại cổ-văn (Hán và Nôm), công việc thiết-lập thư-tịch có qui-mô đầu tiên là của Lê-Quý-Đôn (1726-1784) với mục Nghệ-văn-chí trong cuốn Đại-Việt Thông-Sử xuất bản năm 1749. Trong bài tựa của mục này, tác-giả đã ghi lại lịch-sử tình-trạng sách-vở ở nước ta với những lời than phiền vô cùng cảm động :

« ... Tôi thường khảo-cứu những « thư-tịch của nhà Hán, nhà Tùy, « nhà Đường, nhà Tống, thầy sách « vở có tới ngoài trăm vạn quyển, « thật phong-phú thịnh-đạt thay ! « Đương thời có những kho giữ « cần mật đằng hoàng. Các bậc danh

« sĩ đại-phu thì giữ lại càng cẩn thận « và truyền-bá sâu rộng. Bối thề, dù « có bị trải qua những cơn binh lửa « mà cũng không bị tán lạc gì nhiều.

« Nước : ta vẫn mang danh là một « nước văn-hiến, trên thì nhà vua, « dưới thì thần dân, chẳng phải là « không có trữ-thuật, nhưng hợp tất « cả lại thì bắt quá được độ hơn « trăm pho, so với tác-phẩm Trung « Hoa, mười phần mình không được « một. Sách vở đã ít ỏi mà thư-viện « giữ gìn lại cũng cầu-thả sơ-xuất. « Kho sách kín không nhất định chỗ « nào, nhân-viên coi giữ không nhất « định là ai ; coi lại chép lại, phơi « phóng, tàng-trữ không có phép tắc « gì. Các người học tập một thời « cũng chỉ sưu tập những bài văn « mẫu với mục-dịch đi thi, khi thầy « sách lạ đời trước không có liên- « quan tới việc khoa-cử thì bỏ đi « không sao lục, hoặc có sao-lục « thì cũng không so sánh hiệu-đỉnh. « Nếu có người thích giữ sách cổ « thì lại để làm của riêng, khư khư « giữ kín không cho người khác « biết. Như vậy sự sưu tầm sách « vở trở nên khó khăn, vì khi tìm « thấy thì khó lòng biện chính được « những điểm sai lầm. Thực là đáng « tiếc cho trí-thức vậy.

« Đương thời thịnh-vượng nhà « Trần, văn hóa rực rỡ, điển-chương « đầy đủ, đầu đời Nghệ-tôn. quân « Chiêm-thành xâm-lăng bờ-cõi, đột « cướp hầu hết. Sau đây dần dần « thu thập lại. Kịp đến nhà Hồ mất « nước, tướng Minh là Trương-Phụ « thu hết sách vở cổ kim gửi về Kim-

« lãng. Bàn-triều dẹp loạn và xếp đặt
 « lại trật tự. Các danh-nho như
 « Nguyễn-Trãi, Lý-Tử-Tân, Phan-Phu-
 « Tiên cùng nhau sưu-tầm điển-tịch,
 « thu nhặt các văn-thư, còn sót lại
 « sau cơn binh lửa, mười phần còn
 « lại bốn năm. Vua Lê-Thánh-Tôn
 « chuộng đọc kinh sách. Buổi đầu đời
 « Quang-Thuận, Ngài ban chiếu tìm
 « dã-sử, thu lượm truyện ký cổ kim
 « còn chứa ở các tư-gia thấy đều
 « phải trình dâng lên cả. Ở đời Hồng
 « Đức, Ngài ban chiếu tìm các sách
 « vở bỏ sót để chứa giữ ở Bí-các.
 « Ai mà hiến lên sách hiếm lạ đều
 « được hậu thưởng. Như vậy các
 « sách đời trước lần lần được đem
 « ra ánh sáng.

« Rồi đền Trần-Cao làm loạn, kinh
 « thành không được canh giữ, quân
 « lính, thường dân tràn vào nơi
 « cung cấm, cướp lấy vàng lụa, kinh
 « sách giấy tờ bỏ rơi vãi đầy đường.
 « Nhà Mạc biết thu nhặt và sao chép
 « ít nhiều, nhưng đền khi chính
 « quyền quốc gia trở về kinh thành
 « thì lại một phen đốt sách. Những
 « sách ở các nhà đại-phu, ít quyền còn
 « giữ được. Để cho thư-tịch tán-tác
 « đền như vậy thực đáng tiếc vô
 « cùng

« Ở vào hai triều đại Lý và Trần,
 « trải hơn ba trăm năm, chiếu, sách,
 « sắc-lệnh, tụng ca, thi tập, nghị luận,
 « văn tấu, điển chương, điều lệ, cách
 « ngôn, có biết bao nhiêu không kể
 « xiết mà nay hoàn-toàn mất hết.
 « Sách Thiên-Nam Dư-Hạ gồm có
 « luật-lệ, chế độ, văn bài, điển cáo
 « của triều nhà Lê, cũng như sách

« Thông-Điển và Hội-Yếu, mười
 « phần còn lại được một hai. Các
 « bậc quân-tử xem rộng học nhiều
 « còn biết tìm vào đâu. Ví như bộ
 « Trích-Điểm Thi-Tập chứa các áng
 « văn-chương của các bậc hiền-nhân
 « sáng-tác, nay chỉ còn tên các thiên
 « mà không còn mong nhìn thấy,

« Than ôi! xưa kia đức thánh
 « Khổng của chúng ta mong mỗi biết
 « đạo-lý của nhà Hạ và nhà Ân đã
 « phải than tiếc rằng nước Kỳ và
 « nước Tống là dòng dõi của hai nhà
 « chỉ còn là những bằng-chứng thiếu
 « sót. Đây là nói riêng về thư-tịch,
 « điển-chương của đời trước. Đền
 « như văn-hóa rực rỡ của Tây-Chu
 « thì hẳn có thể khảo-cứu được rõ
 « ràng, đâu đền nổi như điển-tịch
 « văn-chương của đời trước Lê trung-
 « hưng của nước ta. Những điển-tịch
 « này cùng với điển-tịch đời nhà Lý
 « nhà Trần thì nay hoàn toàn hư
 « danh không còn nữa. Tôi thấy thê
 « mà đau lòng... »

Kề tiếp Lê-Quí-Đôn, Phan-Huy-Chú
 (1782-1840) cũng gắng công sắp đặt
 lại một hệ-thống thư-tịch xếp vào
 mục Văn-tịch-chỉ trong bộ sách bách
 khoa Lịch-Triều Hiến-Chương Loại-
 chí (quyển 42-45). Về tình-trạng thư-
 tịch cổ, học-giả họ Phan cũng bày tỏ
 những cảm tưởng rất thông-thiết, ghi
 trong cả bài Tựa và bài Dẫn :

« ...Đình, Lê trở về trước, văn
 « hóa nước Việt ta chưa phát-triển.
 « Từ khi Lý, Trần dậy lên thì văn
 « vật mới gọi là thịnh. Những bậc
 « vua sáng tôi hiền trước-thuật ra,

« những nhà học rộng tài cao phát-
 « huy thêm hơn bốn trăm năm được
 « tốt tươi rực rỡ. Đền đời Hồng-
 « Đức nhà Lê, vận-hội hanh-thông,
 « trên có nhà vua san thuật ra điển-
 « chương rất nhiều, dưới thì bề tôi
 « hưởng-ứng theo, văn-hương sán-
 « lạn. Bởi thế sách vở đầy rẫy, thực
 « là phồn thịnh. Nhưng trải bao phen
 « biến loạn liên tiếp, sách vở thất
 « lạc đi, tiếc thay phần nhiều không
 « còn thấy nữa...

« ... Duy điển-tịch của các triều,
 « từ trước chưa soạn thành sách.
 « Quốc-sử biên chép công việc hàng
 « năm còn sơ lược nhiều. Huồng chỉ
 « từ năm Bính-ngọ (1) có việc binh
 « đao đến nay, sách cũ tan nát, chỉ
 « còn được một ít của các cồ-gia
 « thế-tộc cất giấu đi. Các sách vở cũ
 « còn sót lại biên chép lẫn lộn sai
 « lầm không biết đâu mỗi thế nào,
 « bản về điển-cổ các triều thì lờ mờ
 « không căn cứ. Vậy việc ghi chép
 « những điều mắt thấy tai nghe chia
 « ra từng loại để làm một cuốn sách
 « có khuôn phép há chẳng phải là
 « nhiệm-vụ của người học giả hay
 « sao ? »

Nói tóm lại, thư-tịch cổ Việt-Nam
 luôn luôn ở vào tình-trạng ồm yếu
 và tàng-tật. Theo nhận xét của Lê-
 Quý-Đôn và Phan-Huy-Chú thì sở-dĩ
 có tình-trạng ấy là vì hai nguyên-do :

1) Người xưa thiếu tinh-thần và
 thiếu óc tổ-chức trong công việc
 lưu-trữ và xếp đặt sách vở;

2) Những cơn binh lửa loạn lạc
 xảy ra liên tiếp.

Ngoài ra, chúng ta còn phải kể
 thêm vài nguyên-do khác không kém
 phần quan trọng : trước hết là khí
 hậu ẩm thấp của nước ta rất tai
 hại đối với việc giữ gìn sách vở.
 Sô sách bị loài mối mọt phá hoại
 chắc chắn không phải là ít. Thêm
 vào đó, kỹ-thuật ấn-loát còn ở tình
 trạng ấu-trĩ, việc sao-lục và phổ-
 biến sách vở trong dân gian trở
 nên rất khó khăn. Nghề khắc ván
 in ở nước ta dường như có từ
 sớm (2) nhưng mãi đến thế-kỷ XVI
 mới thật sự thành-lập. Theo sách
 Hải-Dương Phong Vật Chí, Lương-
 Như-Hộc (3) là người đầu tiên học
 được nghề khắc ván in ở bên Tàu
 đem về nước, dạy lại cho người
 làng của mình. Những làng làm
 nghề in ở nước ta như Hồng-Liêu
 và Liễu-Tràng (huyện Gia-lộc, tỉnh
 Hải-Dương) vẫn thờ ông làm tiên-sư.

Sách vở ở nước ta không những
 đã ít và khó lưu-truyền, lại còn bị
 cái nạn tam sao thất bản. Các nhà
 nho xưa không mấy người biết tôn
 trọng nguyên-tắc « Nghi dĩ truyền
 nghi » mà thường có khuynh-hướng
 sửa chữa và thêm bớt cổ văn khiến
 cho công việc sưu-tầm nguyên bản
 cực kỳ khó khăn. Sử-gia Ngô-Sĩ-
 Liên phê-bình về tính-cách hư-truyền
 của các truyện cổ đã từng nhận xét
 rất xác-đáng : Quá tin ở sách vở
 thì thà không có sách còn hơn (Tin
 thư bắt như vô thư).

Từ đời vua Minh-Mạng về sau,
 triều đình nhà Nguyễn thiết-lập
 Quốc-sử quán, đặt ra Văn-thư phòng
 và Tụ-khuê thư-viện để thu thập và

giữ gìn sách vở. Tuy vậy cũng không có công trình nào tiếp tục những tập Nghệ-văn chí và Văn-tịch chí.

Mãi đến năm 1904, vấn-đề thư-tịch cổ Việt-Nam mới được hai học-giả người Pháp là L. Cadière và P. Pelliot đem ra xét lại. Các ông tham-khảo tài-liệu trong Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư, Khâm-định Việt-sử Thông-giám Cương-mục và một ít sách vở khác viết ra bài *Première Etude sur les Sources de l'Histoire d'Annam* (4). Kế đó, H. Maspero trong bài *Etudes d'Histoire d'Annam* (5) và L. Aurousseau trong bài điểm sách *Histoire Moderne du pays d'Annam* của Charles Maybon (6), đều có bổ-túc cho bài trên bằng những lời ghi chú hoặc liệt kê danh-sách tài-liệu.

Đến năm 1934, ông E. Gaspardone lại cho đăng trong tập-san của trường Viễn-đông Bác-cổ một bài khảo-luận rất công-phụ về thư-tịch cổ Việt-Nam, nhan đề là *Bibliographie Annamite* (7). Ông đã dựa theo Nghệ-văn-chí của Lê-Quý-Đôn và Văn-tịch chí của Phan-Huy-Chú, xếp loại, liệt-kê và chú-thích rõ ràng về 154 tác-phẩm và tác-giả, có thể kể như một thư-tịch-khảo hoàn-hảo nhất từ trước đến nay về phương-pháp mặc dầu số sách liệt kê chưa đầy đủ.

Bẵng đi một thời-gian khá lâu, đến năm 1959 mới lại thấy xuất hiện cuốn *Sử-liệu Việt-Nam* của ông Tuấn-lý Huỳnh-Khắc-Dụng (8) Đây cũng là một công-trình sưu-tập và chú-thích rất công-phụ, tiếp-tục và bổ-túc công-việc của E. Gaspardone. Mặc

dầu mang tên là *Sử-liệu*, cuốn sách cũng ghi chép cả những tài-liệu văn-học, triết-học, tôn-giáo, địa-lý, quân-sự... Tiếc rằng tác-giả chỉ liệt-kê các tác-phẩm theo thứ-tự thời-gian mà không sắp đặt theo từng môn loại cho nên việc tra cứu không được thuận tiện lắm.

Dù sao, vấn-đề thư-tịch cổ Việt-Nam đến nay cũng có thể coi như tạm ổn-định.

Về phần các tài-liệu viết bằng tự mẫu la-tinh (Việt, Pháp, Anh...), công việc thiết-lập thư-tịch cũng có một lịch-sử vừa đúng 100 năm.

Từ 1862, de Bellecombe đã viết một bài về thư-tịch Việt-Nam với cái tên kỳ lạ *Bibliographie Annamique*, nội-dung rất sơ-sài, đăng trong *Tableau de la Cochinchine* de E. Cortambert et de Rosny.

Bốn năm sau, Barbière du Bocage đăng trong *Revue Maritime et Coloniale* (Février, Mai và Août 1866) một bài thư-tịch-khảo với nhan-đề *Bibliographie Annamite*. Đây là một công-trình biên-soạn công-phụ và rất có phương-pháp.

Năm 1880, Ủy-ban Nông-vụ và Kỹ-nghệ ở Nam-kỳ (Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine) cho ấn-hành một tập danh sách các tác-phẩm về Nam-kỳ, Trung-kỳ và Cao-miền xuất bản từ năm 1866 (*Liste d'ouvrages sur la Cochinchine, l'Annam et le Cambodge parus depuis 1866*).

Công việc này lại được Landes và Folliot tiếp-tục trong tập *Bibliographie de l'Indochine Orientale* depuis

1880, trong đó liệt-kê các sách vở từ 1880 đến 1889.

Tiếp theo, có nhiều thư-tịch chuyên-biệt được thành lập. Một vài việc biên-soạn thư-tịch tổng quát bị dang dở như trường-hợp H. Oger với bài *Matériaux pour une Bibliographie Générale de la Presqu'île Indochinoise* đăng trong *Revue Indochinoise* năm 1908 (n. s. , t. IX).

Từ năm 1912 đến 1915, Henri Cordier cho ra đời một công trình đại qui-mô nhan-đề là *Bibliotheca Indosinica* gồm có 4 quyển và một tập *Index* ghi chép tất cả những sách vở từ 1912 trở về trước. (9).

Công việc của Cordier được Paul Boudet và Rémy Bourgeois tiếp tục và hoàn-bị hơn về phương-pháp trong bộ *Bibliographie de l'Indochine Française*, ghi chú những tác-phẩm xuất-bản từ 1913 đến hết năm 1935. Tiếc rằng các soạn-giả đã không thể tiếp tục công việc vì cuộc đảo-chính Nhật năm 1945. (10).

Ngày nay, nếu ta muốn tra-cứu thư-tịch Đông-dương và Việt-Nam từ sau 1935, ta có thể xử-dụng những quyển *Liste des Imprimés* do Nha Văn-khố và Thư-viện Hà-Nội xuất-bản, liệt-kê danh sách các báo-chi và sách vở xuất-bản từ 1 tháng Hai 1922 đến cuối tháng Chạp 1949.

Ngoài những tập thư-tịch trên đây, ta cũng cần nhắc đến bộ *Dictionnaire de Bio-Bibliographie Générale, Ancienne et Moderne de l'Indochine Française* của A. Brébion, (11)

ghi chép tiểu-sử và văn-nghiệp của các danh-nhân và văn-gia Việt-Nam và Ngoại-quốc trong khoảng thời-gian từ 1859 đến 1917 (1917 là năm tác giả hoàn-thành bộ sách nhưng chưa kịp in thì từ-trần).

Từ đây trở lên, ta đã thấy những công-trình biên soạn thư-tịch có qui-mô đều là do các học-giả người Pháp thực-hiện. Trong những năm gần đây, bên cạnh các thư-tịch gia người Pháp đã có một số học-giả và thư-tịch-gia người Việt tiếp tục thiết-lập các thư-tịch chuyên-biệt. Có thể kể làm thí-dụ :

1) Maurice Durand : *Liste des travaux publiés par l'E. F. E. O. sur l'Histoire, l'Archéologie, Les Moeurs et Coutumes du Vietnam* (tạp-chí *Dân Việt-Nam*, số 1, tháng 5-1948) ;

2) Trần - Hàm - Tần : *Bibliographie analytique sur la pharmacopée sino vietnamienne* (*Dân Việt - Nam* số 2, 1948).

3) B. Noger : *Bibliographie analytique des travaux scientifiques en Indochine* (1939-40-41). IDEO Hanoi, 1943 ;

4) Huard et Wong : *Bio-Bibliographie de la médecine chinoise* (BSEI, n. s., XXXI, số 3, 1956).

5) Nguyễn-Hùng-Cường ; Bảng kê tập-san Đông-Dương và Việt-Nam (nguyệt-san Văn-hóa Á-Châu từ số 19 đến số 24, tháng 10 đến tháng 3-1960);

6) Bùi - Quỳnh và Nguyễn-Hùng-Cường : *Thư-tịch khảo về Khoa-học*

Xã-hội tại Việt-Nam (Luật-học kinh-tế tạp-chí, số 1-2, 1959 : 1947-1959 ; 1-2, 1960 : 1959-1960).

7) Tăng-Thị-Tị : Mục-lục phân-tích tạp-chí khoa-học xã-hội tại Việt-Nam (1958-1960) — Tập-san Nghiên-cứu Hành-chính tập V số 10, 1961).

Ngoài những công trình biên soạn kể trên, ta còn phải kể đến những bản thư-tịch về Việt-Nam thực hiện ở các nước khác. Trong tập «Đông-Dương Văn-khò thư-tịch, Triều-Tiên bản» in tại Tokyo, có một phần phụ lục, liệt-kê những tác phẩm cổ Việt-Nam hiện còn tàng trữ ở Nhật. Một sở thư-viện ở Hoa-kỳ cũng thiết-lập thư tịch Việt-Nam, ghi trong những cuốn sau đây :

1) Indochina, a Bibliography of the Land and People. (The Library of Congress, Reference Department — Washington 1950) ;

2) Southeast - Asia, an Annotated Bibliography of Selected Reference Sources (The Library of Congress, Orientalia Division — Washington 1952) ;

(1) 1786 : Tây-Sơn ra Bắc diệt nhà Trịnh.

(2) Trong sách Thiên-Uyên Tập-Anh có nói sư Tín-Học (chết năm 1190) trụ-trì ở một ngôi chùa trên núi Không-Lộ, thừa trước cha ông đời đời làm nghề khắc ván in, dù biết nghề ấy xuất-hiện ở Việt-Nam từ sớm (Việt-Nam Cổ Văn học Sử, Nguyễn-Đổng-Chi, tr. 150).

(3) Lương-Như-Học tự Tương-Phủ người làng Hồng-liễu, huyện Trường-tân (nay là Thanh liễu huyện Gia-lộc tỉnh Hải-dương, đậu Thám hoa năm 1482 (đời Lê-Thái-Tông), làm quan đến chức Đô-ngự-sử. Ông đã sang sứ nước Tàu

3) Embree and Dotson : Bibliography of the Peoples and Cultures of Mainland Southeast Asia (Yale University, Southeast-Asia Studies - New Haven 1956) .

4) The Journal of Asian Studies, Vol. XX, n. 5, Sept. 1961 : Bibliography of Asian Studies 1960.

Nhìn chung các tác phẩm viết bằng mẫu-tự la-tinh về Việt-Nam, chúng ta nhận thấy tình trạng thư-tịch đã có thể gọi là phong-phú. Tuy vậy, chúng ta vẫn thực sự thiếu sót một thư tịch tổng quát thực hiện bởi người Việt-Nam, xứng đáng tiếp tục công trình của Paul Boudet và R. Bourgeois đã phải dừng lại từ 1935. Có lẽ nhận thấy không thể để cho sự thiếu sót đó kéo dài mãi, nhất là trước tình hình sinh-hoạt náo-nhiệt của ngành xuất bản hiện thời, nên một vài người có nhiệt-tâm đã can-đảm ăn hành những tập san thư-tịch tuy chưa phải là những công-trình tổng quát bù đắp cho những năm còn thiếu, nhưng đã giúp cho chúng ta có được khá nhiều, nếu chưa phải là đầy đủ tin tức về hiện-tình sách vở và tạp chí ở nước ta.

hai lần : năm 1443 và 1459. Thọ 82 tuổi. Ông cùng với tiến-sĩ Dương-Đức-Nham biên soạn cuốn Cổ-Kim Thi-Gia Tinh-tuyền, sưu-tập và chú-thích 472 bài thơ của 13 thi-gia về cuối đời Trần, đời Hồ và đời Lê. Ông cũng là tác giả Cổ-kim Chế-từ tập và tập thơ nôm Hồng-Châu Quốc-ngữ Thi-tập. Trong Hoàng-Việt Thi-tuyền còn ghi lại hai bài thơ chữ Hán của Ông.

(4) BEFEO, IV, 1904, tr. 617-671.

(5) BEFEO, XVI, 1916, tr. 1-55.

Trước hết là tập san Kim-Cổ viết bằng Pháp-văn do Nguyễn-Trần-Huân và Dư-Tân chủ-trương, xuất bản tại Paris hồi đầu năm 1960. Tập này nhằm mục-đích giới-thiệu và nhận-xét về tất cả những sách vở và tạp-chí có liên-quan đến Đông-Nam-Á nói chung và Việt-Nam nói riêng. Rất tiếc tập-san này đã phải ngưng xuất-bản sau khi ra số đầu tiên vì thiếu phương-tiện. (12)

Một tập-san thư-tịch khác có số-phận may mắn hơn là tập Tin-Sách do Nguyễn-Ngọc-Linh, Nguyễn-Ngọc-Phách và Trần-Phong chủ-trương, ra mắt tại Saigon từ tháng Giêng 1960. Từ một tập thư-mục có tính-cách khô khan, Tin-Sách đã cải tiến thành một tập-san chuyên về sinh-hoạt thư-tịch. Nội-dung, ngoài phần giới-thiệu các sách báo mới xuất bản, còn có những bài điểm sách, những bài khảo-luận về thư-tịch, về nghệ-thuật viết sách và đọc sách v. v... Nói may mắn hơn là vì nhóm Tin-Sách đông hơn và có điều-kiện hơn tờ Kim-cổ chứ thật sự thì số phận Tin-Sách cũng mong manh lắm.

(6) BEFEO, XX, 1920, tr. 73-120.

(7) BEFEO, XXXIV, 1934, tr. 1-173.

(8) Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, Saigon, 1959.

(9) Paris, Imprimerie Nationale, E. Leroux, éditeur, (1912-1915). Riêng quyển Index là do Bà A. Roland Cabaton, Paris, Van Oest, éd., 1932.

(10) Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, 1920, 1932, 1933, 1943. Tập thứ tư gồm ba cuốn mới in được cuốn đầu sắp đặt theo tên tác-giả. Ông Nguyễn-Hùng-Cường, quản-thủ Tổng

Gán đây, Nha Giám-Độc Văn-khở và Thư-viện Quốc-gia lại mới cho phát-hành một tập thư-mục hàng tháng lấy tên là Sách Mới (Nouvelles Acquisitions). Đây là công việc xuất-bản tương-tự với những tập « Listes des Imprimés » của Nha Văn-khở và Thư-viện Hà-nội trước kia, nhưng dưới một hình-thức đơn-giản hơn. Tập Sách-Mới in bằng ronéo, gồm có hai phần: phần I sắp đặt sách theo phân loại, phần II theo nhan-đề của sách. Nội-dung là một bảng liệt-kê các sách Việt-Nam và ngoại quốc mà Nha Văn-khở và Thư-viện Quốc-gia nhận được do:

- nạp bản theo luật định,
- trao đổi văn-hóa phẩm với cơ-quan văn-hóa ngoại-quốc,
- mua tại các nhà xuất-bản,
- do tư-nhân hay các hiệp hội gửi tặng.

Tập Sách-Mới còn thiếu phần dành riêng cho các tạp chí và hầy còn ở trình-độ một bảng liệt-kê có tính-cách thông-tin. Người ta mong rằng đây mới chỉ là bước đầu tiên để

Thư-viện Quốc-gia cho biết rằng hai cuốn sau sắp đặt theo môn loại, quan-trọng hơn, đã được tác-giả kịp thời lấy lại sau khi nhà in IDEO bị phá năm 1945. Bản thảo hiện do bà Boudet cất giữ ở Paris và đang mong muốn có người xuất-bản.

(11) Annales des Sciences Coloniales, tome VIII, publié après la mort de l'auteur par Antoine Cabaton — Paris, 1935.

(12) Bác-sĩ Nguyễn-Trần-Huân có phần nản rằng bài vở số 2 đã sẵn sàng, các vị hợp-tác luôn luôn có thiện-chí cung cấp bài vở nhưng vấn-đề ấn-loát ở Pháp quá nặng nề nên chưa thể ra tiếp được.

tiền tới công việc thiết lập một thư-tịch Việt-Nam đại-qui-mô, công việc mà chỉ có Nha Văn-khở và Thư-viện mới có đủ thẩm-quyền và điều-kiện để thực-hiện.

Ngành khảo - cứu ở nước ta lúc này đang ở vào một tầm quan-trọng đặc-biệt, từ công việc trở về nguồn để tìm hiểu và khai-thác vồn-liềng tinh-thần của dân-tộc cho đến công cuộc thâu - nhận tinh - hoa văn-hóa nước ngoài. Mặt khác ta chỉ có thể thực sự tham - gia vào công cuộc trao-đổi và thẩm-định hồ tương các giá-trị văn-hóa Đông Tây như UNES-CO đã chủ-trương và khuyến-khích thực-hiện ở hết thảy các quốc-gia

một khi ta đã có ý-thức được đầy đủ về vồn liềng và giá trị văn-hóa của chính dân-tộc chúng ta.

Trong hiện tình, hệ-thống giáo-dục Trung - học và Đại - học đang mong đợi được cung - cấp kết quả của những công-trình sưu - tầm và nghiên - cứu mới mẻ. Các học-giả, giáo-sư và sinh-viên cũng đang vất vả mò mẫm những nguồn tài-liệu cần thiết cho mỗi ngành khảo cứu của mình. Hơn lúc nào hết, ngành thư-tịch Việt-Nam cần phải được tích - cực khuyến - khích và nâng đỡ.

LÊ-XUÂN-KHOA

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG - ĐỦ TIỀN NGHỊ
TIẾP ĐÃI ÂN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chúa Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN
ĐIỆN THOẠI : 24.178

SOCIÉTÉ INDOCHINOISE DE DOCUMENTATION
et de
REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co**
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18. BEN BACH DANG — SAIGON

CẢM NGHỊ TRONG MỘT CUỘC

VIỄN DU THẾ-GIỚI (Kỳ Hội-nghị thứ 11

của Liên-Hiệp Quốc-Tế Chủ-nhân Công-giáo tại
Santiago, Chí-Lợi).

L. M. FERNAND PARREL

CÔ - LIÊU dịch

ĐƯỢC hội Liên Hiệp quốc-tế chủ nhân công giáo (Unipac) mời đến dự kỳ hội nghị thứ 11 vào cuối tháng chín tại Santiago, thủ đô Chí-Lợi, tôi rời Saigon ngày 15 tháng 8 năm ngoái. Ngày 11 tháng 9 tôi cùng với các hội viên khác đáp máy bay hãng Air France tại phi trường Orly, để dự cuộc hành trình đến thủ đô Chí-Lợi. Đáng lẽ có hai vị Chủ nhân Công giáo Việt-Nam cùng đi với tôi, nhưng đến phút cuối cùng, có việc trở ngại không đi được nên chỉ có mình tôi đại diện cho nước Việt-Nam, và cả Á-Châu.

Máy bay tạm nghỉ lần thứ nhất ở Nữu Ước trong hai ngày. Hai ngày, không là bao nhiêu, nhưng đủ thì giờ cho chúng tôi có một ý niệm về một đô thị rộng lớn của Tân bán cầu, một thế giới mà bước chân vào đây, người Âu hay người Á có cảm tưởng rõ rệt là không phải khung cảnh quen thuộc nhà mình. Có nên thú thật rằng tiếp xúc với thành phố Manhattan, tôi có cảm giác bị nghẹt thở giữa những bin-đỉnh đồ-xộ! Phải, tôi có cảm

giác khó thở, cảm giác bị đè bẹp, không phải chỉ mình tôi thấy như vậy. Người ta khó lòng thấy con người được thư thái dễ chịu trong một khung cảnh như thế. Hẳn là khung cảnh ấy không có cá tính rõ rệt, con người khó lòng giữ được bản chất riêng của mình, họ bị dòng đời vật chất lôi cuốn, tinh thần không có đất nẩy nở. Bằng chứng là nhà thờ Saint Patrick bị chìm giữa những dinh thự cao ngất bao vây xung quanh. Phố xá cân đối như đo cất bằng thước mực, tên phố thay bằng con số, càng làm cho khung cảnh thiếu hẳn cá tính riêng biệt. Có lẽ người đi đường không vội vàng như ở Ba-Lê, nhưng người ta có cảm tưởng là ở đây không ai có thì giờ suy tưởng. Ta sẽ nghĩ sao về những chuyến xe chuyên chở công cộng đông hành khách hơn ở Ba-Lê! Những toà bin-đỉnh đều là phòng giấy, ban ngày có khi chứa tới 16.000 người như toà Empire Building, tối đến nhả hết người ra ngoài phố để họ trở về nhà, nhiều khi rất xa thành phố. Bảy giờ Nữu Ước sáng

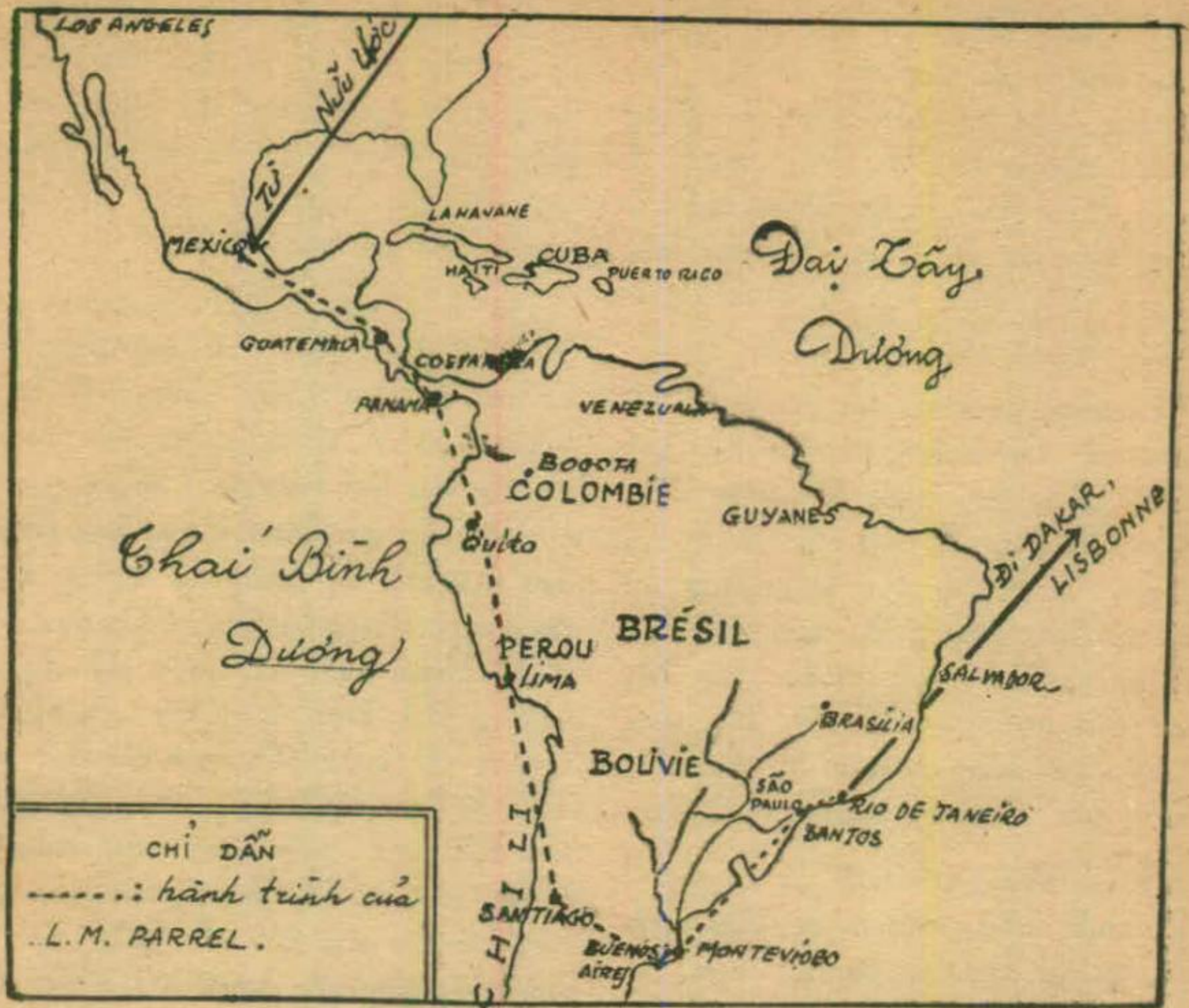
trưng muôn ngàn ánh lửa, một cảnh tượng huyền ảo, hay ít ra cùng lạ mắt. Có thể gọi là đẹp được không ? Tôi không cho là đẹp.

Nữu-Uớc còn có điểm nữa làm tôi chú ý. Mỗi tầng lớp xã hội sống một khu riêng biệt, gần như có hàng rào ngăn cách. Có khu da đen Haarlem, khu của người Porto Ricains, khu Bowery của người cùng khổ, khu Chinatown của khách trú, khu Wall Street của tài-phiệt và đại - thương, khu East River là khu biệt thự của người giàu sang. May thay, còn có hoa viên Central Park xanh tươi, sự hãnh diện của người dân Nữu-Uớc. Người ta lấy làm hãnh diện cũng phải, vì giữa một nơi chỉ có xi - măng cốt sắt, thiếu hẳn cỏ cây, người ta phải tự hỏi có còn ở cảnh địa của loài người !

Tuy nhiên khi viết những dòng này, mục đích của tôi không phải là tả cảnh Nữu-Uớc, tôi muốn ghi lại một vài cảm tưởng khi tôi ở đây. Tôi xin thú thực rằng cuộc tiếp xúc của các nhân-viên chi hội UNLAPAC với một vài Chủ nhân Công giáo ở đây, kết quả thật đáng buồn. Nguyên tắc một nền kinh-tế nhân bản đem ra trình bày đã gặp trở lực của bức tường bê-tông kinh-tế tư bản. Kết quả cuộc tiếp xúc có thể tóm thâu trong một câu giản dị : Hoàn toàn không hiểu nhau, vì ở đây người ta chỉ biết có nền kinh tế tư bản cổ điển. Tuy nhiên tại hội nghị Santiago cũng có chút tiếng vang đối với vị Chủ nhân Công-giáo Chicago, đại diện cho Hội Chủ nhân Công-Giáo Châu Mỹ, như vậy thiết nghĩ cũng là một điều an ủi.

Ngày 13, mọi người lại có mặt ở sân bay quốc tế để đón máy bay hãng Air France đi Mexico. Sự giao thông trên phi cảng này rất phồn thịnh. Tổng số phi cơ qua lại vượt xa các phi cảng lớn trên thế giới. Phi cơ đủ các cỡ lớn nhỏ nối đuôi nhau đợi lúc cất cánh đi các ngả.

Ở Mexico, chúng tôi được Hội Chủ nhân Công giáo USEM tiếp đãi niềm nở, hội này mới thành lập được vài tháng, nhưng hoạt động rất mạnh. Chúng tôi dự cuộc thảo luận nghiên cứu tổ chức trong một tuần. Đó là cuộc tiếp xúc đầu tiên với châu Mỹ La-Tinh, một nước chói lọi màu sắc kỳ thú đượm nét văn minh Mỹ hỗn hợp với I-pha-Nho. Mexico với gần 3 triệu dân cư, tọa lạc trên một cao nguyên rộng, cao 2400 thước. Ngày lễ kỷ niệm nền độc lập Mễ Tây Cơ do Cha Hidalgo khởi xướng bây giờ vẫn là một ngày thiêng liêng của dân chúng, họ theo tục lệ cổ truyền mở hội ăn mừng. Phái đoàn được viếng thăm một làng tượng trưng cho thôn quê nước Mễ Tây Cơ và những di tích lịch sử của thổ dân Aztèques. Chúng tôi chú trọng hơn cả đến Đền Đức Bà của Thánh Đường Guadeloupe ở Mexico, một sự kiện chứng tỏ lòng tin ngưỡng dồi dào của dân chúng. Tôi đã chứng kiến công nhân những xưởng đúc nhôm hợp thành từng đoàn đi chân đến dự lễ, như các nghiệp phường (corporation) thời Trung Cổ ở Pháp. Có lẽ giáo hội sẽ có thể làm được nhiều nếu quyết tâm quay về với dân tộc này ; tuy đời họ có khi cùng khổ, nhưng lòng tin tưởng của họ vững chắc như vậy chỉ phải cái thiếu sự hướng dẫn và không được sáng suốt lắm. Liệu người ta có làm gì không ? và có làm kịp thời không ? Đó là tất cả câu hỏi.



Những tài liệu của hội USEM trao cho chúng tôi có cái lợi là cho chúng tôi biết những vấn đề then chốt của Châu Mỹ La-tinh, một xứ mới bừng tỉnh giấc ngủ mê, tuy có kỹ nghệ hóa, nhưng nhiều vùng thôn quê nghèo đói vì sống trên những ruộng đất mất màu từ lâu, nhiều chương trình cải cách điền địa đã được thi hành, nhưng có lẽ đều chưa được nghiên cứu kỹ càng. Trong cuộc viếng thăm đáng ghi nhớ ấy chúng tôi phải xúc động vì nhiều sự mâu thuẫn, vì những đặc điểm của Châu-Mỹ-La-Tinh. Cảnh xung túc kể bên cảnh nghèo cực, nhiều vụ đình công đã xảy ra ở một vài nơi. Không có xứ nào chúng tôi đi qua

mà không chứng kiến những vụ ấy, có khi còn là nạn nhân...

Năm ngày trôi qua rất chóng, chóng quá, chúng tôi đã phải rời xứ Mỹ Tây Co mà chúng tôi rất mến. Có lẽ trong hai năm nữa chúng tôi sẽ được trở lại đây để dự kỳ Hội Nghị Quốc Tế lần thứ 12. Bây giờ chúng tôi khởi hành đi Guatemala City, thủ đô xứ Guatemala ở Trung Mỹ, Guatemala City là thủ đô mới, thủ đô cũ là Antigua đã bị một trận động đất tàn phá cách đây 200 năm, chúng tôi sẽ được dịp viếng thăm những di tích tỉnh Antigua cùng phong cảnh lân cận, một khung cảnh điển hình nhất của xứ nhiệt đới.

Cũng như nhiều xứ khác ở Trung Mỹ, xứ Guatemala sống một đời êm dịu, bình nhác, dân cư hỗn hợp các giống người da trắng, da đen, giống người A châu lai chủng mà chúng tôi đã thấy ở Mỹ Tây Co., sau này chúng tôi còn thấy ở một vài nước Nam Mỹ đã Âu hóa như Chi Lợi, Á căn Đình, Uruguay.

Ở Guatemala, chúng tôi có nghe nói đến một thứ ảnh hưởng tư bản Mỹ gây ra nhiều khó khăn cách đây mấy năm. Hình như trật tự đã vãn hồi, nhưng vụ Cuba mới đây đã gây xúc động trong thế giới. Trên bước đường đi, chúng tôi nhận thấy lãnh tụ các nước thuộc châu Mỹ La-tinh đều hướng về Cuba. Họ cũng còn nhiều khó khăn khác vì họ cảm thấy đất đứng của họ không có gì là vững chắc.

Du khách những muốn ở lại xứ này vì hoa cỏ xinh tươi, non nước hữu tình, êm ả cũng như dân tình, nhưng chúng tôi phải tiếp tục cuộc hành trình. Chúng tôi lên đường đi Panama. Chủ tịch hội UNIAPAC trước khi đi, đã thử cổ xúy một quan niệm kinh tế nhân bản khi tiếp xúc với một vài nghiệp chủ. Hạt giống gieo liệu chừng nó nở không? Tương lai sẽ trả lời.

Panama, thủ đô một nước Cộng-hòa nhỏ cũng mang tên ấy, là một hải cảng tụ hội tất cả các giống người trên thế giới. Phần lớn nguồn lợi toàn quốc nhờ con kinh. Khí hậu nóng bức vì ở ngay vùng nhiệt đới. Nhiều người mỗi một, nhưng tôi đã sống quen khí hậu nhiệt đới nên chỉ ngủ ở khách sạn một đêm, sáng hôm sau trở dậy thư thái dễ chịu, có thì giờ ra thăm con kinh, thông thương rất sầm uất. Máy bay

Mỹ tại sân bay sẵn sàng cất cánh, Mỹ độc quyền sân bay ở đây. Sự kiện khác đáng ghi: một trường đại học và rải rác khắp trên đường đến phi trường, những căn nhà lụp xụp, sơ sài của những người dân ăn mặc lờ lợt.

Phi cơ đã đậu ở đây: một chiếc DC4 chúng tôi thuê riêng của hãng hàng không Colombic, vì lần này chúng tôi sẽ ghé Bogota, độ cao 2600 thước. Một máy phi cơ trực trực làm vài người không yên tâm, nhưng chưa qua loa rồi, máy bay cất cánh đưa đến thủ đô Colombic không xảy ra chuyện gì. Trong chuyến xe Ca đưa chúng tôi về khách sạn, có người chỉ cho thấy trường Đại Học đang xây cất, nơi vừa xảy ra vài cuộc biểu tình của học sinh. Thủ đô đang ở trong tình trạng phong tỏa. Nhân viên ngân hàng đang đình công. Nhiều cửa kính bị phá bể, mảnh kính còn bừa bãi trên mặt đất. Một phần tỉnh Bogota xây dựng trên sườn núi, phần ở đất bằng là khu cư xá, nhiều công việc xây cất lớn đã khởi công. Quan niệm kiến thiết đô thị rập theo kiểu mẫu những đô thị ở Hoa Kỳ, đường rộng, bin-đỉnh cao, rập chiếu bóng tối tân v.v... May thay chúng tôi còn thấy những di tích cổ, trong số ấy có viện bảo tàng, nhà thờ St François, kiến trúc Tây Ban Nha thuần túy. Bogota là nơi lập trụ sở của Hội đồng các Giám Mục Châu Mỹ La Tinh CELAM. Chưa thành lập Hội Chủ nhân Công Giáo, nhưng chúng tôi đã làm cho các giới Công giáo Colombic và ngoại quốc gần gũi với nhau. Khi đến thăm viếng một mộ muối quan trọng và một ngôi nhà thờ tráng lệ do công nhân chạm trổ, chúng tôi có dịp quan sát vùng hương thôn. Chúng tôi phải xúc động vì không

có trường học và điều kiện sinh sống thiếu thốn. Than ôi ! Chúng tôi còn thấy những cảnh nghèo khổ ấy ở nhiều nơi khác tại thành thị cũng như thôn quê. Nghèo khổ về đủ mọi phương diện : trang bị, vật chất, tinh thần, trí tuệ, tôn giáo, vì phần nhiều những người chịu phép rửa tội mà không hiểu tôn giáo mình theo. Vì thế mà các môn phái Tôn giáo ở đây đã thu lượm nhiều kết quả tốt đẹp. Hình như ở đây công chúng dễ bị kích động trong thời kỳ bầu cử và lúc tình hình chính trị nghiêm trọng. Môi trường thuận tiện cho Cộng-sản hoạt động gần như công khai, họ thành lập những căn cứ ở vùng biên và những trung tâm huấn luyện cán bộ...

Nhưng chúng tôi phải rời Colombie để đi Quito. Chúng tôi vượt qua đường xích đạo mà không hay cũng như không biết chiếc Boeing chở chúng tôi đã vượt tốc lực 1.000 cây số một giờ ! Nước Equateur là một nước rất đẹp nhưng cũng nghèo nàn lắm. Chúng tôi không khỏi ngạc nhiên khi trông thấy người ta trồng trọt cả ở trên núi, từ chân lên tới ngọn. Thị xã Quito cũng ở trên độ cao 2.800 thước. Người ta có cảm tưởng ngột thở vì dưỡng khí đã thừa thối. Guatemala thuộc về loại những nước sống trong mùa xuân trường cửu. Theo lời quảng cáo của các hãng du lịch thì du khách chưa biết hẳn Châu Mỹ La-Tinh nếu chưa viếng thăm Quito, có lẽ vì thế mà người ta đã xây một khách sạn rất đẹp ở đây. Nhưng du khách ở một khách sạn lộng lẫy như thế phải tự thẹn khi nhìn thấy người dân da đen ở đây nghèo nàn mặc đồ lam lũ, đội nón đen, vẻ nhìn thụ động nhút nhát đến nỗi như không còn có tinh anh của

mắt người. Thế mà phong cảnh đẹp biết bao, xa-xa những ngọn núi phủ tuyết coi thật ngoạn mục. Vầng thái dương phóng tia hồng xuyên qua cửa kính phòng ngủ du khách rồi hấp tấp lên cao và đứng đầy cho tới chiều.

Đức Hồng Y Giáo Chủ Della Torre năm nay đã 88 tuổi tiếp chúng tôi. Ngài ngồi trên ngai, dưới bức ảnh đức Giáo Hoàng.

Cũng như nhiều nước khác trong khu vực châu Mỹ La-Tinh, ở đây người ta phá rừng một cách vô ý thức, làm cho ruộng đất dưới đồng bằng mắc họa trôi hết màu mỡ. Dân quê sống vất vả mà còn bị bóc lột. Nói đến kinh tế nhân bản với một vài nhà kỹ nghệ và chủ đất ở đây không phải là việc dễ dàng. Vậy mà họ cũng là người công giáo... Thảm kịch của châu Mỹ La Tinh gây nên vì phần lớn người chỉ huy và giới tư bản không ý-thức được hiểm họa mà nhân loại đang bước tới.

Chúng tôi từ già xứ ấy, để sang Lima, thủ đô nước Pérou, trong lòng đầy mến tiếc. Thị xã này có một phong thái khác hẳn Quito, vì ở gần biển. Đó là sắc thái một thuộc địa I Pha Nho cổ ghép thêm một thành phố mới, với bin-đinh đồ xô và những túp lều tả tơi của người dòng dõi Incas đến đây tìm việc làm. Nhiều bà phước hoạt động cứu giúp dân nghèo, nhưng sự cố gắng của họ chỉ như muối bỏ biển, và chẳng tình cảnh dân quê ở nông thôn không có gì đáng để người ta thêm muốn. Hình như sự kỹ nghệ hóa tiến triển nhanh hơn ở Equateur và Pérou, nhưng giai

cấp trung lưu chưa thành hình rõ rệt. Cũng như ở xứ khác, sự mâu thuẫn tàn ác giữa cảnh sống sung túc và cảnh sống nghèo cực khiến cho người ngoài phải lấy làm chướng mắt. Lại một lần nữa chúng tôi nhận thấy xứ này sẽ là miếng mồi ngon cho Cộng sản. Người ta cho chúng tôi biết, tư tưởng Mác Xít đã nảy nở trong giới sinh viên mà kinh nghiệm Cuba đã làm cho xao xuyến. Mức lương bổng trung bình rất thấp, chưa được một Mỹ Kim, ấy là khi kiếm được việc làm.

Chúng tôi không lưu lại Lima bao lâu, vì phải đến Santiago đúng hẹn để dự Hội Nghị UNIAPAC ngày 27 tháng 9. Nước Chí Lợi, như ai cũng biết, là dải đất chạy dài theo bờ biển với 4500 cây số ven bờ. Dân số chưa tới 7 triệu, 2 triệu người sống ở Thủ Đô. Dân số không được quân bình trên đất đai như thế, trách nào nước không nghèo. Một phần mười dân số sống trong những túp nhà lụp xụp gọi là « Năm », tình trạng ấy là một hiểm họa cho Thủ đô cũng như cho cả nước.

Đảng cộng sản được chính thức thừa nhận, trước những bất công xã hội hiển nhiên như thế, làm sao họ không hy vọng công khai cướp chánh quyền. Chỉ qua kỳ bầu cử tới đây họ sẽ đạt được mục đích không khó khăn gì.

Tuy nhiên, với tư cách người đi du lịch, ai cũng phải có cảm tưởng Santiago và Chí Lợi là hình ảnh một nước đang tiến triển mạnh. Thủ đô, với dinh thự tráng lệ của chánh phủ, có phong thái một đô thị lớn ở Âu châu, dân cư người da trắng, nhưng luôn luôn mở rộng thêm những khu cư xá, bin dinh xây cất theo kiểu Mỹ. Chúng tôi đi thăm Valparaiso và Vina del Mar trên bờ biển Thái Bình Dương. Chuyển đi chơi kỳ thú, tôi được dịp thưởng ngoạn cảnh bờ biển, cây cối nở hoa dưới trời xuân đầm ấm, xa xa, ngọn Aconcagua phủ tuyết nhô lên trên rặng núi Cordillere des Andes hùng vĩ.

(còn tiếp 1 kỳ)

L. M. Fernand Parrel

CỖ - LIÊU dịch

Để sống một đời sống tự-do

HẰNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

nhật báo TỰ-DO

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

CÁC TRẺ SỢ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIETNAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Ham-Nghé

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẰNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐẢM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ** **NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU** —

BÊN LỀ NGHỆ-THUẬT

ĐOÀN-THÊM

UA THÍCH Đẹp không rõ dưới bao nhiêu hình-thức, tôi thường hỏi chính mình cùng nhiều bạn thầy Đẹp ở đâu nhiều nhất, đề ý-niệm Đẹp nảy ra và có dịp mở mang.

Người ít chú ý đến nghệ - thuật, cũng có thể trả lời ngay : Đẹp ở con người, cảnh vật và đồ đạc ; nói một cách khác, có Đẹp thiên-nhiên và Đẹp nhân-tạo.

Nhưng đâu là nguồn chính ? Tùy giải-đáp, nghệ-thuật sẽ theo hướng khác : căn cứ vào tạo-vật hay thoát ly thực-tế ? Một vấn-đề vẫn đương sôi nổi. Về phương - diện cá - nhân tìm Đẹp, sự so sánh kia cũng khiến cho phân biệt rõ hơn và khám phá thêm nhiều thú-vị.

*
* *

Đối với toàn-thể nhân-loại, chắc hẳn Đẹp hiện ra trước hết ở thiên-

nhiên. Khi còn ở hang đá, người thái-cổ chỉ thấy mây, đất, rừng, núi, biển, cây, cỏ, đàn-ông đàn-bà với những mỹ-thái trời cho : bên cạnh những gai góc, xù xì, lấm lội tanh hôi... tất có hoa thơm, trái ngọt, ánh sáng, màu sắc, duyên dáng. Rồi sau vì nhu-cầu thúc đẩy, con người mới cô chẻ ra những đồ đạc cần-thiết, và sống hợp - quần thì góp sức, đua nhau, và phỏng theo vật thiên-nhiên mà tô điểm đồ tạo - tác : bôi xanh như lá, khắc cảnh nho vào gỗ... mỗi thời một nhiều và khéo hơn.

Thành thử về sau, trong các xã-hội đã tiên, từ khi sinh ra, con người đã thấy quanh mình bao nhiêu đồ đạc, và khác hẳn tổ-tiên thuở xưa, chú ý đến đồ đạc trước hết. Lúc nhỏ, chúng ta ưa thích đồ chơi hoặc những hình thể màu sắc gì có thể cho vui đùa, chứ không thiết trắng,



Nữ sống Croissance 1938 của Hans Arp.
Thiên-nhiên hơn là Trừu-tượng

sao, gió, nước, làn da hay sóng tóc; phải đợi khi lớn tuổi, hoặc bắt đầu mơ mộng, hoặc đã chán chường cuộc đời, mới quay lại với những gì đã tạo nên cảnh sống ở những thời xa thẳm.

Đáng tiếc hơn nữa, chẳng những người ít tuổi không năng nghĩ đến, mà còn chán ghét nhiều vật thiên-nhiên, vì chịu đựng những phương-pháp giáo-huần rất khắc-khổ. Chưa biết thưởng thức các loại lan hồng hay kim cương bạch ngọc, đã phải lèn cho đầy óc những tên cây tên đá với những tính-chất khô - khan, có khi bằng những

tiếng khó nghe, khó nhớ (1). Nhưng giá thử được xem từ bé những ánh long-lanh, những màu rực-rỡ, một việc mà sau này tôi phải tự lo lấy, chắc hẳn nhiều bạn và tôi đã ưa hơn những loài kim loại thảo.

Cũng may, ngoài các môn học dễ nản, còn có văn-chương. Nhưng được phần đông thích hơn cả, không phải là những bài bất vận dụng lý-trí như luận-thuyết, đạo-đức hay tâm-lý, mà chính là loại văn *tả cảnh* hoặc mượn cảnh ru tình. Biết bao nhiêu đoạn tiểu-thuyết hay văn thơ nói về Đẹp lúc mặt trời mọc, mặt trời lặn, đêm trăng, hoặc ở hồ, suối, mây, gió, hoa nở, cùng những người kiểu-diễm được ví với những vật xinh tươi đó, hoặc đặt vào giữa thời-gian không-gian kia.

Thơ Đường, thơ Việt như Kiều, thơ văn Âu Châu từ cuối thế - kỷ XVIII, nhất là từ thời-kỳ lãng-mạn tới đầu thế-kỷ này, đều chan chứa thiên - nhiên. Đọc mãi, tôi cũng lấy tình yêu tạo-vật (le sentiment de la nature) và cũng muốn tự mình tìm lấy các vẻ đẹp *đọc thấy* trước khi chịu ngắm. Tôi biết ưa « thanh-phong minh-nguyệt » trên sông Xích-Bích, rồi mới rong thuyền hóng mát mơ trăng trên dòng nước chảy qua làng; lá vàng rụng mãi ở thơ Lamartine và văn Anatole France, rồi tôi mới bắt chước

(1) Ti-dụ, ở thực-vật-học: phải học những danh-từ như: loài mộc-liên Magnoliacées, giống đơn-tử điệp monocotylédone, loài đại-kích Euphorliacées Euphorlia herba; ở địa-chất học: phương-tinh Quartz hyalin, vân-ban-thạch porphyroïde, thạch-anh micachiste, thời-kỳ cổ-thạch-khí paléolithique, tiền-tân-thế pliocène, trung-tân-thế miocène, tiếm-tân-thế oligocène, v.v. Làm sao cho thấy Đẹp trên trái đất này?

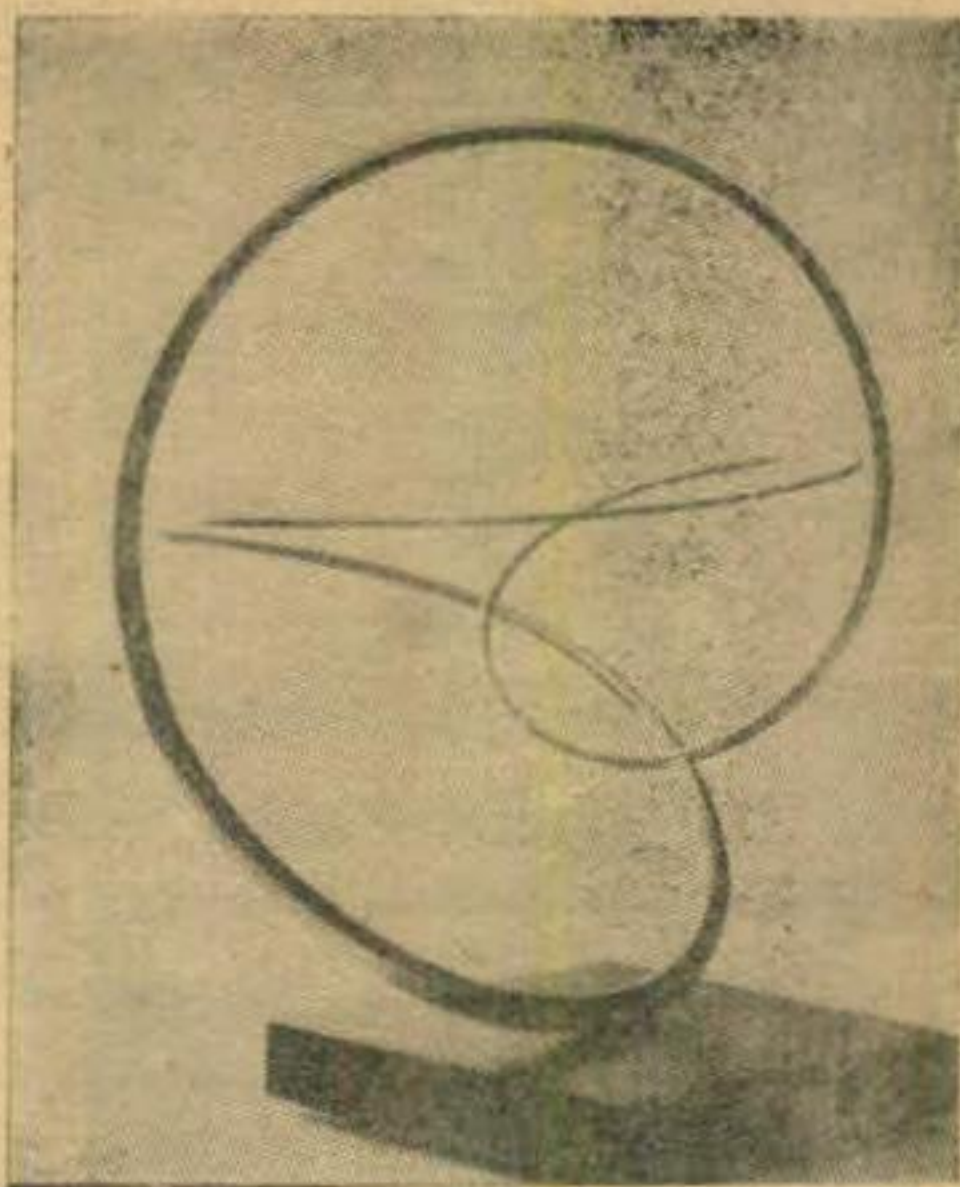


Nhân-vật II Personnage II. 1958
của Delahaye

Một ý-niệm sáng-tác nảy từ tảng đá ?

các tác-giả mà tìm xem bằng mắt những khô héo tường-tượng, ở ngay góc đường gần nhà, để nhận thấy Đẹp buồn trong tàn-tạ.

Sống ở thành-thị, giữa những gạch ngói xây dựng và đổ đặc mới cũ, tôi đã phải nhờ sách vở đưa trở về tạo-vật. Dưới bóng cây, bên bờ ruộng mạ hay suôi trong, ở rào xanh chẳng mắc nụ tấm-xuân, lúc rạng đông, đêm sương, giờ chim véo von mừng gió,... tôi đã thấy và thấy thực, vẻ đẹp cùng chất thơ mấy trăm năm phảng phất ở điệu văn trên giấy. Những cảm-giác êm dịu khiến tôi quên nhiều cảnh tầm-thường trong đời sống hàng ngày và đưa tuổi hai-mươi lảng sang mơ-tưởng với ánh sắc âm thanh đầy sức quyến-rũ lạ-lùng. Đến nỗi tôi ngồi ở lớp học, nằm trong phòng, hay đi trên vỉa hè đông đúc, mà lắm khi vẫn nhớ cánh hạc bay qua cửa động, hoặc tảng đá âm thầm giắc mộng, đầu



Xây dựng Construction no 64
của Rivera

Tân-kỹ cũng vẫn điều hòa

non (Le dolmen accroupi rêve sur la montagne — Victor Hugo).

Tôi say sưa, thành nghiện, nghĩa là chỉ ưa những vẻ đẹp rất quen thuộc, và ngỡ rằng có thể mới nên thơ : phong hoa tuyết nguyệt, theo lời cô-nhân. Nhưng lâu dần, tôi bớt rung động, thờ ơ trước những hình ảnh, và đồng-thời nghiệm rằng tôi bắt đầu ham chuộng nhiều hơn những tác-phẩm nào khiến tôi suy ngẫm. Chính trong những giờ phút trầm ngâm, tôi tự hỏi vì sao tâm-trạng đổi thay như vậy ?

Phải chăng tuổi bớt xanh nên hồn sắp cõi, và thần-kinh không còn bén nhạy ? Hay những khó khăn trong cuộc sống đã buộc tôi xa dần cõi mộng, và quen mờ mắt đương đầu, thì hờ hững với trăng mây ? Chưa chắc. Tôi không mê thơ Musset và tranh Ấn-Tượng nữa, tôi quay sang

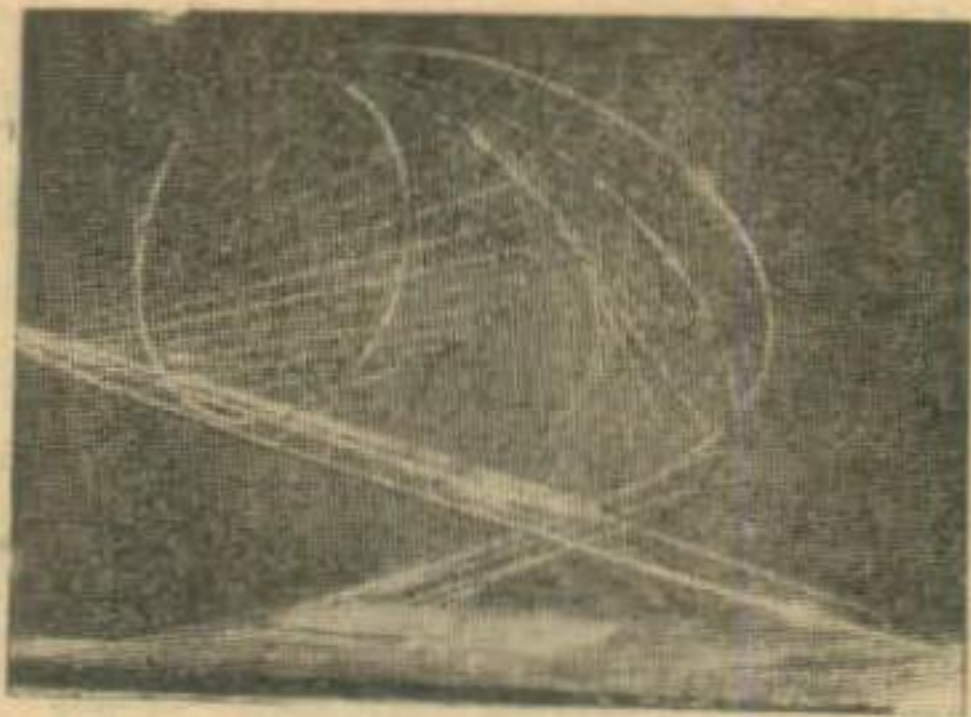
các nghệ-thuật Cổ-Điển hay Trừu-Tượng, mà vẫn thích nằm cạnh bông hồng, đợi gió và chờ sao. Thì ra tôi đã vô-tình xáo trộn hai sự thực nhiều tương-quan mà vẫn cần phân biệt : tạo-vật và nghệ-thuật.

Bởi nhiều nhà văn nhà thơ lãng-mạn trữ-tình lạm dụng những chất-liệu thiên-nhiên mà ít ai nêu ra được dáng vẻ mới, cứ khóc gió, ngâm trăng, ví với hoa... nên hoa, trăng, gió... hầu như bị vất cạn nhựa để khô héo, nên khi họ ca ngợi hay vẽ ra, tôi tránh sao chán ngán ? Nên tôi đã phải rẽ qua ngã khác, khi tìm Đẹp trong nghệ-thuật, nhưng chỉ ở phạm-vi này mới thề. Còn trong thực-tế, tôi không bị nhu-cầu sáng-tạo day dứt, thì đời với tôi, nước hồ kia vẫn trong veo, cây kia vẫn tươi mát, núi kia mờ tỏ sau sương vẫn thu hút nhõn-quan, và tạo-vật muôn thuở vẫn như lời sáo cũ, là kho không cạn thú vui.

Thú vui đó nồng nàn hay nhạt nhẽo chẳng phải do tạo-vật hết cả, nhưng phần nào tùy ở chính tôi. Trong những lúc ngắm cây cỏ, đọc thơ, xem tranh hay nghe đàn, Đẹp hiện ra nhiều ít dĩ-nhiên do tài nghệ-sỹ, nhưng cũng do năng-khiếu, kiên-thức, hoặc tâm-hướng của độc-giả, khán-giả, thính-giả. «Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ», và người không sẵn tình-cảm thì cảnh chẳng nói lên gì. Tôi ngắm trăng vẫn thích, đâu phải vì một diện-tích tròn vàng trên nền xanh mà tôi đã từng trông quá nhiều ; hình sắc kia tuy dễ coi, không đủ sức hấp dẫn mãi ; chính thật vì những gì mà vắng nguyệt khiêu ra

cho tôi : giờ êm ái nằm trên bờ biển đêm thu, bên Tấm-Dương hiu-hắt... Nghe đàn, có bao giờ tôi nghĩ đến cảnh trước mắt quanh mình ? nhạc đưa tôi ra sóng ngoài khơi, vào bóng thông reo bên suối, đèn gần mây đóa hoa lay... Ngắm kỹ, hễ con người qua tuổi ngây thơ, tất có những thân-mền đã qua, những ước-mơ chưa đến, với bao nhiêu ảnh hình liên-hệ mà mỗi cảm-giác khi nhập tinh-thần rung động như đá ném mặt ao, mới pha vào cũ, dĩ-vãng và tương-lai kéo đến hỗn hợp cùng hiện-tại để thành tâm-trạng bây giờ : đó là tình trước cảnh, ưa hay ghét, vui hay buồn. Nên tôi nghĩ Đẹp và thú-vị ở cảnh còn là kết-quả của sự hợp-tác của tâm-hồn và thiên-nhiên.

Bởi quên sự hợp-tác đó, một số nghệ-sỹ mới tin rằng Đẹp chỉ là con đẻ của chủ-quan, do một mình nghệ-sỹ tạo ra như Trời sinh vũ-trụ. Phải chăng là một ảo - tượng hay một cuồng-vọng quật khởi từ đáy lòng kiêu-ngạo không bờ ? Một bức tranh trừu-tượng, một bài thơ siêu-thực và tự - do, chỉ thoát ly những khuôn



Bông rắng trên không Nuance dans l'espace 1956 của Vardanega.

Ý mới tạo nên hình mới, những đường múa sống, nhưng vẫn bông theo nhịp cũ, gần như ở qui đạo hành-tĩnh

mẫu cũ, chớ không dứt bỏ nổi hình sắc âm thanh và những mối quan-hệ giữa các yếu-tố thiên-nhiên, dù thoát trông thoát nghe tưởng là hỗn độn. Nếu gọi được mỹ-cảm, tất vẫn mặc-nhiên theo những đường lối nào đi tới sự hòa-hợp hiển hiện hoặc tiềm tàng trong tạo-vật : nhịp điệu, giao - ứng hoặc tương phản để chế hóa lẫn nhau mà cùng qui vào nhất-trí, thăng-bằng hoặc hướng về thăng - bằng, cân-đôi hoặc cũng dựa vào một qui-mô riêng cho vững vàng ; nghiệm ra, có như vậy mới làm cho thích thú, nhưng tại sao ?

Di-nhiên, tôi ưa những gì hợp với con người tôi, với những khuynh-hướng và nhu-cầu mà Tạo-hóa cho tôi. Nhưng khi quan sát, tôi nhận ra giữa bản-thân và mọi vật, rất nhiều sự giống nhau. Cơ-thể tôi cũng gồm những chất mà hóa-học phân tích thấy ở cây, ở đá, ở khí trời ; — những tế-bào da thịt tôi, nhìn qua kính hiển-vi, cũng được xếp đặt phân-minh như ở lá, ở mảnh vân-mẫu ; — trái tim nở ra bóp vào, hơi thở lên xuống, bước chân đi dài ngắn bằng nhau, nghĩa là theo một *nhịp điệu hòa* : nếu trái lại, thì tôi mỗi-một hay đau ; — hai vai, hai tay, hai cẳng, hai mắt, hai tai to nhỏ *cân đôi* : nếu lệch-lạc thì tôi tàn - tật hay bệnh-hoạn. Chính tại tôi như thế, nên thầy méo, khập khiễng, lộn xộn, thì tôi khó chịu, thầy đều đặn,



Các vòng quỹ đạo, Orbites des Planètes
(Harmonie du Système Solaire)
Nhịp điệu ở khắp vũ trụ, chẳng lẽ không ở tâm-hồn và nghệ-thuật ?

ngay ngắn, *nhịp nhàng*, thì tôi ưa hoặc dễ thấy đẹp. Nói ra như vậy, hình như lý luận nhảm tai, sự thực chỉ là trực-giác, và nếu không tỉ-mỉ xét lại, thì chưa ai giảng cho tôi vì sao thích thơ nhạc có điệu có vần, thích bày biện xây dựng cho có thứ-tự, thích đường nét nhắc lại nét kia thành nhịp, phần này đều với phần nọ như ở nhiều cánh hoa. Tóm lại, giữa thiên-nhiên và tôi đã có tương-đồng tất có tương-ứng, hoặc tôi phản ứng bằng chán ghét nếu trái những sự-kiện hòa-hợp trong thiên-nhiên, nghĩa là trái với những yếu-tố hợp thành bản-chất tôi và chỉ phôi sự sinh-tồn của tôi (1).

(1) Khoa-học càng tiến bộ, càng khám phá thêm nhịp điệu ở vũ-trụ. Mỗi hòa-âm (son musical) hay mỗi nguyên-sắc (couleur primaire) là một luồng sóng, mỗi luồng sóng có thể ghi bằng máy thành những đường nét uyển-chuyển lên lên xuống xuống rất đều ; — các tinh-tú vĩ đại và các nguyên-tử li-ti đều quay theo những vòng nhất định ; — ở nhiều loại cây, các đốt, các giống, các nhánh lá phân phối cách quãng nhau như theo một tỷ-lệ rất vừa phải, mà họa-sỹ kêu là tỷ-lệ Vàng (Nombre d'or) : ở nhiều vỏ sò, vỏ ốc, mai con mực, các vết vân cũng vậy... Chỉ không chịu xét kỹ mới tưởng rằng nhịp điệu ở các nghệ-thuật là giả-tạo.

Tuy tìm lại Đẹp với những đặc-tính cô-điên, không phải vì thế mà tôi chủ trương rằng chỉ có Đẹp ấy đáng quí. Trái lại, tôi muốn lang thang ra ngoài những cảnh vật thường được chú ý, với hy-vọng khám phá nhiều hơn những đáng vẻ khác, ít ra là đối với riêng tôi; tôi thú thật lắm lúc cũng thấy mình lẩn thẩn, nhưng nhiều khi cũng được đền bù.

Trước hết, tôi soát lại những gì đã từng coi là xấu, thì quả thấy mình bỏ sót hoặc chê oan. Xưa kia, tôi vẫn ghét cây Đại (Xứ Cùi) vì cành lá tro chùi, nom như tay cụt: nhưng sau tôi ngắm nhiều cây lớn uốn khúc như thân mai xứ lạnh, nở bông trắng phớt hồng hay vàng non, tôi nhận là đẹp và trồng ngay trước nhà.

Hoa Mư-ri-Giờ, thắm tươi hơn cả hoa Đào. Nhưng bởi không được các nhà thơ ca ngợi như Đào hay Lan, tôi đã làm ngơ không thêm nghĩ tới: có dịp nhìn lại bông Tí-Ngọ kia xoè cánh xinh xinh trên cỏ, tôi hồi tiếc mình đòi với hoa cũng nhìn theo sáo, nghĩ theo sáo, ưa theo sáo, nhưng nếu chịu xét kỹ từng khía cạnh, thì chẳng mấy hoa mấy lá không có một vài vẻ đẹp riêng.

Những vẻ đẹp riêng còn lẩn trốn giữa những vật bị khinh rẻ, đồng rác, vỏ cây, cát bụi, hòn sỏi, vết rêu; song từ đó, một số nghệ-sỹ mới đã đi tới những hình sắc tân-kỳ gọi ra sức sống: trường-hợp Wolfs, Dubuffet, Bazaine, Brancusi, Arp... Đã đành một vật xấu, khi hiện lên tranh hay thành bức tượng, được tài-nghệ biến

hoá để mắt về khó chịu và phơi vẻ đáng ư. Song ngay ở thiên-nhiên, mắt người thường nếu chăm chú, cũng khám phá được mà thưởng thức: nhiều mảnh gỗ, phiến đá, mang những đường vân loang như cát in làn gió, hoặc lớp sóng giãn bên bờ; — những tà áo the nom qua nắng, gợn óng như bóng hổ rung ngân nước; nhiều bụi gai, cây nằm, hạt nhựa đọng trên cành mạn, màng khói lan man trên mái rạ ẩm, màu đỏ mát và tươi mịn ở trái cà-chua....

Mắt tôi quen dần những vật tầm-thường mà tôi đã ruồng bỏ bao nhiêu năm vì yên trí rằng không có gì đáng kể: có nhìn lâu mới rõ mình chưa biết mấy, ngay đến tên gọi nhiều khi cũng chưa hay, ở thực-vật, động-vật hay kim-loại. Tôi không đếm và tả hết được ở mọi trường-hợp, song có thể ghi đại-khái kết-quả chung của một sự quan-sát đáng lẽ đã phải tập từ lúc thiếu thời:

— Có khi tôi thấy một cảnh đẹp mà không hiểu ngay vì sao: một tảng núi lởm chởm, một gốc bàng cằn cỗi, một dòng sông cạn tro bờ cát nắng. Nếu phân tích mỗi vật, chỉ có cảm-tưởng nặng nề; song nhìn thoáng tất cả, thì núi nằm cạnh sông, sông soi bóng lững lờ, cây ngả bên sườn núi, mỗi vật tuy xấu nhưng nhờ vị-trí có sự tương-đối tương-giao thành một vẻ đẹp buồn bâng-khuâng: vậy thì Đẹp không ở hình sắc mà ở sự liên-hệ (Rapport), chắc vì nhận ra điều bí ẩn đó, các họa-sỹ mới khéo sắp đặt những đồ vật rất thường như chiếc chai đen, trái bí què mùa, và tờ báo

rách trên bàn mộc, để kết hợp nên tranh tĩnh-vật. Ngược lại, có những bộ-phận đẹp mà toàn-thể không đẹp : nhìn riêng, hoặc chụp ảnh riêng ra, thì đôi mắt kia mở rộng, mi dài, trong sáng ;— mũi nhỏ và dọc dừa ;— môi hồng và rõ nét ; song ngắm cả mặt, thì khô tẻ khó ưa, vì vẻ chung do sự gán gũ của các phần gộp lại, thiếu điều-kiện xứng hợp để có duyên.

* *

— Đã thấy đẹp, tất ưa thích. Nhưng cái gì khiến tôi ưa nhất ở một vật đẹp, đôi khi chẳng phải là bề ngoài, song là những ý những tình mà hình sắc hương thanh gợi ra. Bông sen trắng và thơm, bông ngọc-lan cũng thơm và trắng, nhưng tôi tha thiết với lan hơn, vì lan mang viễn-ảnh những buổi chiều đợi trăng bên thềm nhà cũ. Mỗi bản nhạc hay, mỗi bài thơ hay, gieo vào mỗi tâm-hồn một âm-hương khác : một bạn và tôi cùng khen một câu trong Kiều là mạnh và « kêu » : *Nam-đình nghe động trông châu đại-doanh*, song bạn tôi liên tưởng đến một cảnh tuồng hát có ông tướng võ ngồi cao, còn tôi nghe vắng vắng như ở một khoảng đồng rộng bên sông với bóng cò thành phất phới...

Cũng có người không đồng-ý về điểm trên. Theo họ, một âm hay, một sắc đẹp, hề nghe thấy trông thấy là cho ta thích liền, khỏi cần có ý-nghĩa, không phải gợi vật nào hay chuyện gì hết (1).

Tôi không chối cãi, trong giờ phút thần trí đương bị lôi cuốn do một bản đàn hay một bức tranh, nhất là ở những trường-hợp trẻ thơ hồn-nhiên, người lớn thiết-thực hay chắt-phác, ít nhớ dĩ-vãng, ít mơ tương-lai, ít băn khoăn tìm hiểu. Còn khi thẳng thích đứng trước thiên-nhiên, hoặc không dụng ý soi xét tỉ mỉ, thì mỗi cảm-giác đẹp đã bén nhập, thường lung lay những hình-ảnh sẵn có hoặc dễ tụ tập. Dẫu sao, những thú-vị không gợi gì, cũng nhạt và thoảng qua, chẳng sâu xa lâu bền như khi lay chuyển tận đáy lòng.

Duy có sự ngộ-nhận cần để phòng : nếu chẳng thấy bức tranh bài nhạc khua động những kỷ-niệm hoặc mộng-cảnh riêng, cũng không nên vì thế mà hấp tấp buộc tội tác-phẩm là thiếu sức truyền-cảm ; hoặc ở trường-hợp trái lại, thì chớ vội nức nở khen. Họa-sỹ nhạc-sỹ không muốn khán-giả thính-giả gán cho những dụng-ý mà họ không có, hay đòi hỏi họ những kết-quả nào khác sự hoà-hợp hình-sắc âm thanh theo cảm-xúc và kỹ-thuật riêng.

* *

— Đối với nhiều người, Đẹp càng sâu càng có sức quyến rũ. Cùng màu mây đỏ, vàng, hồng... mà tịch-dương thường được lưu-luyến hơn bình-

(1) Le plaisir que peut donner un son musical par sa seule secousse, devance et prévient toute réminiscence, toute association d'idées, à plus forte raison tout jugement (*Maurice Pradines — Evolution esthétique des sens — Le Génie humain*).

minh, thơ vui nhạc vui không làm cho say mê như các vấn điệu lâm-ly áo-não, và cả tiếng hoan-ca, nhất là của Âu-Mỹ, cũng theo giọng run run như rên rĩ. Ai đọc thơ Pháp, cũng thừa biết câu nổi tiếng của Musset : những lời ca đau khổ tuyệt-vọng nhất là những lời ca hay nhất (les plus désespérés sont les chants les plus beaux). Phải chăng Đẹp buồn hợp hơn với lòng người vì cuộc đời đầy rẫy thảm thương? nên từ mấy ngàn năm nay, đã bao người nói đi nhắc lại rằng đời là « bể khổ », « bển mê » « cuộc tang thương » « thảo nào khi mới chôn nhau, đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra » chớ cũng chẳng cần phải đợi những nhà triết-học hiện-sinh lập thuyết mới rõ ý-nghĩa bi-đát của sự sống.

Dù sao, tuy đau thương chẳng chữa ai, và dẫu nhiều khi thấy Đẹp đắm đuối trong sầu, tôi vẫn thích Đẹp vui hơn. Đời với tôi, hoa nở đáng ưa hơn hoa héo, ánh sáng ban mai hơn bóng khuất buổi chiều, nụ cười tươi hơn hạt lệ trong, điệu múa mềm hơn cảnh liễu rủ. Có lẽ tôi thiếu ý-thức nghệ-thuật? Tôi chỉ biết có những người như thi-sỹ Lautréamont hay họa-sỹ Matisse dám chủ trương ca ngợi sự vui sống? (1). Thôi thì cứ thực với mình là hơn, tôi ưa Đẹp vui chắc tại tôi muốn sống, yêu sự sống bí-huyền và thiêng-liêng dưới các hình-sắc nảy nở tung-bừng, êm ái để xoa dịu, cao và sáng về hướng triều dâng, chim ca hay thông reo, và khi thấy cánh hoa rơi, tôi

thường tìm xem có nụ nào sắp nở để nuôi Đẹp hay không...

*
* *

— Chắc cũng vì nguyên-do vừa kể, mà tôi ưa Đẹp động hơn Đẹp tĩnh : thích cây lặng bóng, nhưng thích hơn nữa những cảnh phơ phất, thích tranh và tượng, nhưng chưa thích bằng Thơ, và Nhạc là thơ rung thành tiếng, với Vũ là cử-chỉ nên thơ (2). Đẹp im lìm mãi, phơ bày ra mãi, cho cảm-tưởng là đủ hết và xong rồi, thì tôi dễ chán : đã có hồi tôi lánh xa hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc. Nhưng Đẹp cứ ẩn hiện đi, như trăng có tuần, như hình điện-ảnh, hoặc còn văng vẳng như dư-âm chưa tắt sau bài nhạc hay, thì tôi thích luôn và thích mãi : chắc tôi muốn còn luyện tiếc, còn ước mong, còn

(1) Về Matisse, xin coi B.K. số 107 — Họa-phái Dã-thú. Theo Lautréamont : « Cho đến ngày nay, người ta đã tả sự đau khổ, dễ gây kinh khủng và thương hại. Tôi sẽ tả sự sung-sướng dễ gây những tâm-tình trái lại.... Sự tuyệt-vọng, cố tình nuôi dưỡng bằng những ảo giác kinh hoàng, cứ trợ trợ mà dẫn nhà văn đến chỗ xóa bỏ tất cả các luật trời và luật người, đến sự ác trong lý-thuyết và trong hành-động (Jusqu'à présent, l'on a peint le malheur, pour inspirer la terreur, la pitié. Je décrirai le bonheur pour inspirer leurs contraires.... Le désespoir, se nourrissant, avec un parti pris, de ses fantasmagories, conduit imperturbablement le littérateur à l'abrogation en masse des lois divines et sociales, et à la méchanceté théorique et pratique. Lautréamont, Préface à un livre futur).

(2) Vũ ở đây là nghệ-thuật lâu đời múa trên sân-khấu như Ballet, chớ không phải là lối nhảy hai người ở các phòng khiêu-vũ.

dài hy-vọng ; nếu Đẹp cho thỏa mãn hoàn - toàn, Đẹp sẽ lặn chìm giữa chán-chường hoặc dễ bị cắt đi. Mỗi vũ-diệu của Cyd Charisse, nếu vẽ in trên giấy, sẽ thành những đường cong bất-động, và do đó sẽ mất phần say sưa của nhịp lỏng điệu chuyển : nhắc lại thì vẫn thú, ghi lại thì kém duyên. Bởi vậy, đã khá lâu, tôi năng rình những vẻ đẹp thấp thoáng : nào có riêng tôi ? nhiều bạn đã cùng tôi mơ màng không dứt trên hai mươi năm nay ngón tay vẫy gọi Schubert của Martha Eggerth trong phim Symphonie Inachevée...

*
* *

Dĩ vãng và tương-lai, hiện-thể và vô-hình, bi-quan và lạc-quan, chuyển-động và yên-tĩnh, là những sự-kiện mâu-thuân trong đó tôi đã lựa dần ra Đẹp nào thích-hợp với tôi. Nhưng muốn biết nhiều hơn những đặc-tính khác của Đẹp ấy, tôi còn thử dựa vào bảng kê - khai các vẻ đẹp của những nhà thẩm-mỹ-học (1).

Theo Wolff, có Đẹp Siêu-việt vĩ-đại (Sublime) Diễm-lệ (Beau) Duyên-dáng (Gracieux). Lalo còn kể cả Hùng-vĩ (Grandiose) Bi-thảm (Tragique) Kịch-liệt (Dramatique)...

Nếu phải căn cứ vào các tính-cách trên, tôi sẽ lựa theo thứ-tự sau : diễm-lệ, duyên-dáng, và hùng-vĩ.

Tuy tôi không phủ nhận những giá-trị Bi-thảm và Kịch-liệt, hai vẻ đẹp này không thu hút tôi vì trái với

khát vọng riêng của tôi về cuộc sống thanh - bình. Tôi cũng không muốn nghĩ tới siêu-việt vĩ-đại mơ hồ. Có lẽ tại trí tôi thấp, hoặc tôi hoài nghi ; nghệ-sỹ nào dấn tâm lên siêu-việt vĩ-đại, dễ rơi vào lô-lãng (grotesque) hoặc bí-mật (hermétique). Như Pascal đã nói, con người không phải là súc-vật, cũng chẳng phải là thánh-thần, và ai muốn thành thần sẽ hóa ra vật (l'homme n'est ni ange ni bête, et qui veut faire l'ange, fait la bête). Ít nhất là ở phạm-vi tìm hứng-thú, tôi đòi hỏi làm chi về chót vót vượt tầm lạc hướng con mắt phàm-nhân ? Và lại, tôi hằng muốn yêu hơn phục, vì cảm phục có khi đi liền với thương tiếc : thái-độ của Trần-Bình-Trọng trước sự chết, có tính-cách siêu-việt, tôi coi ông là anh-hùng quán-thể ; nhưng giá ông đừng phải chịu sự hy-sinh cao-cả, chỉ đánh lui được quân Mông-Cổ, chắc tôi vẫn mến ông, và tuy không phục ông là siêu-nhân, cũng tránh được sự ngậm ngùi mà tôi chẳng muốn.

Trở lại vấn-đề chọn Đẹp, khác với Wolff và Lalo, tôi nghĩ cần phân biệt một cách rõ rệt hơn những vẻ đẹp mà tôi từng biết. Tùy trường-hợp, tôi ưa Đẹp này hay Đẹp kia, mong thấy ở người khác, ở sự vật không thuộc về tôi, hoặc ở chính tôi :

Hùng-vĩ : ở sông núi đất nước.

Hùng-tráng : ở quân-nhân, quân-nhạc, quân-giới như chiến-hạm thiết-giáp (không phải của kẻ thù địch).

Tráng-lệ : ở các ngã đường thành-phố.

(1) Charles Lalo — Notions d'esthétique.
E. Wolff — theo Denis Huisman : l'Esthétique.

BÊN LỀ NGHỆ THUẬT

Nguy-nga : ở các lâu - đài công,
(không muốn thấy ở các tư-thật).

Sán-lạn : ở các tác-phẩm nghệ-
thuật, đồ nữ-trang thật.

Kỳ-diệu : ở ngón đàn, màu sắc.

Cao-nhã : ở thi - văn, tư - tưởng,
đường lối xuất xứ.

Thanh-nhã : ở tiếng nói, quần áo,
đồ đạc trong nhà riêng.

U-trầm : ở tiếng đại-vĩ-cầm (vio-
loncelle).

Đơn-thuần : ở nét vẽ, ngọc, kiến-
trúc.

Giản-dị : ở văn xuôi, sự ăn, mặc,
ở, cách cư-xử với mọi người.

Quắc-thước : ở dáng người về mặt
các cụ già.

Tuần-tú : ở các thanh-niên.

Kiểu-diễm : ở các phụ-nữ 20/35
tuổi.

Xinh-tươi : ở hoa cỏ, các thiếu-
nữ và nhi-đồng.

Óng-ả : ở tơ lụa, trái cây, phụ-
nữ 35/45 tuổi.

Nhịp-nhàng : ở các tác-phẩm nghệ
thuật, các bước chân đi.

Êm-dịu : ở gió mát, hương thoảng,
những con mắt tha thứ, ánh đèn
hay ánh trăng, nắng chiều thu, tà
áo nhung phớt hạt mưa xuân.

Mềm-mại : ở nét-vẽ, bàn tay nhạc-
sỹ và phụ-nữ.

Thướt-tha : ở màn, rèm che cửa,
các điệu múa (không ở dáng đi vì
sẽ yếu ớt).

Bóng-bẩy : ở nhiều đồ dùng, mặt
gương, mặt bàn (không ở mặt đàn
ông con trai)

Phất-phơ : ở cảnh thông, cảnh liễu
bông lau, tà áo, làn khói, (không ở
tư-tưởng)

Bâng-khuâng : ở ráng trời, mây
trắng, say ngà ngà, quăng vẳng buổi
tha thương, tiếng sáo đưa xa, nhớ
nhung, tiễn biệt ở bến thuyền.

V. V. V. V.

Nếu bạn nào thầy phương-pháp của
tôi chưa được cụ-thể, xin theo cách
trắc-nghiệm của nhà bác-học Fechner,
xem từng hình sắc mà chọn (1). Hoặc
có thể chiêm chước, phân loại theo
ngũ-quan, rồi coi mình thích màu gì,
ráng gì, tiếng đàn nào, hương nào
v.v.. Hoặc áp dụng lời phỏng-vấn các
tài-tử điện-ảnh, trả lời một số câu
hỏi về những sở-thính coi là chính-
yếu : ưa loại sách nào, hoa gì, nhạc
của ai, tức là gián-tiếp kén Đẹp theo
ý-niệm của mình (2).

D. T.

**Kỳ tới : Tìm Đẹp : Bên lề nghệ-
thuật — Đồ đạc.**

(1) Tỉ dụ : Fechner cắt các hình chữ nhật
kích-thước khác nhau, rồi cho nhiều người lựa
xem ưa nhất cái nào : đa-số chọn hình có bt
21 X 34 (gần đúng với tỷ-lệ Vàng nombre d'Or
ở hội-họa và Kiến-trúc).

(2) Như của tài tử *Curd Jurgens* :

Màu : màu cát (sable)

Hương : hương thơm nhãn hiệu Dunhill

Hoa : hồng

Trái cây : lê

Đá quý : Lam ngọc (Turquoise)

Tiểu thuyết : của Dostoievsky, Sartre, Adal-
bert Stifter

Kịch : của Kleist, Brecht, Sartre

Thơ : của Hölderlin, Rilke, Rimbaud

Nhạc : của Bach, Vivaldi, Orff

Tranh : của Braque, H. Bosch, Kandinsky.

(Ciné-Revue số 1419 ngày 17.10.61).

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM

135. Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 422

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87. Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme). 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158. Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

hội nghị thường niên

ban chấp hành

TRẦN-VĂN-KHÊ

hội đồng quốc tế âm nhạc

Luân-Đôn, mồng 6 tháng Ba dương lịch năm 1962

Ng. xa cách,

VẮNG thư cho bạn đã lâu, vì quá bận. Chắc bạn hiểu cho mà không trách. Thư này vội viết cho bạn khi Hội nghị vừa bế mạc — Ai nấy đều thở phào ! Trong bốn hôm liên tiếp, nhân-viên ban chấp-hành Hội đồng quốc-tế âm-nhạc gặp nhau trong phiên họp thường-niên để xét lại những điểm nào trong chương trình do Đại hội đưa ra mà Hội-đồng đã thực hiện, chuẩn-bị công việc sẽ tới, kiểm điểm các khoản chi-tiêu, trợ cấp tài-chánh cho các tổ-chức quốc-tế về biểu diễn, giáo dục hay nghiên-cứu âm-nhạc.

Thường thì Ban chấp hành nhóm tại Ba-Lê. Đây là lần đầu mà Ban chấp hành nhóm tại một nước khác. Ủy ban quốc gia âm-nhạc nước Anh mời Ban chấp hành Hội đồng quốc-tế âm-nhạc đến Luân-Đôn tạo dịp cho nhân viên hay ủy ban quốc gia Anh và quốc tế tiếp xúc để hiểu rõ thêm những vấn-đề chung cho phong trào âm-nhạc trên thế-giới hay riêng cho nước Anh.

Ai cũng bận công việc riêng, mà Hội đồng quốc-tế âm-nhạc không trả lương cho nhân viên ban chấp hành, chỉ chịu tiền lộ phí và tiền ăn, ở trong mấy hôm, nên cuộc gặp-gỡ không thể kéo dài. Phải giải quyết nhiều vấn-đề trong một thời gian rất ngắn nên cả ngày chưa nhất mà người Anh cũng bằng lòng đi họp với Ban chấp-hành. Đó là chuyện chẳng thường ! Và cũng vì thế mà đến nay, ai cũng thấy như mình vừa trút một gánh nặng.

Bạn thử xem, trong 4 ngày, Ban chấp hành họp riêng 5 lần, 1 lần chung với các tổ chức quốc-tế âm-nhạc như Thanh niên âm-nhạc (Jeunesses musicales) Hội-đồng quốc-tế dân nhạc, quốc-tế học nhạc hội v. v..., 1 lần chung với Ủy-ban quốc gia về âm nhạc của nước Anh, dự 7 buổi tiệc, 2 buổi hòa nhạc, xem một đại ca-kịch tại Covent Garden, quốc gia đại nhạc kịch viện của nước Anh, một buổi hội họp báo chí, một hôm đi viếng Đài vô tuyến truyền-hình, bạn nghe có ngắn chưa? Riêng tôi, còn một hôm trả lời cuộc phỏng vấn của đài phát thanh B.B.C, và gặp một nhạc-sĩ Anh đã hiến một phần lớn cuộc đời trong việc thu thanh và nghiên cứu nhạc Ấn-độ.

Kỳ hội nghị này chúng tôi đỡ mất thì giờ trong việc đi lại nhờ ban tổ-chức thuê buồng tại khách sạn Mandeville (Mạnh-đê-viêng) và chỉ có qua đường là chúng tôi đến nơi họp: trường dạy nhạc Trinity (Tri-ni-tê). Đây là một âm-nhạc viện có tên tuổi bên Anh, có dịp tôi sẽ nói chuyện với bạn về sinh hoạt âm-nhạc bên Anh. Chỉ nói qua bạn biết rằng trường tuy nhỏ — mà có hơn 800 sinh viên học đủ các môn. Chúng tôi họp trong phòng để ông giám đốc trường tiếp khách, hoặc để các giáo sư hội họp. Màn thê rất sang trọng, có một ông người Anh cho biết rằng phòng này ngày trước là tư-thất của bà Lily Langdry, người yêu của Vua Edward VII (Ê-đu-a thứ 7). Sáng họp từ 9 giờ rưỡi đến 12 giờ rưỡi, chiều từ 2 giờ rưỡi đến 5 giờ rưỡi, hay 6 giờ.

Theo chương-trình tôi gửi cho bạn xem, bạn thấy rằng nhân-viên ban chấp-hành không có một buổi nào rảnh. Xem xét các sinh-hoạt âm-nhạc trên thế-giới, tôi không khỏi buồn khi nhớ đến tình-trạng âm-nhạc trong nước Việt. Người ta có một vốn nhạc. Vốn ấy mỗi ngày được to thêm. Số người học nhạc, biểu diễn hay thưởng-thức nhạc càng ngày càng tăng, mà trình độ thẩm-mỹ, học hỏi hay sáng tác nhạc càng ngày càng cao. Chúng ta có một vốn nhạc tuy không giàu nhưng cũng không đến nỗi thua người. Vốn ấy mỗi ngày một môn lần mà sự học hỏi cái hay cái mới của nước người chưa đủ để chúng ta có thể khai thác, phổ biến, hoặc cải biến cái vốn cổ cho nó sống lại, cho nó giàu thêm. Trong việc học nhạc nước người, chúng ta cũng chưa đi tới mức biểu diễn hay sáng tác thật cao, đáng cho người ta để ý.

Về điểm sưu tầm, và giữ gìn vốn cổ, bên Phi-châu, nhiều nhà nhân-chủng nhạc-học Âu-châu đã quay phim, chụp ảnh, thu thanh bao nhiêu

sinh hoạt âm-nhạc bên các nước ấy. Tài liệu đó được giữ tại bảo tàng viện bên này. Đồng thời, các nước Phi-châu, mời chuyên gia Âu-Mỹ để tổ chức những viện nghiên-cứu nhạc. Trong năm tới, sẽ có một cuộc gặp gỡ giữa những 'nhạc-học' giả chuyên về dân nhạc Phi-Châu tại một nước châu Phi để bàn về những phương-pháp bảo tồn vốn nhạc của các dân tộc bên ấy. Bên Âu Châu, Hội đồng quốc tế dân nhạc (International Folk Music Council) lo sưu tầm, dân nhạc các nước Âu Mỹ để in ra thành sách, thành đĩa hát. Bên Á-Châu, từ Cận-Đông đến Viễn-Đông, các nhà nghiên-cứu âm-nhạc đã để ý đến vấn-đề sưu tầm cổ-nhạc. Nhưng trong vài nước như Ấn-Độ, Ba-Tư, Nhật-Bản, số người học cổ-nhạc tương đối còn đông. Chỉ tại thành phố Đông-Kinh mà số người học đàn Koto (giống như đàn tranh của ta) còn trên 4000. Trong nhiều nước vùng Cận Đông hay ở Á-Châu, nhạc « ngoại-lai » bành trướng mạnh và đó là điều đáng lo ngại. Tôi không trở lại vấn-đề cải-biến hay phổ-biến cổ-nhạc, mà đã nhiều lần tôi nói chuyện với bạn. Tôi chỉ muốn nhắc đến điểm áp dụng những phương-pháp sáng tác hay biểu-diễn nhạc của người Âu trong các truyền-thống nhạc Á-Châu; nếu không cẩn-thận và sáng suốt « nhạc mới » sẽ mất dân tộc tính, mà chúng ta sẽ chạy theo một lối nhạc mà người Âu-Châu đang muốn bỏ đi, sáng tác một lối nhạc không đáp được sự đòi hỏi của dân tộc mình mà cũng không được người Âu ưa thích hay thưởng thức.

Học nhạc Âu không phải là không hay. Nhưng cái nguy hại là học không đến nơi đến chốn, chỉ biết phớt ngoài mặt mà không thấu bẽ sâu, chỉ thích lối nhạc « dễ nghe » « dễ nhớ » mà không để ý đến lối « đại nhạc » của các nước khác, thành ra sáng tác, biểu diễn kém, làm cho dân chúng quen với cái bừa bãi trong cách trình bày, một mặt khác óc thẩm-mỹ của quần chúng không được đào-luyện, mà thị-hiếu của quần-chúng có ảnh hưởng rất nhiều đến sự sáng tác âm-nhạc.

Trong bản báo cáo về sinh hoạt âm-nhạc bên nước Nhật, nhiều con số làm chúng ta phải giật mình. Có 263 trường Đại học có một giàn nhạc giao hưởng, một ban hợp xướng trên 200 ca sinh, một giàn nhạc jazz hay là một giàn kèn (fanfare).

Hội Tomi Gekijô có 40.000 hội viên đóng tiền hàng năm để xem hát và 5000 hội viên đóng tiền để nghe nhạc.

Trường dạy đàn vĩ cầm của nhạc-sư Shinichi Suzuki có trên 4.800 học sinh.

Việc giáo-dục âm-nhạc cũng được để ý đến — Trong kỳ đại hội năm rồi tại Vienne kinh đô nước Áo, nhiều giáo-sư, nhạc-sư đã nêu lên nhiều vấn đề có liên quan đến sự giáo dục âm-nhạc. Trong số báo mùa thu năm 1961, của quốc tế giáo dục âm-nhạc có đăng những bài « Âm-nhạc trên thế giới

hiện nay » của ông Gerald Abraham, « Hiện tình giáo dục âm nhạc » của ông Hans Sittner (Hàn-xơ Xit-nơ) « Giáo dục âm-nhạc so sánh » của ông Edmund Cykier (Ê-đơ-mun-đơ Xi-kơ-le) « Giáo dục âm nhạc trong các trường » của ông Karl Ernst. (Cac-lơ Ec-nơ).

Ngoài ra trong chương trình hành-động của Hội đồng quốc-tế âm-nhạc có nhiều khoản :

- Xét đơn gia nhập của những ủy ban âm nhạc quốc gia.
- Giúp đỡ sự trao-đổi âm nhạc giữa các nước trên thế giới.
- Giúp đỡ sự trao-đổi chuyên gia âm nhạc.
- tổ chức những đại nhạc hội hoặc những cuộc gặp gỡ giữa những nhà nghiên cứu hoặc lo về giáo dục âm nhạc.

Về điểm này trong năm nay và năm tới sẽ có nhiều đại-hội hoặc những cuộc gặp gỡ quan trọng.

Từ ngày 23 đến ngày 29 tháng Tư dương-lịch năm 1962. Đại hội của Liên bang quốc-tế Thanh niên âm-nhạc (Fédération internationale des Jeunesses musicales) sẽ cử hành tại Lisbonne (Li-xơ bon-nơ) kinh đô Bồ-Đào-Nha.

Từ ngày 24 đến ngày 29 tháng năm dương-lịch, sẽ có một Quốc tế diễn đàn của những nhà soạn nhạc do đài phát thanh của trên 40 nước tham dự — Họ thu thanh vào băng những nhạc phẩm do các nhạc sĩ đương thời còn sanh tiền trong nước họ rồi gửi đến Ba-Lê — Trong 5 hôm liền, một ủy ban gồm có các nhạc sư, nhạc sĩ, nhạc trưởng và nhân viên Hội đồng quốc-tế âm-nhạc nghe rồi bỏ thăm. Nhạc sĩ nào được nhiều thăm thì nhạc phẩm của mình sẽ được ít ra hơn chục đài phát thanh của các nước trình bày. Năm rồi có một nhạc sĩ Nhật được sắp hạng nhì mà tôi có nói đến trong bài Âm-nhạc hiện đại — đăng trong số kỷ niệm 5 năm của tạp chí Bách Khoa.

Từ 31 tháng 5 đến mùng 7 tháng 6, tại Luân-Đôn sẽ có đại nhạc hội do Hội quốc-tế âm-nhạc cận đại tổ chức.

Từ ngày 16 đến ngày 27 tháng 6 dương-lịch, cơ quan Văn-hóa Liên-hiệp Quốc tổ-chức tại Epidaure (Hy-Lạp) một Đại hội với chủ đề : « Sự biểu diễn nghệ thuật cho đa số quần chúng ».

Từ ngày 13 đến ngày 21 tháng 7 dương-lịch Hội đồng quốc-tế dân nhạc (Conseil International de la musique populaire) nhóm đại hội thường niên và tổ chức một đại nhạc hội tại Tiệp-Khắc — (Năm rồi Hội đồng nhóm tại Gia-Nã-Đại).

Từ ngày 13 đến ngày 18 tháng 8 dương-lịch. Hội quốc tế các thư viện âm-nhạc nhóm đại hội tại Stockholm (Xơ-tóc-khôn) kinh đô Thụy Điển. Cũng tại Thụy-Điển từ ngày 15 đến 17 tháng 8 có cuộc gặp gỡ của đại diện các Trung-tâm về tài liệu âm-nhạc.

Từ 23 đến 26 tháng 8 tại Salzburg (Xan-zer-bua) nước Áo có cuộc thi quốc tế về sáng tác nhạc.

Từ 17 đến 21 tháng 9 dương-lịch tại Genève (Thụy-Sĩ) có Đại Hội của « Nhạc-sĩ quốc tế liên bang ».

Từ 24 đến 26 tháng 9 dương-lịch tại La-Mã Hội đồng quốc tế âm nhạc nhóm đại hội từ 27 đến 30 tháng 9 cũng tại La-Mã. Hội đồng quốc tế âm-nhạc tổ chức một cuộc gặp gỡ quốc tế với chủ đề « Âm-nhạc và công chúng ».

Từ 30 tháng 9 đến mùng 4 tháng 10 cũng tại La-Mã có một cuộc nhóm giữa nhiều chuyên gia để thảo luận về vấn đề « Dùng kỹ thuật để giới thiệu âm-nhạc cho đa số quần chúng ».

Từ 24 đến 30 tháng 11, tại Ba-Lê, chánh phủ Pháp và Hội đồng quốc tế âm-nhạc tổ chức « Tuần lễ quốc tế « âm-nhạc » với sự tham dự của những giàn nhạc, nhạc công nhạc trường do nhiều nước trên thế giới » gửi đến Ba-Lê.

Xem qua các sinh hoạt âm-nhạc trên thế giới, chương trình các cuộc gặp gỡ quốc-tế, bạn thấy chúng ta có thể góp mặt trong dịp nào? Muốn thành lập một ủy-ban quốc gia về âm-nhạc chúng ta phải có hoặc những nhạc sư, hoặc học giả, nhạc sĩ nhạc công có một giá-trị quốc-tế, hoặc một sinh hoạt âm-nhạc cho đời-dào để có thể nhờ gia nhập Hội đồng quốc-tế âm-nhạc mà trình bày đặc điểm hay ưu-điểm của nhạc Việt, nhạc Việt về phương diện cổ nhạc, nhạc dân tộc hay nhạc quốc-tế — Xem đơn xin gia nhập của các nước khác như Tunisie chẳng hạn, chúng ta thấy rằng về mặt giáo dục âm-nhạc cũng như về sinh hoạt âm nhạc chúng ta còn kém người rất xa.

Trao đổi nhạc sĩ, nhạc học giả với nước khác? Chúng ta có bao nhiêu nhạc sĩ nhạc công vừa có tài nghệ cao, vừa đủ thông ngoại ngữ để đi nước ngoài trình diễn âm nhạc Việt (hay âm nhạc Âu như những danh cầm Nhật bản)?

Tham dự các hội-nghị quốc-tế bao nhiêu người Việt hoặc có một sự hiểu biết căn bản về nhạc và về văn hoá, hoặc một kinh nghiệm già dặn về âm-nhạc lại biết một vài ngoại ngữ để góp phần vào các công cuộc thảo luận?

Nhìn thấy khuyết điểm của chúng ta để mà tìm cách bồi bổ. Vẫn biết hoàn cảnh mỗi nước một khác, nhưng nhiều nước « chậm tiến » về kỹ thuật mà nay cũng có thể đồng thời lo khuyến khích kỹ nghệ, và mở mang sự giáo-dục âm-nhạc. Nếu chúng ta không lo từ bây giờ thì trong các cuộc gặp gỡ quốc-tế về sau, chúng ta sẽ thua sút rất nhiều nước khác.

Công việc đó không phải chỉ tới với bạn bàn cùng nhau, hay với sự góp sức của vài người có thiện chí mà đủ. Đó là một điểm trong cả một chương trình phát triển văn-nghệ chung. Đành rằng trong khi nhà cháy, chúng

ta không thể ngồi yên mà làm thơ hay tưới hoa, đành rằng trước khi nghĩ đến việc phát triển văn-nghệ phải lo cho người dân được no cơm ấm áo. Đời sống có đầy đủ, người dân có an cư lạc nghiệp, thì văn-nghệ sẽ được tiến-bộ. Nhưng xét rõ hiện-tình của nước Việt chúng ta không thể đòi hỏi ngay một cơ quan nghiên-cứu âm-nhạc với dụng cụ tối-tân, nhiều giàn nhạc giao-hưởng, nhiều ban đại ca-kịch.

Nhưng có những điều mà mỗi chúng ta có thể thực-hành ngay.

Về mặt tinh-thần, chúng ta bỏ thành-kiến khinh-miệt người đàn hát (câu xướng ca vô loại không nên ở đầu mỗi chót lưỡi của mọi người). Người nhạc-sĩ Việt, nhất là nhạc sĩ cổ-truyền bỏ tự-ti mặc cảm đối với người nhạc-sĩ ngoại-quốc và đối với những người Việt ở giai-cấp khác hay trong nghề-nghiệp khác. Mỗi nhạc-sư, nhạc-sĩ nhạc-công hay học-sinh âm-nhạc tự cho mình bốn phận luôn luôn trau giồi nghệ-thuật, và không bao giờ thỏa mãn với sự hiểu biết hoặc tài-năng của mình.

Về mặt thực-hành, mỗi chúng ta có thể sưu-tầm, gìn giữ những đĩa hát xưa, những quyển sách cổ về âm-nhạc chép lại những câu hò, câu hát do các bậc cao niên còn nhớ, ghi rõ vùng nào, thuở nào, tên họ tuổi tác, nghề-nghiệp của người hát hay người đọc lại câu hát, để mai sau có một cơ quan nghiên-cứu, chúng ta có thể thâm thập và tập trung lại. Mỗi nhạc công nhạc sĩ tự cho mình bốn phận tìm-tòi, gìn giữ, học tập, ghi chép và phổ-biến, nhạc dân tộc, nhạc cổ truyền hoặc hàng ngày trau giồi luyện tập ngón đàn giọng hát cho thêm tinh-vị, những nhạc-sư vào bậc các bác các anh không giấu nghề, những nhạc-sĩ hậu tấn không nệ công, bạn có nghĩ rằng như thế là chúng ta đã đi những bước đầu trên con đường phục vụ âm-nhạc chăng ?

Muốn đi xa hơn, muốn chạy cho kịp người, lẽ tất nhiên phải còn chờ điều kiện khách quan thuận tiện hơn và không phải với thiện-chí của một nhóm người mà ta có thể làm việc lấp biển đời non.

Tôi đã đi hơi xa vấn-đề câu chuyện nói với bạn hôm nay, nhưng có lẽ bạn đã đọc được ý của tôi giữa những dòng này.

Xa xôi.

TRẦN VĂN KHÊ

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

bướm trắng

— TƯỜNG-LINH —

Tin gió xa về run lá xanh
Sương đêm còn gửi ngọc trên cành
Giọt vàng, nắng sớm rơi bờ cỏ
Có tiếng chim gù hót rất thanh

Đài hoa ước lệ buồn xuân-nữ
Nửa dáng chờ mộng, nửa hững-hờ
Trời cao, một chút mây không động
Chiếc nhện nằm nghe gió khảy tơ

Đôi cánh e-dè — đôi cánh trắng
Như đôi hoa trắng nhịp-nhàng bay
Tháng giêng, có một loài hoa trắng
Bỏ ngỏ vườn hương, bướm trắng say...

T. L.

— HOÀI-KHANH —

ngồi lại bên cầu

Người em gái trở về đây một bận
Con đường câm bỗng sáng ánh diệu kỳ
Tôi lần trốn vì thấy mình không thể...
Mây của trời rồi gió sẽ mang đi

Em — thì vẫn nụ cười xanh mắt biếc
Mầu cô đơn trên suối tóc la đà
Còn gì nữa với mây trời đang trắng
Đã vô tình trôi mãi bến sông xa

Thôi nước mắt đã ghi đời trên đá
Và cô đơn đã ghi dấu trên tay
Chân đã bước trên lối về hoang vắng
Còn chẳng em nghĩa sống ngực căng đầy

Quá khứ đó dòng sông em sẽ ngủ
Giấc chiêm bao nguyên vẹn có bao giờ
Ta sẽ gặp trong ý tình vũ bão
Con thuyền hồn trở lại bến hoang sơ
Rồi em lại ra đi như đã đến
Dòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù
Ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
Nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu. —

H. K.

(trích « Thân Phận » sắp xuất bản)

THÈM VỀ

— THÁI-TÚ-HẠP —

Đèo heo hút gió chùng sương
Trên cao nhĩ ngựa dừng cương thêm về
Chiều phong kín ngả sơn khê
Non xa nây ngủ trời trời lê thê buồn
Lạc loài cánh nhận qua truông
Thả lời điệu nhớ nẻo nùng bãi hoang
Dưới sâu lũng thấp điệu tàn
Nghe mùa gầy đồ nẻo vàng thu ca
Cô liêu đàn sến dương tà
Lời ru phiến đá cây già hắt hiu
Tiếng đưa dã thú rừng chiều
Buốt sương gió núi tiêu điều cỏ sơ
Tóc sương rêu phủ bến chờ
Chiều nghiêng cánh gió hồn mơ đang trình...

T. T. H.

(Hội-An)

THANH NIÊN

Nằm đây với mốc ưu tư
Tay xương đá mặn, thân gù núi cao.
Trong tôi những tiếng rì rào
Vai không gió lọt bóng nào trôi qua.

Mưa rơi mòn rãnh, xa nhà
Đêm khuya lạnh thỗi còn ta kẻ chờ.
Nằm đây nghĩ cũng quanh co
Canh thâu đứng đợi bấy giờ bóng đi.

Ngủ còn quên khép đôi mi
Xương da những bọt phân ly nếp dài.
Thức rồi, coi nốt tương lai
Thôi xong tuổi trẻ, thôi hoài mộng em.

V. L.



RỪNG

Cổ nằm san vết thương đôi
Ngày hiu quanh tiếng ai vui dấu chân
Người xa giờ lãng quên dần
Mười năm ấy nở mấy lần măng mai
Tối về tay dấu sau tay
Nghe mùa đông thỗi gió may sang đèo
Khói hoang đầy mắt nhìn theo
Chiều nay còn lạnh hơn chiều hôm qua.

T. D. T.

MỘT NGÀY THÍCH NHÚT CHO CON CÁ CHUỐI

(A PERFECT DAY FOR BANANAFISH)

JEROME DAVID SALINGER

NGUYỄN-MINH-HOÀNG dịch



J. D. Salinger là một nhà văn Mỹ hiện đang nổi tiếng nhứt. Ông là tác giả ba tác phẩm rất được hoan nghinh : một truyện dài *The Catcher in the Rye*, hai tập truyện ngắn *Nine Stories* và *Franny and Zooey*. Cuốn *The Catcher in the Rye* là một loại best - seller, lần xuất bản đầu tiên năm 1948 đã bán hết một triệu rưỡi quyển, mỗi năm về sau phải in thêm đều đều 250.000 quyển mới đủ cung ứng cho số độc giả đòi hỏi. Hai cuốn sau, *Nine Stories* và *Franny and Zooey*, cũng được tiếp đón nồng hậu không kém. Mấy tuần trước ngày phát hành chánh

thức tập truyện *Franny and Zooey*, những độc giả hâm mộ Salinger đã đứng làm đuôi sẵn trước các hiệu sách để có cuốn nào là mua ngay cuốn đó. Trong giới sinh viên bên Mỹ hiện nay phong trào đọc Salinger và bắt chước nhơn vật Holden Caulfield của truyện *The Catcher in the Rye* đang bột phát. Bột phát đến nỗi nhà xã hội học Mỹ David Riesman đã phải đề cập đến cuốn *Catcher* trong loạt bài ông giảng tại trường đại học Harvard về tánh cách và cơ cấu của xã hội nước Mỹ (1). Thế hệ thanh niên và sinh viên Mỹ ngày nay đã tìm thấy trong cuốn *Catcher* một cái gì tiêu biểu nhứt cho họ, một thức tiếng nói để họ nói toạc ra trước mọi người thái độ và cảm nghĩ của họ đối với cuộc đời. Theo báo *Like*, đối với giới thanh niên Mỹ, Salinger còn là hợp đề của ba tác giả danh tiếng : Hemingway, Faulkner và Walt Whitman.

(1) Theo tài liệu của tuần báo *Time* tháng 9 năm 1961 mà bìa có in hình trên đây của Salinger.

MỘT NGÀY THÍCH NHỨT CHO CON CÁ CHUỒI

Salinger (ta đừng lầm với Pierre Salinger trưởng phòng báo chí của Tổng Thống Kennedy) sinh ở New York năm 1919, cha ông là một người Mỹ lai Do Thái, mẹ ông theo đạo Gia Tô. Năm 15 tuổi ông vào học trường võ bị Valley Forge và liên tiếp trong ba trường đại học khác. Ông phục vụ trong quân đội Mỹ từ 1942 đến 1946 với cấp bậc trung sĩ nhiệt tại Sư Đoàn 4 bộ binh. Vốn tánh trầm lặng ít nói nên ông được đưa sang ngành quân báo, ông đã dự trận đổ bộ lên bờ biển Normandie ngày 6 tháng 6 năm 1944. Công việc của viên trung sĩ Salinger trong suốt thời kỳ ở với Sư Đoàn 4 Bộ Binh trên đất Pháp là dò hỏi những thường dân Pháp và tra gạn những tù binh Đức để tìm bắt những nhơn viên Gestapo còn lẩn trốn. Chính trên đất Pháp ông gặp Ernest Hemingway lúc đó làm thông tin viên chiến tranh cho mấy tờ báo Mỹ. Ông đưa cho Hemingway xem một vài truyện ngắn của ông và Hemingway đã phải kêu lên : « Trời ơi, anh là một thiên tài ». Rồi có lẽ vì khoái quá, Hemingway rút luôn khẩu Luger đeo bên hông bắn bay đầu một con gà vô phước đứng gần đầu đó. Salinger đã ghi lại chi tiết này trong một truyện nhan là *For Esme with love and squalor* mà, nếu có dịp, chúng tôi sẽ xin dịch để bạn đọc Bách Khoa thưởng thức. Tính số lại để xem kết quả của những năm Salinger ở trong quân ngũ ta thấy Salinger đã tham gia năm trận đánh lớn, đã lấy trong một thời gian một nữ bác sĩ người Pháp chuyển về bệnh thần kinh. Hai sự kiện này đã ảnh hưởng không ít những tác phẩm của Salinger sau này : kinh nghiệm chiến tranh đã thay đổi hẳn lối nhìn đời của Salinger, bà vợ, bác sĩ thần kinh, đã khiến Salinger chú ý và đào sâu phần tiềm thức trong cuộc sống của các nhơn vật của mình.

Lúc được giải ngũ ông quay về New-York, sống lang thang tám năm trong khu nghệ sĩ Greenwich Village rồi về ở hẳn Corwish trong tiểu bang New Hampshire. Nơi đây ông sống một cuộc đời gần như hoàn toàn cách biệt với đời sống bên ngoài, không thù tiếp ai, cả ngày viết lách và nghiên cứu triết lý đạo Phật. Đối với phần đông độc giả ông là một nhà văn kỳ quặc, có người cho ông điên. Nhưng có ai biết đâu ông mới chính là nhà văn đã đi sâu được vào đời sống nội tâm vô cùng phong phú mà cũng là vô cùng bí hiểm của con người để diễn tả những tâm trạng băn khoăn, thương xót, thù ghét của thời đại trước một đối tượng không bao giờ trụ lại trong một khoảng không-thời-gian (espace-temps) nhất định là bề mặt thiên hình vạn trạng của cuộc đời.

Một cây bút phê bình văn nghệ của tờ báo Pháp Combat là Matthieu Galey đã nói về Salinger : « J. D. Salinger có lẽ là nhà văn lớn nhất, trong ngành đi ra ngoài khuôn sáo nhất, chói sáng nhất, rung

cảm nhiệt, phong phú nhiệt, mới nhiệt và thần diệu nhiệt trong số những nhà văn Mỹ hiện nay (*J. D. Salinger est peut-être le plus grand, en tout cas, le plus insolite, le plus brillant, le plus émouvant, le plus riche, le plus neuf, le plus merveilleux des romanciers du Nouveau monde*).

Chúng tôi mời các bạn đọc truyện ngắn : « Một ngày thích nhiệt cho con cá chuối » để xem các bạn có đồng ý với Jean Louis Curtis, người đã viết tựa cho tập truyện *Nine Stories* dịch ra tiếng Pháp, mà nhận thấy rằng Salinger quả là kẻ đã qui quái khai thác cái thế giới của những sự vật không nói được bằng lời (2) không ?

N. M. H.

(2) (*Salinger est un diabolique prospecteur des choses informulées — Préface aux Nouvelles de Salinger*).

TRONG khách sạn có chín mươi bảy ký giả từ New-York đến. Họ được quyền ưu tiên trên tất cả những đường điện thoại nối liền các đô thị lớn với nhau, thành ra người thiếu phụ trẻ trọ trong gian phòng số 507 phải chờ từ mười hai giờ trưa đến hai giờ rưỡi xế mới bắt đầu nói chuyện được. Nhưng trong lúc chờ điện thoại không phải thiếu phụ chỉ ngồi khoanh tay, không làm gì cả. Nàng đọc trong một tạp chí phụ nữ một bài nhan là « Tình dục là thiên đường hay địa ngục ». Nàng rửa cây

lược và cái bàn chải tóc. Nàng lấy thuốc tẩy tẩy một vết dơ trên cái « júp » màu cà phê nhạt. Nàng tháo cái nút trên cái áo mua ở tiệm Sacks để đính vào một chỗ khác vừa ý hơn. Nàng nhổ hai sợi lông vừa mọc trên nút ruồi duyên của nàng. Sau cùng lúc người giữ điện thoại trong khách sạn gọi nàng thì nàng đang ngồi trên mép cửa sổ, đánh đồ xong mấy móng tay bàn tay trái.

Nàng không phải là hạng đàn bà cuồng lên vì tiếng chuông điện thoại



reo. Nàng hành động y như từ lúc nàng bắt đầu lớn lên giờ nàng đã quen nghe tiếng chuông đó tiếp tục reo không ngớt.

Nàng cầm cây cọ nhỏ, sơn nốt móng ngón út, vẽ tỉ mỉ quanh cái vành bán nguyệt trắng đục trên móng tay.

Sau đó, nàng đẩy chai vệt-ni lại, rồi vừa đứng lên vừa vẩy bàn tay để mây móng tay khô mau. Nàng đưa tay mặt vói lấy trên mép cửa sổ cái gạt tàn thuốc đầy ụ những mẫu thuốc lá đem để trên cái bàn đêm, cạnh máy điện thoại. Nàng ngồi xuống giường, khoan thai nhấc ống nói (chuông điện thoại lúc đó đã reo năm, sáu lần):

— A lô.

Nàng giơ bàn tay trái ra xa để nước sơn móng tay còn ướt không dính vào áo mỏng lót mình bằng lụa trắng của nàng. Nàng chỉ mặc có mỗi cái áo mỏng đó, và mang một đôi dép. Mấy chiếc nhẫn của nàng đều để trong phòng tắm.

Người giữ điện thoại nói:

— Thưa bà Gless, tôi đã gọi được New-York cho bà rồi.

— Cám ơn cô.

Nàng đẩy một vài món lật vật trên cái bàn đêm để lấy chỗ cho cái gạt tàn thuốc.

Trong ống điện thoại có một giọng đàn bà:

— Muriel? Phải con đó không?

Thiếu phụ nhích cái ống nói ra khỏi lỗ tai một chút, đáp:

— Phải, con đây. Má mạnh không?

— Má lo quá! Sao con không gọi điện thoại cho má? Mọi việc ra sao?

— Chiều hôm qua và chiều hôm kia con rần gọi má. Nhưng ở đây, điện thoại...

— Muriel, má hỏi con mọi việc ra sao?

Thiếu phụ lại nhích cái ống nói ra khỏi lỗ tai thêm một chút nữa.

— Tốt lắm. Trời nóng quá. Nóng nhứt ở Floride kể từ ngày...

— Tại sao con không gọi điện thoại? Làm má lo hết sức!

Thiếu phụ nói:

— Má đừng la to như vậy, con nghe rõ rồi. Chiều hôm qua con gọi hai lần. Lần thứ nhứt ngay sau lúc...

— Má nói với ba con là con sẽ gọi điện thoại. Nhưng không, phải đợi... Muriel, con nói cho má biết đi. Mọi việc ra sao?

— Con vẫn mạnh. Con xin má đừng hỏi như vậy nữa.

— Hai con tới nơi hồi nào?

— Con cũng không biết nữa. Hôm thứ tư, lúc sáng sớm.

— Ai lái xe?

Thiếu phụ đáp:

— Anh ấy. Má đừng lo, anh lái hay lắm. Con cũng không ngờ.

— Nó lái xe à ! Muriel, con đã hứu với má...

Thiếu phụ ngắt câu nói :

— Má, con vừa nói với má là ảnh lái hay lắm. Dưới 80 cây số trong suốt quãng đường. Con nói thật mà.

— Nó có giờ câu chuyện về mây cây trồng ở 2 vệ đường không ?

— Con đã nói với má là ảnh lái hay lắm mà. Con xin má nghe con... Con đã bảo ảnh để ý xem chừng mây vạch sơn vàng trên đường, ảnh đã hiểu, anh đã nghe theo. Ảnh còn rán hết sức để không nhìn cây cối ở hai bên đường nữa. À, ba đã đem sửa xe chưa ?

— Chưa. Họ đòi bốn trăm đô la, nội cái...

— Má, Seymour đã nói với ba là ảnh sẽ trả tiền. Vậy không có lý gì...

— Được rồi, để rồi xem. Suốt lúc đi đường nó ra sao ?

Thiếu phụ nói :

— Ảnh như thường.

— Nó còn gọi con bằng cái tên...

— Không, ảnh đã đặt một cái tên khác.

— Hà ?

— Ồ... má hơi đâu mà lo.

— Muriel, má muốn biết. Ba con...

— Được rồi, được rồi. Ảnh gọi con là Hoa hậu Đức Hạnh 1948.

Nói xong thiếu phụ cười một cái cười kỳ lạ.

— Con cho là ngộ ? Con cho là ngộ à ? Má thì má thấy khổ hết sức. Thật đáng buồn. Mỗi khi nghĩ đến...

Thiếu phụ ngắt lời :

— Này má, má còn nhớ quyển sách ảnh đã gửi từ bên Đức về cho con không ? Má nhớ không, quyển thơ Đức ? Không biết con đã để nó ở đâu ? Con moi óc...

— Thì nó vẫn còn đó.

— Má chắc không ?

— Chắc. Má muốn nói hiện má đang cắt quyển sách, cắt trong phòng Freddy. Con bỏ nó trong này vì không còn chỗ trong... mà con hỏi chi vậy ? Nó đòi xem à ?

— Không phải. Đọc đường ảnh hỏi con quyển đó đâu rồi : Ảnh hỏi con đã đọc xong chưa.

— Nhưng sách viết bằng tiếng Đức mà !

Thiếu phụ tréo hai chân lại, đáp :

— Phải con cũng biết vậy. Nhưng ảnh bảo con là những bài thơ ấy do một đại thi hào viết ra, đáng lẽ con phải mua một bản dịch, hoặc phải học tiếng Đức để đọc ngay nguyên văn, má hiểu chớ ?

— Thiệt má hết biết nói sao. Má buồn quá... Chiều hôm qua ba con nói với má...

— Má chờ con một lát.

Thiếu phụ đèn mép cửa sổ tìm một điều thuốc lá đoạn trở lại ngồi trên giường. Nàng thở một hơi thuốc, gọi :

— Xong rồi, con nghe đây.

— Muriel, bây giờ con nghe má nói.

— Con nghe.

— Ba con đã nói chuyện với bác sĩ Sivetski.

— Thề à ?

— Ba con đã thuật rõ đầu đuôi với bác-sĩ. Ông đã nói với má. Như vậy, con biết ba con chớ. Mấy cái cây. Chuyện xảy ra về cánh cửa sổ. Chuyện nó nói với ngoại con về những cái nó định làm sau khi chết. Chuyện mấy bức tranh nó mua ở Bermudes . . . Ba con thuật lại hết.

— Thề rồi ?

— Thề rồi, trước hết bác-sĩ bảo rằng cho nó ra khỏi nhà thương như thể quân đội đã phạm một lỗi lầm tai hại. Ông lại bảo với ba con là có thể — rất có thể theo lời ông nói — Seymour mất hết lý trí. Má nói thật.

— Ở đây, tại khách sạn này cũng có một bác-sĩ trị bệnh thần-kinh.

— Bác-sĩ nào ? Ông tên gì ?

— Con cũng không biết rõ. Tên Rieser hay Ri . . . ri gì đó. Nghe nói ông giỏi lắm.

— Má không nghe tiếng bao giờ.

— Má không nghe tiếng, nhưng con nghe đồn, ông giỏi lắm.

— Muriel, con giống với má à ? Ba con với má đang lo cho con hết sức ; má cho con biết, chiều hôm qua ba con định đánh dây thép gọi con về . . .

— Con không về được. Má đừng thêm lo nữa.

— Muriel, má nói thật. Bác sĩ Sivetski bảo là Seymour có thể mất hết...

— Má, con vừa tới Floride. Từ mấy năm nay con mới có dịp đi nghỉ mát lần này. Không lẽ bây giờ con thu xếp va-li để quay về. Hơn nữa con chưa đi được. Con bị phỏng nắng. Con đau khắp mình mẩy.

— Con phỏng thật à ? Thề tại sao con không xài chai dầu « Bronze » má để trong va-li con ? Má để chung với...

— Con có thoa nhưng vẫn bị phỏng.

— Khô chưa. Con bị phỏng ở đâu ?

— Ô, khắp cả, khắp cả.

— Khô quá.

— Nhưng không sao, con không chết đâu.

— Này, con có nói chuyện với vị bác sĩ không ?

— Kể ra thì... có.

— Thề ông nói sao ? Lúc con nói chuyện thì Seymour đứng ở đâu ?

— Ở dưới phòng khách. Anh đánh pia-nô. Suốt hai đêm đèn ở đây đêm nào anh cũng chơi pia-nô.

— Vậy bác sĩ nói sao ?

— Ô, không nói gì quan trọng. Ông hỏi chuyện trước. Chiều hôm qua con ngồi gần ông trong quán « Binyo », ông hỏi con người đánh

piá-nô trong phòng khách có phải chồng con không. Con đáp phải. Ông lại hỏi Seymour có bệnh hoặc có một cái gì đó không. Con đáp...

— Sao ông lại hỏi như vậy ?

— Con cũng không biết tại sao ông lại hỏi như vậy. Có lẽ tại ông thấy Seymour xanh. Thê rồi sau đó hai vợ chồng ông mời con uống rượu. Con nhận lời. Bà vợ ông bác sĩ con không ưa được. Má có nhớ cái áo treo trong tủ kiềng tiệm Bouwit mà má bảo là đáng ghét không ? Cái áo mà má bảo là muốn mặc mình phải có một thân mình thật thon, thật thon, đó...

— Cái áo màu xanh đó à ?

— Đúng thê. Chính cái áo của bà vợ ông bác sĩ... Bà mập thù lù ! Bà luôn miệng hỏi con có phải Seymour có họ hàng gì với Suzanne Glass chủ tiệm nón ở Madison Avenue không ?

— Nhưng ông bác sĩ, ông nói gì với con ?

— Ô, không nói gì lạ hết. Lúc đó cả ba đứng cạnh quầy rượu, có nhiều người nói chuyện ồn ào.

— Má biết rồi, nhưng... Con có thuật chuyện Seymour với cái ghê của ngoại con không ?

— Không. Con chỉ nói qua loa thôi chắc con còn có dịp nói chuyện với ông nữa. Ngày nào ông cũng có mặt ở quầy rượu.

— Ông có nói Seymour sẽ ra sao không... Con hiểu chứ... Nó có thể đâm ra kỳ lạ hoặc có thể làm gì con không ?

— Ông không nói như vậy. Muốn đoán chắc chắn ông phải biết rõ Seymour hơn. Phải biết rõ cả cái hồi mình còn là con nít... Phải biết rõ đủ thứ. Lúc đó ồn ào quá, nói chuyện nhiều không được.

— Được rồi. Còn cái áo măng-tô màu xanh của con ?

— Đẹp lắm, con đã cho tháo hai cái quai trên vai.

— Còn kiểu áo năm nay ?

— Hết sức lạ. Nhưng mình mặc xem không được. Có nhiều chỗ lồ lằng quá.

— Gian phòng con ở ra sao ?

— Được, không có gì để chê. Tụi con không lấy được gian phòng đã ở hồi trước giặc. Thiên hạ năm nay không thương được. Phải má thầy được bộ mặt mày tay ngói gấn bàn con trong phòng ăn. Thật là bất lịch sự, giống như một bọn ăn cướp.

— Hiện giờ đâu cũng vậy hết. Còn cái áo mặc để đi dạ hội của con ?

— Áo dài lê thê. Con đã nói với má là áo đó dài quá.

— Muriel, má hỏi con lần nầy nữa, lần nầy nữa thôi : mọi việc có phải thật không đáng lo không ?

— Thật. Con đã nói với má nhiều lần là không có gì để má lo hết.

— Con không về thật à ?

— Không.

MỘT NGÀY THÍCH NHỨT CHO CON CÁ CHUỒI

— Chiều hôm qua ba con nói nếu con muốn đi nơi khác một mình và chịu suy nghĩ kỹ ông sẽ lo tất cả tiền lộ phí cho con. Hay con đáp tàu đi du lịch? Ba má đã nghĩ...

Thieu phụ buông hai chân tréo từ nãy giờ ra và nói:

— Không được. Con biết ba má thương con. Nãy giờ nói chuyện lâu quá, chừng trả tiền...

— Mỗi khi má nghĩ đến con đã chờ nó suốt thời kỳ giặc giã... Má muốn nói mỗi khi má nghĩ đến mây đưa còn trẻ như con...

— Má. Thôi để hôm khác nói tiếp. Seymour sắp về tới bây giờ.

— Nó đi đâu?

— Đi ngoài bãi biển.

— Đi ngoài bãi biển? Đi một mình à? Ở ngoài bãi nó có cứ chi gì lạ không?

— , Ómá. Má làm như anh là người điên nguy hiểm vậy.

— Má đâu nói thế.

— Má không nói thế nhưng nghe má nói người ta tưởng đâu anh điên ghê lắm. Ngoài bãi anh chỉ nằm dài. Anh không chịu cởi cái áo choàng.

— Sao vậy?

— Con không biết. Có lẽ tại anh trắng quá.

— Nó cần phơi nắng! Con không bảo nó cởi ra được à?

Thieu phụ lại tréo hai chân và nói:

— Má biết rõ anh chớ. Anh bảo không thích thấy một lũ ngốc xúm quanh anh để xem mấy cái hình xăm trên ngực anh.

— Ủa, trước kia nó đâu có xăm mình! Nó xăm lúc ở trong quân đội chắc?

Thieu phụ đứng lên.

— Không phải đâu. Nãy má, có lẽ mai con sẽ gọi má lại.

— Muriel con nghe má, ngay bây giờ.

Thieu phụ dồn cả sức nặng của thân mình lên chân mặt:

— Con nghe.

— Nếu nó có làm hoặc nói cái gì kỳ lạ con phải gọi má lập tức... Con hiểu rõ ý má không? Con nghe không?

— Con có thấy anh đáng sợ chỗ nào đâu.

— Muriel, má muốn con hứa với má.

— Được rồi, con hứa. Thôi chào má. Má nhớ hôn ba nhiều giùm con.

Nàng mặc ông nói lại.

* * *

Sybil Carpenter nói với mẹ:

— Con không thấy có tầm kiềng đục nữa. Má còn thấy tầm kiềng đục không?

— Con đừng nói bậy nữa nào. Con làm má điên đầu. Con đứng yên cho má nhờ đi.

Bà Carpenter lấy dầu rám nắng thoa hai vai Sybil. Bà thoa kỹ hai cạnh nhô lên của hai chỏm vai mỏng mảnh như hai cánh chim non. Sybil ngồi lắc lư trên quả bóng cao su to, quay mặt ra biển. Nó mặc một bộ áo tắm hai mảnh màu hoàng yến (một trong hai mảnh đó hiện giờ đối với nó là thừa, phải đợi độ mười năm sau nó mới cần đến).

Một bà nằm trên ghê bồ dài cạnh bà Carpenter nói :

— Nhìn gần thì chỉ là cái khăn mu-soa lụa. Nó làm thế nào mà buộc được. Trong thật dễ thương.

Bà Carpenter nói :

— Dễ thương thật. Sybil con đứng yên đi.

Sybil hỏi :

— Má còn thấy tâm kiềng đục không ?

Bà Carpenter đẩy nút chai dầu rám nắng lại, thở phào :

— Thê là xong. Bây giờ con chạy đi chơi. Má quay về khách sạn uống một ly mật - ti - ni với bà Hubbel.

Lát nữa má đem trái ô-liu ra cho con.

Được thả lỏng, Sybil chạy ra bãi cát phẳng lì gần mé nước và đi về phía Nhà câu cá. Gặp một cái lều do trẻ nhỏ xây bằng cát đã đổ nó đứng lại, lấy chơn đạp thêm lên trên. Một lát sau nó ra khỏi khu vực bãi biển dành riêng cho các thân chủ trọ trong khách sạn.

Nó đi thêm độ vài trăm thước nữa rồi thỉnh thoảng đổi hướng chạy lên phía bãi biển có cát mềm. Nó đứng khựng lại trước một người đàn ông trẻ đang nằm ngửa. Nó hỏi :

— Anh không xuống nước, nhìn tâm kiềng đục nữa à ?

Chàng đàn ông trẻ giật mình, đưa bàn tay mặt nắm hai vạt áo choàng rồi sau đó vừa quay sấp bụng lại vừa kéo cái khăn lông nhỏ cuộn tròn đắp trên mắt xuống. Chàng ta nghiêng đầu ngó Sybil :

— Hê-lô, Sybil.

— Anh không xuống nước à ?

Chàng đàn ông đáp :

— Tôi chờ em. Có gì lạ không ?

Sybil hỏi lại :

— Cái gì ?

— Có gì lạ không ? Có tin tức gì không ?

Sybil hốt cát ném lên mình chàng đàn ông rồi nói :

— Mai ba tôi đáp máy bay đến đây.

Chàng đàn ông với tay nắm lấy cổ chơn của Sybil, nói :

— Này này, em đừng ném vô mặt. Ba em đến đây thật đúng lúc. Tôi chờ ba em hàng giờ. Hàng giờ !

Sybil hỏi :

— Cô kia đâu ?

— Cô kia ?

Chàng đàn ông phất một ít cát dính trên mái tóc mịn.

— Khó trả lời em quá Sybil. Cô kia lúc nầy có thể ở nhiều nơi khác nhau. Hoặc ở đằng tiệm chải tóc để nhuộm tóc. Hoặc ở trong phòng để may búp bê cho mấy trẻ em nghèo.

Chàng nằm sấp bụng, chống hai bàn tay nằm thành quả dầm lên nhau và đặt cằm lên đó. Chàng nói :

— Sybil em nói cái khác đi. Em có bộ áo tắm đẹp quá. Tôi thích nhút những bộ áo tắm màu xanh.

Sybil nhìn chàng đàn ông, có vẻ ngạc nhiên đoạn cúi nhìn xuống bụng.

— Nhưng cái nầy màu vàng mà. Màu vàng mà !

— Thề à ? Em xích lại gần một chút.

Sybil bước tới một bước.

— Em nói đúng. Tôi ngạc quá.

Sybil hỏi :

— Anh không uồng nước sao ?

— Tôi đang nghĩ tới chuyện đó đây. Tôi nghĩ nhiều lắm Sybil à, nghĩ nhiều đến nỗi em sẽ không tin được.

Sybil nắn cái phao cao su mà chàng đàn ông trẻ dùng kê đầu. Nó nói :

— Phải bơm thêm hơi.

— Em nói đúng. Phải bơm thêm thật nhiều hơi, thật nhiều hơn nữa.

Chàng lấy hai nắm tay ra, tựa cằm xuống cát và nói :

— Sybil em đẹp quá. Nhìn em, thật thích. Em nói chuyện em cho tôi nghe...

Chàng đưa tay nắm hai cổ chân của Sybil.

Tôi là con Dương cưu. Còn em, em là con gì ?

Sybil nói :

— Con Sharon Lipschutz bảo là anh đã để nó ngồi cạnh anh trên ghế lúc anh đánh pia-nô.

— Sharon Lipschutz bảo vậy à ?

Sybil gật đầu lia lịa.

Chàng đàn ông buông hai cổ chân Sybil ra, thu hai bàn tay lại và đặt gò má lên cánh tay phải.

— Phải rồi, em có biết những chuyện ấy xảy ra cách nào không. Tôi đang ngồi đánh pia-nô. Lúc ấy em không có ở đó. Sharon Lipschutz tới, rồi đến ngồi cạnh tôi. Tôi đâu đuổi nó đi được.

— Được.

— Ồ không được. Tôi đuổi không được.

— Để em nói anh nghe em đã làm gì.

— Sao ?

— Em tưởng tượng là anh.

Sybil ngồi xuống, lấy tay đào cát. Nó nói.

— Mình đi xuống nước đi.

— Phải lắm, cái đó thì tôi làm được.

— Lần sau anh đuổi nó ra ?

— Đuổi ai.

— Con Sharon Lipschutz.

— Ô Sharon Lipschutz. Cái tên đó trở đi trở lại mãi, làm tôi lẫn cả những chuyện cũ với chuyện tôi đang ham muốn bây giờ.

Chàng vụt đứng lên, nhìn ra biển, nói :

— Sybil, tôi sẽ nói cho em biết mình sẽ làm gì. Mình thử bắt một con cá chuối.

— Con gì ?

— Con cá chuối.

Chàng mở dây lưng, cởi cái áo choàng ra. Hai vai chàng trắng, co rút lại, những đường mạch máu trên da chàng nổi xanh lè. Chàng xếp cái áo choàng lần đầu theo chiều dọc và ba lần sau, theo chiều ngang. Chàng xỏ cái khăn lông đắp trên mắt lúc này ra, trải nó trên cát và đặt cái áo choàng lên. Chàng cúi xuống, lượm cái phao kẹp nó dưới cánh tay mặt. Sau rớt chàng đưa bàn tay trái nắm tay Sybil. Hai người đi xuống phía biển.

— Chắc trong đời em em không thấy nhiều cá chuối phải không ?

Sybil lắc đầu.

— Không nhiều phải không ? À, mà em ở đâu ?

— Em không biết.

— Em biết, em biết mà. Em phải biết. Sharon Lipschutz biết rõ chỗ ở, tuy nó mới ba tuổi rưỡi.

Sybil đứng lại rồi đột nhiên giật tay ra. Nó lượm một cái vỏ sò và nhìn chăm chú.. Nó ném cái vỏ sò xuống đất.

— Ở Whirly wood, Connecticut.
Đáp xong nó ưỡn bụng, tiếp tục bước tới.

— Ở Whirly wood Connecticut à ? Có phải chỗ đó ở gần miệt Whirly wood Connecticut không ?

Sybil nhìn chàng đàn ông, rồi nói với vẻ bức tức :

— Chính em ở đó mà. Ở Whirly wood Connecticut.

Nó chạy tới trước vài bước, co chân trái lên đoạn nhảy cò-cò hai ba cái.

Chàng đàn ông nói :

— Em đâu biết được là bây giờ đối với tôi mọi cái đã hóa ra rõ ràng rồi.

Sybil buông chân trái xuống, hỏi :

— Anh đã đọc truyện thằng nhỏ Sambo chưa ?

— Thê à, em hỏi tôi cái đó ngộ thật. Tôi vừa đọc xong tôi qua.

Chàng quơ tay tìm bàn tay Sybil và nắm chặt lấy.

— Em thấy truyện đó ra sao ?

— Anh có nhớ lúc bảy cộp nhảy chung quanh gốc cây không ?

— Tôi tưởng đâu tại nó cứ nhảy mãi không ngừng. Chưa bao giờ tôi thấy nhiều cộp đèn thê.

Sybil nói :

— Chỉ có sáu con.

— Chỉ có sáu con ! Như vậy mà em nói « chỉ » à ?

Sybil hỏi :

— Anh thích súp không ?

— Thích gì ?

— Súp, súp để làm nền.

— Thích lắm, còn em ?

Sybil gật đầu, hỏi tiếp :

— Anh thích trái ô-liu không ?

— Trái ô-liu ? Thích. Tôi thích cả trái ô-liu cả súp. Đi đâu tôi cũng đem hai thứ đó theo.

— Anh thích con Sharon Lipschutz không ?

— Thích. Tôi thích nhút Sharon Lipschutz ở chỗ nó không ác với mấy con chó nhỏ trong khách sạn. Không ác với con chó nhỏ của cái bà ở Gia-nã-đại. Tôi nói có lẽ em không tin chớ thật ra có những cô bé thích lấy cái que kẹo «xút-xết» đâm vô mình con chó nhỏ. Nhưng Sharon thì không. Nó không ác như vậy bao giờ. Vì thế mà tôi thích nó.

Sybil nín thính, một lúc sau nó nói :

— Em thích nhai nền lắm.

— Ai lại chẳng thích như em.

Chàng đàn ông thò chơn xuống nước, rồi kêu lên :

— Chà chà, nước lạnh quá.

Chàng buông rớt cái phao.

— Khoan, chờ đã Sybil, chờ đến lúc mình bơi ra xa đã.

Hai người lội cho đến lúc nước tới thắt lưng Sybil. Chàng đàn ông bề xốc Sybil lên, đặt nó nằm sấp trên cái phao.

— Em không [đội nón trùm tóc] à ?

— Anh đừng để em trôi mất. Anh giữ chặt em đi.

Chàng đàn ông đáp :

— Cô Sybil, cô chớ lo, tôi rành nghề nầy lắm. Cô chỉ việc mở thật to hai mắt để xem mấy con cá chuối. Hôm nay là ngày thích nhút của nó, ngày thích "nhút" của con cá chuối.

Sybil nói :

— Em không thấy cá chuối.

— Tôi biết tại sao em không thấy rồi. Tụi cá chuối chúng có thói quen lạ lắm, rất lạ.

Chàng đẩy cái phao. Nước cao tới ngực chàng.

— Số phận tụi cá thật khốc lắm. Em Sybil, em có biết chúng làm gì không ?

Sybil lắc đầu.

— Tụi cá chun vào một cái lỗ có đầy những chuối. Lúc chúng chun vào chúng là cá như những con cá khác. Nhưng khi vào đến trong rồi chúng lại có những cử chỉ giống như một lũ heo điên. Em biết không, có một lần tôi gặp một con cá chuối chun vào một cái lỗ có chuối và ăn không dưới bảy mươi tám trái.

Chàng đẩy cái phao và cô bé ra xa hơn một chút.

— Dĩ nhiên, là về sau chúng mập đến nỗi không thể chun ra khỏi cái lỗ. Chúng đi ra cửa không lọt nữa.

— Đừng ra xa quá. Thề rồi về sau chúng ra sao ?

— Chúng nào ?

— Mây con cá chuối.

— Ồ em định nói lúc chúng ăn nhiều chuối quá và không thể chun ra khỏi cái lỗ phải không ?

— Phải.

— Nhắc tới chuyện này tôi buồn chết được Sybil à. Tội cả chết cả.

Sybil hỏi :

— Sao vậy.

— Chúng mắc chứng sốt rét do chuối gây ra, chứng bệnh này ghê gớm lắm.

Sybil la lên :

— Coi chừng, có đợt sóng kia.

— Mình không nhìn sóng, mình đi sẵn tới.

Chàng đàn ông nắm hai cổ chơn Sybil và đẩy Sybil tới trước. Cái phao đâm vào ngọn sóng, nước tạt ướt mớ tóc vàng của Sybil làm nó cười thét lên khoái trá.

Lúc cái phao đứng im nó lấy tay vén một ngọn tóc ướt phủ trên mắt và nói :

— Em thấy một con rồi.

— Một con gì em ?

— Một con cá chuối.

— Chúa ơi, em thấy thật à ? Có chuối trong miệng con cá không ?

Sybil gật :

— Có. Sáu [trái !

Thình lình chàng đàn ông cầm lấy bàn chân ướt buông thõng trên phao của cô bé, hun lia lia.

Cô bé quay lại :

— Ê kia !

— Em « ê » cái gì ? Bây giờ mình về. Em chán chê chưa ?

— Chưa !

— Đành vậy. Mình phải về.

Chàng đẩy cái phao vào tới chỗ cạ cho Sybil bước xuống. Chàng cúi xách cái phao, Sybil nói :

— Chào anh.

Rồi nó chạy về phía khách sạn, không ngoái đầu nhìn lại.

Chàng đàn ông mặc áo choàng, buộc kỹ dây lưng và nhét cái khăn lông vào túi. Chàng nhét cái phao ướt và kềm càn và kẹp phao vào nách. Sau đó chàng dẫm lên cát mềm và nóng để đi về khách sạn một mình.

Trong ngõ sau của khách sạn (ban giám đốc khách sạn đã yêu cầu các khách trọ lúc đi tắm về nên vui lòng đi bằng ngõ sau) chàng đàn ông đi chung thang máy với một thiếu phụ có bôi một vệt pom-mát trên mũi.

Lúc thang rút lên chàng nói :

— Tôi thấy hình như bà ngó chân tôi.

Thiếu phụ hỏi lại :

— Xin lỗi, ông nói chi ?

— Tôi nói : tôi thấy bà ngó chân tôi.

— Xin lỗi ông, tôi chỉ nhìn xuống đất thôi.

MỘT NGÀY THÍCH NHÚT CHO CON CÁ CHUỒI

Hồi xong thiếu phụ quay mặt ra cửa thang máy.

— Nếu bà muốn ngó chân tôi, bà cứ nói. Nhưng bà đừng giả vờ như vậy.

Thiếu phụ nói với người giữ thang máy :

— Xin cô ngừng cho tôi xuống đây.

Cửa thang máy mở và thiếu phụ bước ra, đi thẳng.

Chàng đàn ông nói :

— Hai chơn tôi có gì lạ đâu, có lý gì họ lại nhìn như vậy. Cô cho tôi lên từng năm.

Chàng thò tay vào túi áo choàng lấy chìa khóa phòng.

Lên tới từng năm chàng đi vào hành lang và mở cửa phòng số 507. Trong phòng có mùi da thuộc từ mấy cái va li mới tiết ra và mùi vệt - ni sơn móng tay bay thoang thoang.

Chàng liếc nhìn người thiếu phụ trẻ đang nằm ngủ trên giường. Chàng tiến lại một cái va-li, mở va-li, lấy từ dưới chổng quần áo lót ra một khẩu súng lục Ortgies lòng 7 ly 65. Chàng tháo băng đạn, xem kỹ rồi lắp lại vào súng. Chàng lên cò súng. Sau đó chàng đèn gối bên mép giường, nhìn người thiếu phụ, kê mũi súng vào màng tang bên phải và bóp cò.

Jerome-David Salinger
NGUYỄN-MINH-HOÀNG dịch

QUY-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Siền — Téléphone 30.821 — SAIGON



Em về đó
Mây che dù dịu nắng
Trời xôn xao
Gió chỉ lối đưa đường
Phòng thơ con ngập lụt nhớ thương
Giường trải mộng
Chiều chẵn nồng ân-ái

Thơ gác bút
Vẫn chờ Em trở lại
Môi vẽ hoa son
Trên mảnh áo phong trần
Anh trôi hồn giữa hương sắc thanh tân
Và chơi với trong tình yêu bão tố

Nửa đời thi-nhân
Vùng trán ưu tư, vai gầy khắc khổ
Anh mang quả tim to lớn hơn người
Trên đường đi có Khói súng — Hoa tươi
Đời nhiễm độc, giữa tâm hồn rách nát

Em là giai nhân
Hai bàn tay trời dịu mát
Xoa đau-thương thế-kỷ hoại mình
Vẫn mơ làm : kẻ cứu rỗi tâm-linh
Trong bi kịch « ôi con người bé bỏng »

Một kiếp lang-thang, trông tìm lạc-lỡng
Tình đầy đưa duyên hội-ngộ phi-thường
Em muôn đời người đẹp sắc hương
Anh vĩnh-viễn đi sâu vào nghệ-thuật...

H. L.

(Trích Dạ hội mùa Xuân đương in)

Cây sạm già nua
 Đời hanh nẻ đá
 Lũ lượt người đi

bơ vơ đường rộn rã

Ầm vang không ai nghe
 Chen chúc đầy xa lạ
 Nét cười tối nghĩa chẳng chia vui
 Nỗi kín trau mài dần nếp tuổi

Những con người sau viền mi lần bóng
 Ai biết nông sâu
 Những con mắt thờ ơ
 Những con mắt tránh nhau
 Đôi khi bắt chợt

lạnh nghi ngờ

Ôi những thoáng nhìn e ngại thuở hoang sơ
 Khi cỏ dại là nơi tranh sống sót

Mặt quen quen, không tên, mừng gặp gỡ
Lối đi về ôm sách, học lang thang
Khách chờ xe, ông quán dọn ngôi hàng
Chuyển đồ đạc, sân ga giờ chảy nóng
Câu thăm viếng trao thân người một tổng
Ngụm trà xanh, khói thuốc, chuyện lân la
Ngõ tối, ven sông, rừng, ruộng, xóm chim ca
Mỗi bước

không lo vào đất qui

Dựng bức màn tre
Cắt dây bầu bí
Nghe gió giật mình
Ngày đêm nép ý
Kiếp tỏ ngậm sương
Quạnh mùa phi lý

Hai mươi năm dài rẽ ngả quay lưng
Nói gì nữa, nói hay đừng, mây nước vắng
Tóc rụng, thơ khô, trời nín lặng
Đúc đen thăm

nung bật ánh sao mai

Hòa-Âm số 5

Đ. T.

ác mộng

tôi ngủ trong màu tím
một giấc sâu cô miên
tôi nằm trong liêu vãng
nghe gió gào trong đêm
nghe gió rình trên hiên

bóng ai ngoài sương trắng
tìm tôi trên ngàn cây
tôi bay qua ngàn mây
mặt sông chùng bóng nước
có tiếng gì trôi nhanh
thấy bóng mình đi nhanh
hai tay náu linh hồn
tôi giật mình khóc thét
giờ vũ trụ chuyển mình
hay luân hồi mà lốc

biển xa

bay nhanh bay nhanh
xanh vàng đỏ tím
nắng vàng ngất lịm
nắng vàng ho la
thiên cao thiên cao

lao xao lao xao
kiếp nào chưa lặng
kiếp nào xa khơi
nghe sóng bời bời
biển ngàn rẻo dầy
kiếp nào xa xanh
bay nhanh bay nhanh

đảo hồn tôi

thức giấc trưa hè vắng
ngõ khuya tràn chiêm bao
mây tan dần trong nắng
trời đang thu lên cao
đâu đây ngôi mờ nhỏ
tiếng hải nhi bay mau
ai đi về thiên cổ
tay dịu thương lấy nhau
trái cô liêu đã chín
rụng xuống giữa hồn tôi
cõi hồn tôi đã biến
đảo thế lương vạn đời
chiều cồ bông ngời sáng
như chờ linh sao băng
đời hoang ngày mở cửa
sân linh hồn đầy trăng

S. T. R.

ĐÁNH BẠC

VỚI MA

IVO ANDRITCH

TRẦN-THIÊN dịch

Lời người dịch.

Về giải Nobel 1961, chúng tôi đã có giới thiệu sơ lược trên Bách-Khoa số 121 ra ngày 15-1-62. Từ sau đại chiến thứ hai, tác-phẩm của Ivo Andritch đã được phiên dịch giới thiệu ở nhiều nước Tây Âu. Nhà xuất bản Plon trong loại Feux croisés đã ấn hành hai quyển tiểu thuyết ký sự của Ivo Andritch. — Il est un pont sur la Drina và Chronique de Travnik — cả hai đều nói về cuộc sống ở những thành phố Bosnie (Travnik là sinh quán của tác-giả, Vichégrad là quê mẹ, nơi mà thuở nhỏ tác-giả đã về ở để học tiểu học).

Trong tác-phẩm thứ nhất, con sông Drina chạy ngang qua thành phố Vichégrad, một thành phố ở giữa hai thế-giới Thiên Chúa giáo và Hồi giáo, giữa hai đế quốc Habsbourg và Ottoman, dân cư lẫn lộn người Thổ, người Serbe, người Do - Thái... Tại các thành phố có vị trí đặc biệt đó chiếc cầu được dựng qua sông trước đây ba thế-kỷ, rồi bị phá hủy trong trận Âu chiến đầu thế - kỷ này. Tác - phẩm của Ivo Andritch là lịch - sử của chiếc cầu đẹp đẽ ấy, mà cũng là lịch - sử của tất cả những vui buồn của dân Vichégrad ngày ngày qua lại trên cầu, hóng mát, tình tự trên kapia, rồi cũng lại có kẻ bị xừ từ bêu đầu trên kapia... lịch-sử những biến cố tang thương đã xảy ra ở Vichégrad trong ba thế-kỷ. Nhân vật và sự việc trong tác-phẩm thật là phong phú. Nhà phê-

bình Marcel Brion của báo Tin Văn (Nouvelles littéraires) đã nhắc đến Tolstoi khi nói về Ivo Andritch, một tác-giả « có tài lạ lùng trong việc dựng nên những nhân vật điển hình. Các sự kiện lịch-sử rất vững chắc làm căn cứ cho cốt truyện đã đáng thán phục, mà cái tài tạo ra những nhân vật và làm cho họ sống động lại càng đáng thán phục hơn nữa ».

Nhân nghĩ đến truyện ngắn Chiếc cầu trên sông Jépa (đã dịch ra Việt ngữ đăng ở tạp-chí Văn HỮU), và truyện Cầu sông Drina, phóng viên báo Le Figaro littéraire có hỏi tác-giả về lý-do khiến ông đặc biệt quan tâm đến những cái cầu, tác-giả trả lời :

— « Để tài ấy quả thực vẫn ám ảnh tôi từ lâu. Tất cả trong đời đáng lẽ đều là cái cầu nối liền kẻ này với kẻ khác, như nụ cười chẳng hạn. Trong một bài thơ làm hồi 1932, tôi có nói đại khái thế này về cái cầu : cầu vốn thiêng liêng hơn là đền chùa, vì cầu làm cho con người gần gũi với nhau. Đối với người Hồi giáo chúng tôi ở Bosnie, thì chiếc cầu lại còn là một vật thần thánh. Họ cho rằng thế-giới thuở mới tạo thiên lập địa vốn là một chất mềm, mà quỷ giận dữ bèn cào quấu thành những vực sâu tưởng không tài nào vượt qua nổi. Các Thiên Thần phải lấy cánh của mình ra mà làm thành những chiếc cầu ! »

CH A của Milan, tức là ông cụ Nicolas Glasintchanin, đến lập nghiệp ở thành phố này vào hồi mà cuộc loạn ở Serbie đang nổi lên ồ-ạt. Ông cụ có tạo mãi được một tài sản kha khá ở Oko-lichté. Người ta vẫn ngờ rằng ông cụ đã kiếm chác được món của lớn lao mà bắt lương ở một nơi nào đó rồi chuồn tới đây trốn tránh. Nhưng không ai có bằng chứng gì thành thử người ta cũng không tin chắc mà cũng không bác bỏ hẳn cái giả-thuyết đó. Ông cụ cưới hai đời vợ, tuy vậy mà cũng chẳng có được mấy lăm con cái. Ông cụ chỉ còn nuôi được mỗi một anh con trai ấy — tức Milan — và bao nhiêu tài sản, của chìm của nổi, đều di-lưu lại cho anh ta. Rồi Milan lại cũng chỉ có một cậu con trai,

là Pierre. Đáng lẽ anh ta đã thừa tiền của để tiêu dùng trọn đời và để lưu lại cho con cháu nữa, nếu anh ta không vướng phải một mối đam mê độc nhất, nhưng là một đam mê cực kỳ mãnh liệt — mê đánh bạc.

Dân Vichégrad chân chính, bản chất không phải là những tay cờ bạc. Như chúng ta đã biết, họ mê thích những thứ khác : mê thích đàn-bà vô độ, thích rượu chè, đàn hát, thích nhàn du lang thang hoặc mơ mộng bên cạnh con sông quê nhà. Khả năng con người ta vốn hữu hạn, dù ở trường hợp này cũng thế. Vì vậy cho nên các mối mê thích va chạm nhau, xô đẩy nhau, và thường khi cái này lại loại trừ cả cái kia. Nói



thế không phải là bảo rằng trong khắp thành phố này không có tay nào đánh bạc, nhưng tổng số con bạc ở đây quả thực có ít hơn ở các thành phố khác, và phần nhiều họ là khách lạ hoặc là những kẻ mới đến. Dầu sao thì Milan Glasin chanin cũng là một tay trong bọn con bạc ấy. Ngay từ hồi mới lớn lên anh ta đã cờ bạc say sưa mê mẩn. Mỗi khi tìm trong thành phố không có đủ số con bạc để đánh, anh ta đi sang bên làng kế cận, rồi trở về, có chuyến thì đầy nhóc tiền bạc như là một gã thương - gia đi hội chợ về, có chuyến lại cháy túi, mất hết đồng hồ dây chuyền, cho đến hộp thuốc, nhẫn đeo tay cũng không còn, nhưng nói chung thì chuyến nào anh ta cũng tái ngắt và bơ phờ như là người ốm.

Thường khi thì anh ta hay chơi ở quán Oustamouitch, tận ngoài đầu cùng

khu buôn bán của Vichégrad. Ở đây có một phòng nhỏ chật hẹp, không có cửa sổ, cả ngày lẫn đêm phải thắp một ngọn nến, và luôn luôn túc trực chừng ba bốn người đàn ông, những người coi trên đời không có gì hơn cờ bạc nữa. Giam mình trong gian phòng ấy, họ xúm xít giữa khói thuốc, giữa không khí nhớp nhúa, mắt họ đỏ kè, cổ họng khô ráo, hai tay run rẩy, ngày đêm họ hy sinh vui mình vào mỗi say mê như những kẻ xả thân tuấn đạo. Chính trong căn phòng nhỏ hẹp ấy Milan đã tiêu trọn cả phần lớn tuổi thanh xuân, sức lực và tài sản của anh ta. Đến khi anh ta chưa đến ba mươi tuổi thì bỗng tự nhiên xảy ra sự biến đổi đột ngột làm cho người ngoài không ai hiểu nổi, sự biến đổi khiến anh từ bỏ hẳn tật ham mê cờ bạc, đồng thời hoán cải cả cả cuộc đời của anh ta.

Cách đây chừng mười bốn năm, vào mùa thu, có một người khách lạ bước chân tới quán. Khách không già, không trẻ, không đẹp, không xấu, tuổi tác trung bình mà tầm vóc cũng trung bình, không hay mồm mép, chỉ có hai mắt là linh động như mím cười. Ấy là một tay doanh-nghiệp tâm trí thu hút cả vào công việc. Khách nghỉ lại quán một đêm, và tới chạng vạng tối ngày sau thì nhập thẳng vào căn buồng chật hẹp, nơi đó đã có sẵn mấy con bạc tụ tập tới từ hồi xế chiều. Con bạc đối với khách có vẻ dè dặt, nhưng khách tỏ ra điềm đạm và kín đáo đến nỗi khi tự mình cũng xuất tiền ra đặt nhỏ nhỏ xuống chiếu các con bạc cũng không để ý đến. Khách thua nhiều hơn được; khách bối rối, nhú mày, cho bàn tay do dự vào các túi trong lần kiểm ra mấy đồng bạc. Lúc khách đã thua một món tiền kha khá rồi thì tự nhiên tới phiên người ta phải nhường cho khách chia bài. Thoạt tiên, khách chia bài chậm rãi và thận trọng, rồi lần lần nhanh tay và khinh khoái. Khách đánh bạc không những không hề tỏ ra một xúc động nào, mà lại còn liêu lĩnh tới cùng. Đồng bạc trước mặt khách mỗi lúc một cao lên. Các con bạc bắt đầu lần lượt bỏ chiếu đứng dậy. Có một người mở sợi dây chuyền bằng vàng ra đặt, nhưng khách lạnh lùng từ chối, tuyên bố là chỉ ăn thua bằng tiền bạc thôi.

Đến giờ đọc kinh chót thì sòng bạc vừa tan, vì không ai còn đủ tiền để đánh nữa. Milan Glasintchanin còn lại sau chót, nhưng rốt cuộc rồi anh ta cũng rút lui. Khách lạ nhả nhận tạ lỗi và rút lui về phòng.

Hôm sau họ lại đánh, và người khách lạ lại thua được được thua liên tiếp, được

nhiều hơn thua, đến nỗi cuối cùng các con bạc trong thành phố không ai còn tiền mặt để đánh nữa. Họ xem tay khách, lục soát ống tay áo của khách, tìm tòi khắp người, họ đem bộ bài mới tới thay, họ đổi chỗ ngồi trên chiếc băng có đệm phủ: không có hiệu quả gì. Họ đánh *otonz bir* (1), một lối chơi giản dị thường bị khinh rẻ mà bọn họ đã chơi từ ngày còn nhỏ; thế mà họ vẫn không khám phá nổi bí quyết của người khách lạ. Đôi khi khách rút tới hăm chín, gần tới ba mươi điểm, đôi khi khách dừng lại ở hăm lăm điểm thôi. Tiền đặt xuống nhỏ to gì khách cũng thu nhặt hết; có mấy con bạc dỏ ngón bất thường nhỏ nhỏ ra, khách làm lơ giả như không thấy, nhưng đối với những trường hợp lộ liễu quả tang thì khách tố cáo ngay, lạnh lùng, vẫn tất.

Người khách lạ vừa tới quán làm cho Milan Glasintchanin khổ sở, cáu tiết. Những hôm ấy anh ta cảm thấy càng nóng nảy và đau như khắp người. Anh ta tự hứa không đánh bạc nữa thế mà rồi lại vẫn đánh, vẫn thua tới đồng xu cuối cùng, rồi lủi thủi về nhà, vừa giận vừa xấu hổ. Đến chiều hôm thứ tư hay thứ năm gì đó, anh ta tự chủ được và ở nhà. Anh ta đã lấy bạc ra rồi, mặc quần áo rồi. Đầu nặng và hơi thở dồn dập, anh ta ăn vội vàng, hấp tấp, không biết mình ăn món

(1) Lối đánh bạc của dân Thổ nhĩ kỳ, cứ ai được 31 điểm hay một số điểm cao nhất gần 31 thì được. Con bạc được quyền rút bài mãi, tùy ý, nhưng nếu rút quá 31 điểm thì là thua cuộc. Như thế một kẻ được 30 rồi, rút thêm được con *xì* là 31 thì ăn, mà lỡ rút trúng con 2, hay con 3 thì thua ngay. Số điểm càng cao thì rút thêm bài càng nguy hiểm.

gì. Rồi anh ta ra trước nhà nhiều bận, hút thuốc, dạo qua dạo lại, nhìn xuống cảnh thành phố im lìm trong một đêm mùa thu trong sáng. Anh ta dạo bước khá lâu như thế, thỉnh thoảng trông thấy trên đường có một bóng người lờ mờ đi tới và đến trước rào nhà anh ta thì chậm bước lại. Bóng đen lên tiếng nói :

«Chào anh bạn !»

Anh ta nghe tiếng thì nhận ra đó là người khách lạ ở quán rượu nọ. Rõ ràng là khách tỏ vẻ đến vì anh ta và muốn nói chuyện với anh ta. Milan bước đến bên rào. Khách hỏi, giọng bình thản hồ hững như là nhân tiện hỏi qua một câu :

«Chiều nay anh không đến quán hả ?»

«Hôm nay tôi không muốn tới. Ở đó chắc có mấy người kia».

« Không còn ai nữa cả. Hôm nay họ chia tay sớm hơn thường lệ. Tôi với anh, chúng ta tới đó đi».

« Khuya rồi. Và chúng mình cũng không có chỗ nào đi nữa đâu ».

« Chúng ta cứ đi xuống *kapia* (2) mà ngồi. Trăng sắp mọc rồi đấy mà ».

« Nhưng bây giờ chưa phải lúc đi ». Milan chống chế, tuy nhiên mỗi anh ta cứng đờ, và lời nói của anh ta như xa lạ hẳn, như do một kẻ nào xa lạ vừa thốt ra chứ không phải do chính miệng anh ta.

Người khách cứ đứng đó chờ đợi, tưởng như khách nghĩ sự việc không

thể nào xảy ra khác với sự chờ đợi của mình được. Và quả nhiên Milan đẩy cổng bước ra và đi theo người khách lạ, mặc dù anh ta quyết kháng cự và thù ghét người khách, mặc dù anh ta cố hết sức thoát ly khỏi cái mãnh lực hiểm độc đang lôi cuốn mình, bằng lời nói, bằng tư tưởng, bằng những quật khởi đột ngột cuối cùng của ý chí anh ta, nhưng vô hiệu.

Hai người đi nhanh xuống dốc Okolichté. Vầng trăng to tướng và bắt đầu khuyết, vừa ló lên từ phía sau Stanichevats. Hai đầu cầu khuất vào trong sương mờ trắng đục và chân cầu biến vào bóng tối, thành ra chiếc cầu trông có vẻ mờ ảo và không có giới hạn. Mỗi một cột cầu và nhịp cầu đều bày ra một phía sáng chói và một phía chìm vào đêm tối. Những khoảng tối và sáng ấy gặp nhau, chắt chéo nhau thành những góc nhọn, khiến cho tất cả chiếc cầu biến thành những nét ngòe ngoèo kỳ ảo do sự phối hợp chốc lát của bóng đêm và ánh trăng.

Trên *kapia* không còn bóng dáng một người nào. Hai người ngồi xuống. Khách lạ lấy bài ra. Milan làm bộ kêu rán một lần nữa là bất tiện, là xem bài không rõ mặt, là đếm tiền có thể làm lộn, nhưng khách không thèm để ý tới anh ta nữa. Canh bạc bắt đầu.

Lúc đầu, đôi bên có trao đổi mấy lời, nhưng khi chơi có đà rồi thì họ cũng im lặng hoàn toàn. Họ chỉ quần thuốc rồi châm lửa điếu này nối điếu kia. Bài qua tay người này sang tay người kia nhiều lần rồi rốt cuộc vào tay khách hết ráo. Bạc đổ xuống mặt đá thấm ướt sương, không

(2) *Kapia* là khoảng rộng chỗ giữa cây cầu trên sông Drina, người trong thành phố Vichegrad thường ra đó đứng chơi, hóng mát, chuyện trò.

kêu vang lên một tiếng. Rồi lúc ấy xảy đến, cái lúc mà Milan đã từng biết trước, cái lúc mà người khách được hăm chín điểm rồi lại rút thêm hai, hoặc đã được ba mươi lại rút thêm một. Cổ họng anh ta như thắt lại, mắt anh ta mờ đi. Và khuôn mặt của khách dưới ánh trăng, trông như càng bình thản hơn bao giờ hết. Không đầy một giờ, Milan thua rốc túi. Người khách lạ đề nghị anh ta trở về nhà lấy tiền; khách xin đưa đi. Họ đứng dậy đi, rồi họ trở lại, và họ lại tiếp tục đánh. Milan đánh như thể một người câm, một

người mù, anh ta không nhìn, cứ đoán ra con bài, anh ta không nói mà ra dấu mỗi khi muốn gì. Những con bài trước mặt họ cơ hồ chỉ còn là một cái gì phụ thuộc, một thứ lý do trong cuộc đấu gươm tuyệt vọng không ngừng tay. Đến chừng Milan lại rốc túi lần nữa thì người khách hạ lệnh cho anh ta về nhà kiếm tiền đem ra, còn khách thì cứ ở lại ngồi tại *kapia*, hút thuốc. Khách xét ra không cần phải đi theo anh ta nữa, bởi vì người ta không thể tưởng tượng được rằng Milan có thể trái lời khách hoặc đánh lừa khách mà rút

ĐÃ CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH

TRUYỆN DÀI ĐẦU TIÊN
của VÕ-PHIẾN

GIÃ - TỪ

... Ta thấy nội dung cuốn sách, bề rộng mà nó trải ra, những nhân vật mà nó mang theo, cuộc sống mà nó chứa đựng, ý đời mà nó dâng lên, thật vô cùng phong phú, độc đáo và khác thường. Người đọc thật khó lòng tóm tắt được câu chuyện vì thực ra, Võ Phiến viết truyện không chú trọng nhiều lắm ở cái cốt...

ĐỖ-TẤN

(Ngôn luận ngày 14-4-1962)

BÁCH KHOA XUẤT BẢN

GIÁ 38 \$

Bán sỉ tại tòa soạn Bách Khoa
160, Phan-Đình-Phùng — Saigon

MỘT TÁC PHẨM KHÔNG THỂ THIẾU TRONG TỦ SÁCH
GIA ĐÌNH CỦA BẠN ĐỌC BÁCH KHOA

lui ở nhà lần này. Quả nhiên Milan vâng lời, đứng lên đi không cãi và ngoan ngoãn trở lại. Lúc đó vận may đảo ngược bất ngờ, Milan được lại hết số bạc anh ta đã thua. Anh ta cảm xúc vô cùng, cổ họng mỗi lúc mỗi nở ra khoan khoái. Khách lạ đặt những tiếng bạc lớn gấp đôi, rồi gấp ba. Nước bạc mỗi lúc mỗi gấp gáp, mỗi gay go. Giữa hai người lá bài vun vút, đan thành những đường cạnh bằng vàng bằng bạc. Cả hai đều nín thính. Duy Milan thở có một nhọc, có lúc anh ta tuôn mồ hôi ra, có lúc anh ta lại lạnh ngắt, tuy trời thì vẫn trong trẻo yên tĩnh trong đêm trăng hôm ấy. Anh ta đánh bài, chia bài, dẫu bài, không phải vì những việc đó đem lại cho anh ta chút thích thú gì mà bởi vì anh ta bị bắt buộc phải làm như thế. Tưởng chừng như người khách lạ không phải chỉ có thu hút tất cả bạc tiền của anh ta hết đồng nợ tới đồng kia mà thôi, khách còn thu hút tất cả tinh tủy tất cả máu huyết của anh ta hết giọt này tới giọt kia nữa, và cứ mỗi lần thua một ván là anh ta lại mất thêm vừa tinh lực vừa ý chí. Thỉnh thoảng anh ta có liếc ngang nhìn người đối thủ. Anh ta tưởng sẽ trông thấy một bộ mặt yêu tinh, răng nhe ra, mắt sáng lên dữ tợn, nhưng trước mặt anh ta, trái lại, người khách lạ vẫn giữ nét mặt quen thuộc, có vẻ chăm chú như một người đang lo làm công chuyện hàng ngày, lo làm cho chóng xong việc, một công việc không dễ dàng, cũng không có gì thú vị.

Lại một phen nữa, Milan hết nhẫn cả bạc trong túi. Khách đề nghị đem súc vật, tài sản ruộng đất ra cá.

« Tôi đặt bốn đồng bạc Hung-giá-lơ, còn anh, anh cá con ngựa tía với bộ yên. Chịu chưa ? ».

« Đồng ý ».

Thế là rồi đời con ngựa tía, rồi tiếp theo luôn hai con ngựa thồ, rồi các con bò cái, rồi đến lũ bê. Khách gọi tên từng con vật trong chuồng nhà Milan, sành sỏi bình tĩnh, và ước lượng giá cả đúng từng con, như thể là khách từng sinh ra, và lớn lên dưới mái nhà anh ta vậy.

« Đây, tôi mười một đồng ducat, còn anh thì cá đám ruộng thường gọi là đám *salkucha* ấy. Được chưa ? ».

« Được ».

Khách bĩu môi. Rút năm con bài, Milan được tất cả hăm tám điểm. Khách thân nhiên hỏi :

« Rút nữa không ? »

« Một lá nữa ». Milan lí nhí nói trong mồm, bao nhiêu máu dồn cả về tim.

Khách thông thả lật lá bài ra. Con hai, con bài cứu mệnh. Milan làm ra bộ lãnh đạm, nói nhỏ :

« Thôi ! »

Anh ta lập cập thu dần bài lại, và dẫu cắt. Anh ta cố gắng giữ cho giọng nói và vẻ mặt được thân nhiên để đối thủ không đoán ra mình có được bao nhiêu điểm.

Bảy giờ người khách bắt đầu rút bài mở ra công khai. Rút đến hai mươi bảy, khách dừng lại, điềm tĩnh nhìn thẳng vào mắt Milan, nhưng anh này sụp mắt ngó xuống. Khách rút thêm một lá bài nữa. Con hai. Khách thở ra, ngán và hết sức

nhẹ nhàng. Tuồng như khách muốn dừng lại ở số hăm chín. Tiên cảm trước sự vui mừng thắng lợi của mình, Milan thấy máu bốc lên đầu. Nhưng khi ấy khách vụt khom lưng, bật ngửa đầu ra phía sau, làm cho vàng trán và đôi mắt lóng lánh dưới ánh trăng, và khách lại rút một con bài nữa. Lại một con hai nữa. Ba con « hai » tiếp nhau, thực là một điều tưởng không thể nào xảy ra, vậy mà nó đã xảy ra. Trên lá bài vừa lật ra, Milan tưởng trông thấy cả đám ruộng của anh ta vào một ngày xuân, cày xong bừa xong, xinh đẹp hơn bao giờ hết. Những luống cày quay cuồng rồi rít xung quanh anh ta, hình như anh ta đang xây xắm cả người, nhưng giọng nói bình thản của người khách trấn tĩnh anh ta ngay.

« *Otonz-bir* ! tôi được đám ruộng. »

Xong rồi, đến lượt các đám khác, đến lượt hai ngôi nhà, đến khu rừng « sên » ở *Osojnitsa*. Về vấn đề định giá, lần nào hai bên cũng đồng ý với nhau. Lâu lâu Milan thắng được một ván và anh ta vội vàng quơ dũa mấy đồng ducat. Niềm hy vọng vụt sáng lên như đồng tiền vàng, nhưng rồi thua lại vài ba ván, anh ta lại cháy túi và lại đem tài sản ra cá.

Khi canh bạc như một giòng nước đã cuốn veo đi hết thấy thì hai con bạc dừng lại một lát, không phải là để nghỉ lấy sức, bởi vì có thể nói cả hai bên đều không muốn thế, nhưng mà là để suy nghĩ xem lấy gì để tiếp tục đánh. Người khách vẫn bình tĩnh và dáng bộ như một người cẩn thận lo lắng vừa làm xong một phần công việc, nghỉ ngơi trong chốc lát, nhưng lại đang gấp gấp tính làm tiếp phần việc còn lại. Milan thì

lặng người, như tê đặng hẳn đi, hai bên tai kêu lũng bùng, anh ta có cảm tưởng như cái bực đá dưới chỗ anh ngồi đang dâng cao lên rồi trụt xuống. Lúc ấy, người khách lên tiếng, bằng cái giọng đều đều, buồn buồn, hơi ngạt ngạt :

« Anh bạn có biết lúc này làm thế nào không ? Chúng ta chơi một ván nữa, chuyển này thì một mất một còn. Tôi cá hết tất cả những thứ tôi đã thắng được trong đêm nay, còn anh thì anh phải đánh đổi mạng sống của anh mới được. Nếu anh được, tôi hoàn lại tất cả cho anh y như cũ, tiền của, sức vật, đất đai. Nếu anh thua, anh hãy đứng từ *kapia* này nhảy xuống giòng sông Drina ».

Khách nói những câu vừa rồi cũng như bao nhiêu câu khác, vẫn tặc, thản nhiên, như giọng nói của một người làm ăn, như thể là trao đổi về một điều hết sức tầm thường giữa lúc các con bạc đang để hết tâm trí vào ván bài. Milan nghĩ rằng lúc này chính là lúc để cho anh ta quyết định tự cứu lấy mình, và anh ta ra sức gượng đứng dậy, gượng vươn mình thoát ra khỏi cái cơn lốc lạ lùng vừa cuốn phăng đi hết cả cửa cái và giờ đây đang lôi cuốn đến cả chính bản - thân anh ta vào sức quay cuồng bất-khả-kháng của nó, thế mà người khách chỉ cần nhìn anh ta có mỗi một cái nhìn là anh ta đã ngồi yên ở chỗ cũ. Và y như là lúc đánh những tiếng bạc lớn trong quán, anh ta cúi đầu và chìa tay ra.

Mỗi người rút một con bài. Khách rút con « bốn », Milan con « mười ».

Anh ta được chia bài. Anh ta hy vọng tràn trề. Anh ta chia, khách cứ đòi thêm bài mãi.

« Một lá nữa, nữa, nữa ! »

Rút được năm con bài, rồi khách chỉ nói : « Thôi ! » Đến lượt Milan. Rút được hăm tám điểm, anh ta ngừng lại một lát, nhìn qua mớ con bài trong tay người khách và nhìn khuôn mặt bí mật của khách. Không thể nào biết được khách có bao nhiêu, nhưng rất có thể là trên số hăm tám điểm ; lý do thứ nhất là vì đêm nay khách không hề chịu dừng lại ở những số nhỏ, lý do thứ hai là khách có đến năm con bài. Rồi, thu tất cả tàn lực, Milan lật thêm một lá bài nữa. Đó là con « bốn ». Như vậy tổng cộng là ba mươi hai, tức là anh ta thua.

Anh ta nhìn vào con bài, không tin vào những điều mắt mình trông thấy. Anh ta tưởng như mắt một lần hết thấy như vậy là điều không thể nào xảy ra được. Có cái gì nóng ran lên và ầm ầm ạt xuyên qua suốt người anh ta từ đầu tới chân. Vụt một cái tất cả đều sáng tỏ : giá của một đời sống, phẩm cách của con người, và cái mối đam mê quái ác khó hiểu của anh ta, mối đam mê đánh bạc với bất cứ ai, kẻ quen cũng như người lạ, có người thân cận bên mình cũng đánh mà cô độc một mình cũng cứ đánh. Tất cả sáng tỏ ra như thể là mặt trời vừa mọc lên và như thể là anh ta mới vừa mơ thấy mình đánh bạc thua bạc, nhưng sự thể lại vừa thực, vừa không có cách gì cứu vãn được nữa. Anh ta muốn hét lên một tiếng, hoặc rên rĩ, hoặc kêu gọi người

đến cứu, dù chỉ trong giây lát, nhưng anh ta không còn chút hơi sức nào nữa.

Bên cạnh, người khách lạ ngồi đợi.

Bỗng nhiên, ở đâu đó bên bờ sông, có một con gà cất tiếng gáy, cao và trong trẻo, một tiếng rồi hai tiếng. Gáy gần đến nỗi tưởng có thể nghe thấy tiếng con gà đập cánh. Cùng trong lúc ấy, các lá bài rải rác bỗng bay lên tơi bời như bị một ngọn gió cuốn tung lên, tiền bạc bay lung tung và tất cả cái *kapia* bị lay chuyển đến tận gốc. Kinh hoảng, Milan nhắm tít mắt lại, tưởng đâu giờ phút cuối cùng của mình đã đến. Khi mở mắt ra, anh ta chỉ thấy còn lại một mình. Kẻ đối thủ của anh ta đã tan biến tự lúc nào như cái bong bóng xà phòng, và bao nhiêu tiền bạc lá bài trên nền đá cũng tan biến theo.

Vành trăng khuyết, màu da cam, lơ lửng ở chân trời. Một ngọn gió mát thổi qua. Tiếng nước dưới chân cầu nổi rõ lên. Milan cẩn thận lần tay thăm dò tảng đá dưới chỗ mình đang ngồi, cố định thần, nhớ lại xem mình đang ở đâu và những gì đã xảy ra, rồi thì anh ta mệt nhọc đứng lên, lê bước về nhà ở Okolichté, chân đi mà tâm trí còn để tận đâu đâu.

Vừa rên rĩ loạng choạng, đến nhà là anh ta ngã khụy ngay xuống như một kẻ bị thương, va đánh rầm vào cửa. Người nhà nghe động, thức dậy, vực anh ta lên giường. Anh ta sốt và mê sảng suốt hai tháng liền. Người ta đã tưởng anh không thể khỏi nổi. Giáo trưởng Nicolas đến làm phép rửa tội lâm chung. Thế nhưng rồi anh ta bình phục lại được, nhưng bấy giờ

không còn là con người như trước nữa. Bây giờ là một ông già sòm, một người kỳ quặc sống ẩn dật, ít nói, cố tránh giao thiệp với mọi người. Trên khuôn mặt vốn không từng biết đến nụ cười, bây giờ luôn luôn có một vẻ đăm chiêu khổ não, cực kỳ căng thẳng. Anh ta chỉ biết có việc nhà và cắm cúi vào công việc như là chưa hề bao giờ có bè bạn nào.

Trong cơn đau, anh ta có thuật lại đầu đuôi sự việc xảy ra trên *kapia* đêm hôm nọ cho giáo-trưởng Nicolas nghe, rồi sau này lại kể cho hai người bạn thân nữa, bởi vì anh ta cảm thấy không thể nào sống nổi với một bí ẩn như thế trong lòng. Dân trong thành phố cũng có biết ít nhiều, nhưng dường như cho rằng những điều có thiệt chưa được đầy đủ, họ thêm thắt thêm dặt thật nhiều chi-tiết vào, rồi sau đó, theo thói thường xưa nay, thiên hạ lại bỏ quên Milan mà chú ý đến kẻ khác. Và con người bây giờ chỉ còn là hình bóng thiếu não của chàng Milan Glasintchanin xưa kia, con người ấy tiếp tục sinh sống, tiếp tục công ăn việc làm lẫn lộn cùng với mọi người trong thành phố. Thế hệ mới lớn lên tưởng rằng trước sau anh vẫn là con người như hiện thời, có biết đâu đến ngày xưa anh ta khác hơn nhiều. Và chính ngay anh ta, anh ta cũng làm như là đã quên mất hẳn quá khứ của mình. Nhưng khi rời nhà đi xuống phố, đi qua cầu bằng những bước nặng nề, uể oải như bước chân của kẻ còn mơ ngủ, anh ta đi ngang qua *kapia* không hề có chút cảm động, cơ hồ không hề có chút kỷ niệm gì lãng vãng qua tâm trí. Tâm trí anh ta cũng không hề lãng vãng nhớ rằng cái

bực đá trắng mà những kẻ vô tư-lự đang ngồi hóng mát đây, bực đá ấy có liên quan gì đến cái chỗ ngồi khủng khiếp nào đó trên cõi đời này, mà một đêm kia, anh ta đã từng chơi một ván bài liêu lĩnh, đặt tất cả, tất cả tài sản, sinh mệnh, tất cả cuộc đời ở bên này và bên kia thế giới của anh, vào một lá bài trí trá.

Lắm lúc Milan tự hỏi phải chăng câu chuyện đêm hôm đó chẳng qua chỉ là một giấc mơ mà anh ta nằm thấy khi ngã xuống bất tỉnh trước cửa nhà mình, phải chăng đó chính là hậu quả chứ không phải là nguyên nhân cơn bệnh của anh ta. Nói cho đúng chính giáo trưởng Nicolas và cả hai người bạn thân được Milan thuật lại cho nghe câu chuyện cũng xem đó là một ảo giác mơ hồ loạng xoạng trong cơn sốt của anh ta thôi.

Bởi vì, thực ra, không ai tin rằng ma quỷ lại đánh « *otonz bir* », và lại quyến rũ nạn nhân đến tận chỗ *kapia*. Nhưng mà tai biến xảy đến cho ta thường khi khó hiểu và đau đớn quá, đến nỗi lắm kẻ có đem lòng ngờ đến sự can thiệp của chính quỷ Xa-tăng, ngờ như thế để tự giải thích với mình và ít ra là để tự an ủi mình, điều ấy cũng không có gì đáng lấy làm lạ.

Bây giờ thì mặc dù là thế nào, dù có ma quỷ hay không có ma quỷ can thiệp, dù thực hay là mộng, thì điều chắc chắn vẫn là Milan Glasintchanin sau một đêm mất cả sức lực, tuổi xuân và một số bạc khổng lồ đã thoát được tột mê cờ bạc như do một phép nhiệm màu. Nhưng chưa phải hết cả được. Tiếp theo chuyện của Milan Glasintchanin lại có một câu chuyện về một cuộc đời khác dính liền chặt chẽ với

chuyện kia, và chuyện sau này thì bắt đầu từ chỗ *kapia*.

Sau cái hôm mà Milan Glasintchanin đánh ván bài (trong mộng hay thực) ván bài cuối cùng kinh khủng trên *kapia*, là một ngày thu rục rờ. Ấy là một hôm thứ bảy. Hôm ấy cũng như mọi thứ bảy khác, những người Do-Thái trong thành phố Vichégrad đều tụ hội lại trên *kapia*, mấy tay buôn bán thì dắt luôn các cậu con trai theo. Dáng bộ nhàn dạ và trịnh trọng trong những chiếc quần xa-tanh, áo gi-lê bằng len, đội mũ *fez* màu đỏ sẫm, họ nghiêm chỉnh cử hành ngày lễ của đảng Thượng Đế bằng cách rảo bước dạo qua dạo lại dọc theo con sông hình như có ý tìm kiếm một người nào đó. Nhưng thường khi họ tới *kapia* mà ngồi và chuyện trò với nhau ồn ào náo nhiệt bằng tiếng Tây-ban-nha, chỉ thỉnh thoảng mới dùng tiếng *serbe* để chửi rửa thôi.

Bouskous Gaon, cậu con trai lớn của bác thợ cạo Abraham Gaon, người nghèo khó mà ngay lành, sùng đạo, cậu con trai ấy sáng hôm đó là một trong những kẻ đến *kapia* sớm nhất. Cậu ta mười sáu tuổi và chưa có nghề nghiệp gì rõ ràng nhất định. Tất cả mọi người trong dòng họ nhà Gaon thì không có như thế, nhưng riêng cậu ta thì hơi ngớ ngẩn một chút, chính vì vậy mà cậu không trở thành người phải chăng, không chuyên chú vào một công việc nhất định được, vì vậy mà cậu cứ hay tìm tòi khắp nơi và ở bất cứ chuyện gì một cái gì đó lợi ích hơn và đẹp đẽ hơn cho mình. Trước khi ngồi, cậu ta ngó lại xem chỗ ngồi có được sạch sẽ không. Chính lúc đó cậu trông thấy trong khe hở giữa hai viên đá có một kẻ vàng sáng lóng lánh. Vật ấy ánh lên

cái màu của chất vàng, màu sắc thật là thân yêu dưới con mắt loài người. Cậu ta ngắm kỹ hơn. Không còn ngờ gì nữa, rõ ràng là một đồng *ducat* đã rơi kẹt trong khe đá. Cậu nhìn quanh một vòng xem có ai để ý đến mình chẳng và xem có cái gì dùng khều đồng bạc đang nằm dưới lòng khe mỉm cười với mình chẳng. Nhưng ngay lúc đó, cậu bỗng sực nhớ ra rằng hôm nay là ngày thứ bảy, ngày thứ bảy mà đi nhúng tay làm một công việc nào đó thì thực là điều ô nhục và tội lỗi. Xúc động và bối rối, cậu ta ngồi ì xuống đấy mãi tới trưa không chịu đứng dậy. Đến giờ ăn cơm trưa, tất cả mọi người Do-Thái từ già tới trẻ đều rút về nhà hết, cậu mới lấy một cộng rơm lớn nhất, rồi thì quên hết luật lệ ngày nghỉ, quên hết tội lỗi, cậu ta chăm chú khều lấy đồng *ducat*. Ấy là một đồng bạc Hung-gia-lợi, mỏng, không nặng hơn một chiếc lá khô. Cậu ta về dự bữa ăn trễ. Gia đình mười ba người (cha, mẹ và mười một người con) ngồi xung quanh một chiếc bàn tròn tối tàn và thấp; khi cậu ta đến ngồi vào chỗ mình, cha cậu mắng là đưa lêu lổng, ngu xuẩn, là tệ đến nỗi chỉ có về cho đúng bữa ăn cũng không xong, nhưng cậu ta không để ý tới mấy. Tai cậu kêu ù ù, mắt thì còn quáng lên. Từ lâu cậu vẫn mơ ước một cuộc sống cực kỳ huy hoàng, giấc mơ ấy thế là đang được thực hiện. Cậu ta tưởng chừng mình đang bọc một mặt trời trong túi.

Ngay hôm sau, không cần suy nghĩ đắn đo gì, Bouskous mang đồng *ducat* ấy thẳng tiến đến quán Oustamovitch, len lách vào tận trong cái buồng con con, ở đấy người ta đánh bạc gần như suốt

ngày đêm. Vào căn buồng này là chuyện cậu hằng mơ ước, nhưng chưa bao giờ cậu ta có đủ một món tiền để bước vào thử thời vận mình một chuyến. Lần này thì mộng hóa ra sự thực đây.

Cậu ta trải qua mấy giờ đồng hồ đầy xúc động, khắc khoải. Thoạt tiên, người ta tỏ vẻ dè dặt và khinh thị đối với cậu. Thấy cậu ta đưa đồng bạc trong tay ra, người ta ngờ rằng cậu vừa phỗng được của ai, tuy vậy mà người ta vẫn bằng lòng cho cậu đặt tiền. (Bởi lẽ rằng nếu các con bạc cứ phải tìm xem đồng tiền của mỗi người do đâu mà ra thì chắc chắn là chẳng bao giờ họ có thể đánh bạc với nhau được). Thế là bắt đầu những thử thách mới mẻ đối với một kẻ tập sự. Lúc thắng, máu cậu ta dồn cả lên đầu, mặt cậu ta mờ đi, người nóng hừng hực và mồ hôi toát ra. Lúc bị thua nặng, cậu ta tưởng hơi thở đứt ngang và tim sắp sửa hết đập. Thế nhưng sau bao phen hồi hộp tưởng không thoát nổi, tối hôm đó rốt cuộc rồi cậu ta vẫn có thể rời khỏi quán ấy với bốn đồng *ducat* trong túi. Và mặc dù bị xúc cảm quá tới nỗi phát sốt lên và đau như người như vừa bị ai nện cho một trận roi bời, cậu ta vẫn cố gắng đi thẳng người, kiêu hãnh. Trước đôi mắt long lanh nẩy lửa của cậu ta mở

rộng những triển vọng huy hoàng sáng lạn, xua tan hết cảnh nghèo túng của gia đình, và cải biến tất cả thành phố này đến tận cùng căn bản. Cậu ta say sưa, bước đi trịnh trọng. Lần đầu tiên trong đời, không những cậu ta được thưởng thức màu vàng sáng long lanh, tiếng kêu loảng xoảng, mà còn thưởng thức được cả đến cái sức nặng của nó nữa.

Suốt cả mùa thu năm ấy, mặc dù là hầy còn nhỏ và không có kinh nghiệm, Boukous đã trở thành một gã du đang, một con bạc nhà nghề, từ bỏ gia đình. Ông cụ Gaon xấu hổ và rầu lòng đến khô héo cả người, và tất cả người Do Thái đều cảm thấy đó là điều ô nhục chung cho tất cả đoàn thể của mình. Về sau, cậu ta rời bỏ thành phố, lang bạt khắp đó đây với cái kiếp cờ bạc bi thảm của mình. Và từ đó, suốt mười bốn năm trời nay, không ai nghe nói đến tung tích cậu ta nữa. Cơ sự xảy ra như thế, người ta cho là vì cậu ta đã nhặt « đồng tiền ma » trên *kapia* trong một ngày lễ.

Ivo Andritch

Giải Nobel 1961

(Chiếc cầu trên sông Drina)

TRẦN THIÊN dịch

Bạn là người yêu văn chương nghĩa lý, bạn hãy tìm đọc trong

tháng 5 - 62 :

VĂN MỚI

SỐ 5

TIỀNG NÓI NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI

PHÁT HÀNH VÀO MỖI THÁNG



NHỮNG BÍ MẬT CỦA ANH ĐỒ-CÚC



CHỪNG như không giữ được nhân-nại nữa, thấy Tri nghiêng đầu nhìn tôi rồi giơ hai tay lên trời :

— Sao trò ngu thê? Làm luận như trò thì đi thi đồ thê... chớ nào được? Văn-chương gì mà khô như bã mía thê?

Thầy thấy ngừng lại không nói tiếp, hai tay vẫn giơ lên và cái đầu vẫn nghiêng, tôi đáp ứng :

— Dạ.

Tiếng « Dạ » ngu-si chỉ được tôi nói khể hết sức cũng làm cho cả lớp bật cười lên. Tôi đưa mắt nhìn xuống lớp. Hai hàng nữ-sinh ngồi ở hai bàn đầu rúc-rích cười làm tôi ngượng chín cả mặt. Tôi cảm thấy máu rần rần chạy lên hai tai. Thấy Tri cúi gằm tôi ôn tồn giảng :

— Muốn cho bài luận hay thì mình phải thêm thắt vào. Ai chẳng biết cây phượng trước trường trò rụng lá trở cảnh? Nhưng trong bài luận trò phải nói, chẳng hạn: Cây phượng trước trường sum sê lá xanh và hoa đỏ. Từng đàn chim đậu trên cành cất giọng hát véo von ».

Tôi lại « dạ » và cả lớp lại « Ồ » lên cười.

— Có phải trò nghe chim hót véo von không?

Tôi nặn trong óc đề cớ nhớ lại xem có lần nào tôi nghe chim hót véo von không nhưng tuyệt-nhiên không nhớ. Hình như mỗi lần ra chơi tôi chỉ nghe học trò la ồn ào thôi, mà bài luận thấy lại ra « Tả cảnh sân trường vào giờ ra chơi ». Tôi nghĩ : Giá có

con chim nào đậu ở trên cành phượng, — thực-tế thì khó có thể có vì cây phượng bị lũ học trò trèo phá bẻ gãy cành trước rụi cả lá thề kia thì có chim nào thềm đèn đậu ?, — nhưng cho rằng có con chim nào đậu nhằm trên cành phượng mà muốn véo von hát thì lũ học trò nô đùa cũng đủ cho nó sợ hãi mà bay đi. Nếu không bay thì thề nào nó cũng bị lũ học trò tranh nhau lấy đá ném hoặc lấy ná cao su bắn. Lũ học trò cứ mười đứa là đã có dăm đứa thủ ná cao su đi học. Chúng đến trường sớm rồi rủ nhau đi lang thang ở dãy cây rậm gần nhà dây thép để tìm bắn trái keo, bắn trái bàng bắn trái me. Hết mùa trái thì gặp gì chúng cũng bắn, không gặp gì chúng cũng bắn : bắn vào trụ đèn, bắn vào cổng nhà người ta, bắn vào lề đường. Khổ thân tôi, tôi biết tìm đâu cho ra một tiếng chim « véo von » trên cây phượng « cành lá sum sê » tưởng tượng này ?

Tiếng thấy Tri giục :

— Sao ? Trò trả lời đi.

— Thưa thầy.... Dạ... con chim không có hót ạ.

Cả lớp lại cười lên một lần nữa. Thấy nhìn chăm chú vào tôi, nhìn sát vào mặt tôi như tôi là một con vật lạ. Tôi lo lắng đứng đợi và tôi chợt có cảm tưởng rằng hai tai tôi đang dài ra, dài ra như hai tai của con bò. Chợt thấy đứng dậy kéo cánh tay tôi lôi ra đứng trước cửa lớp rồi chỉ ra trước mặt :

— Đó, trò thử nhìn ra bề đi. Rồi trò tả cho tôi một câu xem trò có trông thấy gì không.

Chao ôi, thầy thì tôi thấy đủ thứ. Nào là những rặng cây me, cây keo, cây bàng..... nào là nhà ông Phó Sứ, ông Lục lộ, nào là sân ten-nít.... Xa hơn là bãi cát, là biển, là núi, là trời.

Tôi hỏi :

— Thưa thầy con có phải tả mây cây keo và nhà ông Phó Sứ không ạ ?

— Không cần. Trò chỉ tả biển thôi.

Tầm mắt tôi già từ những hàng cây xanh và dãy nhà ngói đỏ mà đóng hẹp lại ở mặt biển. Tôi nhìn thật kỹ còn óc thì loay hoay xếp chữ này cạnh chữ kia cho thành một câu. Cuối cùng tôi thưa :

— « Biển nằm im lặng, màu xanh lợt hơn màu xanh của núi.

Thầy nghe, bĩu môi ngẫm nghĩ rồi vừa kéo tôi vào ra hiệu cho lại chỗ ngồi vừa nói :

— Thôi, cũng tạm được. Nhưng chưa hay.

Thầy quay mặt nhìn xuống lớp, hỏi :

— Trò nào tả hay hơn ?

Đỗ Cúc giơ tay đứng dậy. Không đợi thầy cho phép, anh dang hăng giọng hai lần rồi nói :

— Xa xa những làn sóng biếc nhấp nhô lượn trên bãi cát vàng.

Tiếng gió rì rào thổi trên ngọn lá thùy-dương như một bản nhạc êm êm bất tuyệt.

Những anh lớn ngồi ở mây bàn sau xuýt-xoa âm lên như có ai dí lửa vào chân. Tiếng xuýt-xoa chạy nhanh đến mây bàn đầu. Thầy thấy giáo mỉm cười, cả lớp thừa cơ đề ồ ào lên ngay :

— Hay quá.

— Hay quá thầy ạ.

— Văn-sĩ đây.

Tôi cũng nhận thấy anh Cúc tả hay thật, nhưng tôi cứ băn khoăn là không biết anh tìm ở đâu ra được những cây thùy dương mà tả vậy. Và thùy-dương là cây quái gì? Ở bãi bẻ tôi chỉ thấy có mấy cây keo xương xẩu và mấy bụi tra lá dày một cách thô-tục mà thôi. Còn « bản nhạc êm êm bất tuyệt » anh nghe ở đâu thề? Nhưng khi anh Cúc đắc-thắng ngồi xuống thì quả tình tôi cảm thấy tương-lai về văn-chương của tôi mờ mịt một cách tuyệt-vọng. Sao tôi dốt thề kia? Và tôi then thùng hết sức khi nghĩ đến câu tả cảnh của tôi vừa rồi « Biển nằm im... màu lợt hơn màu núi... » Giá lúc nãy tôi đừng nói ra câu ấy vẫn hơn. Thà chịu để cho thầy Tri cốc một cái vào đầu còn hơn đem câu văn dở của mình ra để các bạn đem so sánh với câu hay của anh Cúc. Tôi đưa mắt nhìn sang Đỗ Cúc.

Thành thật mà nói thì anh không có vẻ gì thông minh xuất chúng

cả. Trái lại thề thì có. Anh chậm chạp, chậm chạp đến cái mức nặng nề. Anh cao hơn tôi một cái đầu. Đôi bàn tay to, dài ngoẵng vì tay áo vừa chặt vừa ngắn. Lúc bấy giờ chúng tôi đi học đều mặc áo bà-ba ngắn, quần và áo đồng màu, riêng anh Cúc thì lúc nào cũng mặc áo rằn quần trắng. Cổ áo không phải thứ cổ kiềng như chúng tôi mà là cổ cao, giống như cổ áo dài. Trông anh thành ra ngây ngô, nhất là với cái đầu tóc cắt « đơ-mi cua ».

Đỗ Cúc học giỏi đủ các môn, nhưng giỏi nhất là môn Luận. Lắm lúc tôi thành thật đau khổ vì không tự giải-thích được nỗi do đâu mà con người ấy lại ăn nói văn hoa được đến thế. Tả đêm trăng thì anh có « hàng trăm hàng ngàn con rần vàng bò lượn trên mặt nước ». Tả ngôi chùa làng thì anh khéo xếp thề nào cho có một khóm trúc mọc ngay ở hông chùa để anh viết : « Khóm trúc thêm tuôn giòng lệ cũ ». Có lần thấy ra « Tả chị đầy tớ gái nhà anh ». Chúng tôi mừng rằng Đỗ Cúc phen này hết đường mà văn-hoa. Một chị đầy tớ chứ đâu phải là một cô tiểu-thư, một nàng công chúa? Nét mặt thề nào cũng không đẹp, áo quần thì không thề sang, và cử chỉ lời nói chắc chắn là không thề uyển chuyển, dịu dàng, ngon ngọt. Chúng tôi hí-hửng đợi sự thất bại của anh. Ấy thề mà hôm trả bài, Cúc vẫn đứng đầu với 8 điểm và thầy lại gọi anh lên đọc bài của mình. Thì ra sau khi tả những nét

xấu-xi của chị, Cúc khéo đặt chuyện rằng chị ấy chết chồng. Và để cảm thương cho nàng « tiết-phụ » này, anh kết-luận : « Nàng từ chiếc bóng song the, gạt thắm giọt lệ như chia mỗi sầu ». Lúc anh đọc đèn đỏ, tôi liếc nhanh sang thấy Tri thì thấy thấy gật gật đầu mỉm cười ra dáng thích thú lắm. Hỡi ơi ! Tôi biết đào đầu cho ra những dòng văn chương êm đềm như thề để làm vui lòng thấy Tri, để làm bằng lòng các vị giám khảo trong cuộc thi Tiểu học sắp tới ? Tôi chán nản nhìn ra khung cửa sổ, nhìn mảnh trời xanh cao vút. Hi vọng về văn chương đối với tôi xa quá, khó vươn tới như mảnh trời xanh sáng đẹp kia.

Tôi cố bắt chước Đỗ Cúc nhưng không biết nên bắt đầu như thề nào. Tôi lưu-ý đèn Đỗ Cúc, đèn từng cử chỉ nhỏ nhặt của anh hóa ra tôi được biết nhiều chi-tiết về anh, những chi-tiết có lẽ không đáng gì hết đèn tài văn chương của anh. Ví dụ cái lọ mực của anh. Ở cổ lọ mực anh cột vòng một sợi dây thép. Sợi dây uốn khoanh lò so và tận cùng ở đầu bằng cái nút. Khi anh mở nút mực, cái lò xo rún rẩy làm rung rinh cái nút trông nhí nhảnh như những đóa hoa ở mũ các ông kép hát bội. Tôi xâu lỗ nhìn cái nút mực bằng giấy cuộn tròn lại của tôi. Đó không biết là cái nút giả thứ mấy sau khi cái nút thật bị lạc mất. Ví dụ cây bút chì anh cột bằng sợi dây nhợ dài dính vào nút áo. Khi viết, sợi dây kéo lằng nhằng. Có lần

thấy bắt chợt kêu anh lên bằng Anh vội vàng không kịp bỏ bút vào túi áo khiến nó nhảy tung tăng theo bước chân của anh. Tôi cũng bắt chước anh cột cái bút chì vào một sợi dây và tròng vào khuy áo. Tôi bắt chước nhiều điều nữa của anh, chẳng hạn lấy giấy cuộn xung quanh một đoạn tre ngắn để làm cái bút mực, chẳng hạn lấy nhiều giấy bản bôi hồ cứng để làm cái bìa đóng ra ngoài mọi quyển sách, chẳng hạn sưu-tầm những con tem thư để dành trong một cái hộp. Nhưng về phương-diện văn chương thì tuyệt-nhiên tôi vẫn chẳng tiến-bộ chút nào hết.

Nửa năm lớp nhất tôi thay nhà trọ đèn ở chung với anh Nền cùng học lớp Nhất với tôi. Anh Nền có một người chị năm ấy chừng 20 tuổi. Chị Cẩm, — tên người chị của anh Nền, — cả ngày cứ nằm trong phòng đọc tiểu-thuyết và đợi người phu trạm cứ chừng một tuần ghé lại trao cho chị một bức thư. Nhận được thư, chị vội vã vào phòng đóng kín cửa lại. Khi lũ em gõ cửa mời ăn cơm, chị uể oải bước ra, xỉ mũi liên tiếp vào khăn mùi-soa và hai mắt đỏ. Thấy nhiều lần như vậy, tôi hỏi u-già. U bảo :

— Cô Cẩm nhận thư của cậu Khang đây.

— Thề sao nhận thư chị Cẩm lại khóc ?

— Vì cậu Khang hiện ở bên Tàu. Xa lắm.

Nhìn tôi ngần ngợ chưa hiểu, u hạ giọng nói nhỏ :

— Cậu Khang thương Cô Cẩm nhưng tía cậu không chịu đi hỏi cô Cẩm cho cậu. Tía cậu bắt cậu về Tàu để cho hai bên xa nhau. Tía cậu Khang là ông Bang Chín hiệu Đồng Thanh ở xề cửa nhà mình đây.

Tôi gật gật đầu ra dáng hiểu và u già cũng thôi không nói nữa. Ngoài những lúc sụt-sùi khóc khi đọc thư, — và khi viết thư trả lời, tất nhiên, — chị Cẩm còn khóc khi đọc tiểu-thuyết nữa. Nhiều lần tôi thấy chị nước mắt rờn rờn ngồi trước một trang sách mở. Tay chị luôn luôn vò một chiếc mùi-soa nát nhàu. Tôi lý luận rằng những quyển tiểu-thuyết kia hẳn có liên-hệ bà con gì với những bức thư gửi đến và gửi đi của chị. Một hôm tôi nhặt một quyển tiểu-thuyết chị vô tình đặt ở bàn học của tôi, mở ra xem. Đó là một tập gồm những đoản-thiên tiểu-thuyết bla đã gãy nhàu và mực in đã nhoè vì mồ hôi tay. Truyện đầu tiên nhan đề là « Thu sang lá rụng người về bơ vơ » Tôi tưởng chừng vừa nghe lại một giọng nhạc quen thuộc. Giọng nào nhỉ ? Con người thô-lỗ về văn chương là tôi, đâu có lý tôi đã được hân hạnh có nhiều kỷ-niệm về văn chương đến thế ? Trong khi óc loay hoay tìm kiếm, tôi lật vội để tìm tên của cái truyện thứ hai. « Lệ ai tâm-tā bên Giang-Châu ». Tôi lật tiếp. Những cái tên truyện vang lên, du dương : « Em ơi ! Hẹn nhau mùa lá rụng... », ... « Tóc xanh ai nở

nhuộm mái sầu... » « Duyên em trao trọn về chàng »... vân vân. Bên cạnh những tên truyện êm đềm ấy, tên các tác-giả cũng êm đềm chẳng kém. Những là Lệ Thủy... Mộng Hoàng... Huyền Thao... Hoài giang Thủy... Y như những tiếng nhạc đệm nhỏ, vang nhẹ nhẹ bên cạnh bản nhạc chính. Chợt tôi vùng la to lên « Đồ Cúc ! ». Phải rồi, cái giọng nhạc quen thuộc đó là giọng của người anh hùng văn-chương của lớp tôi, anh Đồ Cúc vậy. Bên tai tôi như văng vẳng vang lên giọng đọc của anh Cúc... « ... Khóm trúc thêm tuôn giòng lệ cũ... Nàng từ chiếc bóng song the... Gạt thắm giọt lệ như chia mỗi sầu... ».

Thế là từ đó tôi bắt đầu làm quen với thứ văn chương loại Đồ Cúc. Tôi đã tìm ra được bí mật của anh rồi. Cái nguồn văn chương lâm ly của anh là những quyển tiểu thuyết đượm nhiều nước mắt này. Tôi lật nhìn những bức tranh vẽ. Hầu hết, là những hình thiếu nữ mắt mơ màng, tóc búi theo lối kỹ-nữ Trung-hoa có cài trâm và xiêm-y dài thườn thượt. Các cô hoặc đứng tựa cành mai cành liễu hoặc ngồi trước án thư, nhưng dù ở cảnh nào người họa sĩ cũng không quên vẽ một mặt trăng vào đó. Những bức hình này chắc đã an ủi chị Cẩm nhiều lắm vì dễ thường đã nhiều lần chị tưởng tượng rằng chính đó là hình ảnh của chị, cô gái Trung-hoa đau khổ. Sao lại không ? Yêu một người Trung-hoa, người ấy hiện giờ ngồi nhớ chị ở tại xứ Trung-hoa, xứ Trung-hoa với những địa danh đẹp

NHỮNG BÍ MẬT CỦA ANH ĐỖ-CÚC

như Tô-châu Hàng-châu, Dương-tử thì chị đã, một nửa, là cô gái sáu mông của Trung-hoa rồi còn gì nữa ? Thật chị đã có đủ yếu tố để đắm mình vào những trang tình sử lâm ly này vậy.

Từ ngày biết được xuất-xứ của những câu văn êm đềm của Đỗ Cúc tôi nhìn anh bằng con mắt ít khâm phục hơn. Mỗi lần thấy Tri gọi anh lên đọc một đoạn văn của anh mà thấy thích là tôi mừng tượng thấy tập tiểu thuyết của chị Cẩm với những chữ nhoè mực vì mồ hôi tay, với những góc trang giấy uốn cong lại, những hình cô gái Trung-hoa. Nhưng Đỗ Cúc, anh dường như không bao giờ có thể tin rằng bí mật của anh đã bị tôi khám phá ra rồi. Chúng có là mỗi lần thấy kêu anh đọc bài luận, anh vẫn bước đi một cách đông dặc, cổ ý ngừng lại từng đoạn để đợi nghe chúng tôi xuýt xoa khen. Chúng có nữa là anh đã dùng thứ văn chương ấy để viết một bức thư tình. Đỗ Cúc viết thư tình, các bạn có thể tin được không ? Việc xảy ra như thế này :

Sáng hôm ấy trước giờ vào lớp thằng Tiệp nhặt được một bức thư của ai đánh rơi ở gần bậc thầy ngồi. Chúng tôi chạy ủa lại xem. Thằng Chút ồm ào và quây nhất lớp giật lẩy bức thư vừa la to :

« Để tao đọc cho tụi bay nghe ». Cả lớp nhao nhao lên : « Phải đó. Phải đó. Để nó đọc ». Và Chút mặt hí - hửng, đông dặc đọc :

Gác Vọng nguyệt, một ngày Mạnh Đông.

Kính thưa Quý Nương

Tiếng thằng Hy ồm ào chặn lại :

— Cha chả ! Văn chương mùi mẫn thế !

— Mạnh Đông là cái thá gì thế bay ? Tao chả hiểu.

— Quý nương là đứa nào thế, hờ tụi

— Im ! Im ! Để nó đọc tiếp.

— « Cánh thư trước kính gửi
« Quý Nương, đèn nay vẫn chưa
« có hồi - âm, lòng vẫn - sinh thật
« muôn phần đòi đoạn. Ôi ! Một
« ngày mong đợi coi bằng ba thu.
« Chùm hoa bên rèm cũng như nhớ
« nhưng ai mà từng cánh tả tơi
« theo gió.

Một tiếng « huýt » thét lên và thằng Phin la theo :

— Ủi dào ! Hay quá ! Ai viết mà hay thế bay ?

— Ai viết thế nhỉ ? Đỗ Cúc hờ ?

Chợt tiếng một anh la lên « Thấy đèn ! Thấy đèn ». Chúng tôi lật đật chạy ủa theo cửa sau, tháo ra sân. Sự điều-tra tác-giả bức thư được tiên-hành âm - thám. Tác - giả không ký tên mình, không ghi tên của người nhận thư, nhưng cứ so cái giọng văn trong thư thì anh em đều chắc mười mươi là Đỗ Cúc. Ngoài Cúc ra chúng tôi không đứa nào có thể sản xuất được một văn phẩm có giá-trị, dù chỉ bằng một

phần năm bức thư văn-hoa ấy. So nét bút thì cũng đúng là Đỗ Cúc. Anh có nét chữ đều đặn, nét đậm nét lợi phân minh, khuôn chữ dài và nằm nghiêng. Thăng Sự nói, giọng quả quyết.

— Chắc chắn là thằng Cúc. Lúc Chút đọc thư nó cứ ngồi ỳ ra đó không chạy lên ồn ào với tội mình.

— Thằng Cúc đứt đuôi đi rồi. Văn nó chứ còn văn ai vào đây nữa.

— Nhưng còn quý nương là ai?

Mọi khuôn mặt trầm ngâm lại suy nghĩ.

— Chẳng lẽ lại con Nga, — thằng Đạo nói. Con Nga đẹp quá, chắc Cúc chả dám đâu.

— Thề thì Minh Ngọc, — thằng Gương ngắt lời.

— Vô-ly. Tao nghi là con Trâm.

— Trâm là con ông Ân-sát. Nó sợ tù không dám rờ vào đâu.

— Thề thì chị Tám vậy.

Nghe đến tên chị Tám chúng tôi đều cười ồ lên. Chị Tám là một chị bạn cũng lớn và cũng vụng về như Cúc vậy. Chị đen và có cặp mắt lác. Không ai bảo ai mà chúng tôi cùng ngầm đồng ý rằng quý-nương của Cúc là chị Tám. Chúng tôi kể cũng khá ích-kỷ. Dù trong ước-đoán, chúng tôi cũng không cho phép Cúc được động chạm đến những cô bạn xinh đẹp của lớp chúng tôi như Trâm, Minh Ngọc, Nga.

Câu chuyện bức thư tình quả có làm cho chúng tôi thích thú vì được chê-giễu Cúc, — len lén thôi vì chúng tôi sợ Cúc đánh, — nhưng không vì thế mà Cúc suy giảm tài văn chương. Những bài Luận của anh cứ tiếp tục được thầy khen. Anh cứ đều đặn lên đọc văn anh cho chúng tôi nghe, những đoạn văn có đủ mây trôi lững lờ, trăng soi huyền ảo, có khóm trúc, có hoa xưa, có chim có bướm. Và cuối năm, Cúc đỗ đầu ở kỳ thi Tiểu-học. Ngày lễ xướng danh, ông Công Sứ đến dự. Cúc được leo lên bực thêm cao cúi đầu nhận một quyển tự-điển Larousse dày do ông Công Sứ trao tặng. Ông Công Sứ giơ tay bắt. Anh lúng túng đưa hai tay ra nắm tay ông khiến quyển tự-điển rơi đánh « rầm » xuống thêm. Chúng tôi bất giác cười rộ lên, nhưng vừa lúc ấy bất gặp đôi mắt lờm của thầy Tri chúng tôi vội vàng vỗ tay thật mạnh theo lời thầy đã dặn trước.

Đỗ Tiểu học xong, chúng tôi phân tán mỗi người một nơi. Lên Trung học, văn tôi cũng không tiên-bộ chút nào nhưng được cái may là trong lớp không ai có tài như anh Cúc nên chúng tôi đỡ bị khổ. Thề rồi cuộc đời cứ lạng lẽ chuyển vần, tôi lớn lên, tôi đi làm, tôi cưới vợ. Vợ tôi là một cô bạn gái cùng học lớp Nhất với tôi năm đó, cô Trâm con gái ông Ân-sát. Chúng tôi ngẫu nhiên gặp lại nhau ở Huế và nhiều sự ngẫu nhiên khác tiếp theo, cộng lại, đưa đến kết quả là chúng tôi cưới nhau. Ba năm sau, lại một ngẫu nhiên nữa đến

với tôi đó là tôi gặp lại anh Đỗ-Cúc. Lúc bấy giờ tôi được đổi về làm việc ở thành phố Đà-nẵng. Một chiều thứ bảy rồi rãi tôi thả bộ đi dọc theo đại lộ Quang-Trung. Một người đàn ông lúi lúi đi ngược chiều lại tôi. Trong dáng đi quen quen và vẻ mặt thì không lạ. Tôi moi óc cố nhớ. Cuộc đời đã đẩy tôi vào giữa nhiều khuôn mặt quá khiến tôi cứ lẫn lộn khi bắt gặp một khuôn mặt quen thuộc. Tôi đứng dừng lại để giúp cho trí nhớ dễ tập trung. Người đàn ông ấy đi lại gần tôi, ngược nhìn lên, nhìn hơi lâu và dáng ngập ngừng như cũng nhớ ra tôi. Ốc tôi chột như có một tia sáng lóe ra và miệng tôi vụt kêu lên không kịp giữ lại :

— Đỗ-Cúc !

Người đàn ông ấy đứng dừng ngay lại và miệng cười :

— Anh Vinh, nếu tôi không lầm.

Cái giọng nói khàn khàn, đúng là Đỗ-Cúc thật. Hai bàn tay siết chặt và tự nhiên tôi quay ngược chiều trở lại, đi theo chiều của anh Cúc.

— Lâu quá mới gặp lại anh, — tôi nói. Nhà anh ở đường nào ?

— Gần đây thôi. Đường Phan-Đình-Phùng. Tiện thế mời anh ghé lại chơi cho biết. Còn anh ? Bây giờ đã vợ con chưa ?

— Đã.

— Tôi cũng vậy. Mà chắc hơn anh ở chỗ nhiều con. Sáu đứa. Nuôi con một ngất ngư.

Tôi lên đưa mắt nhìn sang anh. Áo quần hơi cầu thả. Chắc là vì anh nuôi con một « ngất ngư » nên không có thì giờ săn sóc cho mình. Tóc vẫn cúp đơ-mi cua.

Đi qua hai phố thì tới nhà anh. Anh tháo chốt cổng đợi tôi bước vào liền đóng lại.

— Đề mấy đứa khỏi chạy ra đường.

Anh nói một cách thản-nhiên như khôngcott cho tôi nghe. Tôi cười thầm ngấm nhủ : Con người cẩn thận. Không hện trước mà cái nút mực có dính lò-xo và cây bút chì buộc dây của anh hiện ra trong óc tôi. Hai đứa con nhỏ của anh ở trong cửa chạy xỏ ra ôm lấy chân anh. Rồi hai đứa khác nghe tiếng reo cũng chạy vụt ra. Lập ló trong nhà là hai người con lớn. Thật là trật-tự, qui củ. Anh vui vẻ bảo :

— Mấy con chào chú đi.

— Lạy chú ạ.

— Lạy chú ạ.

Loáng một giây, anh đã đứng giữa bảy con sáu đứa của anh. Người con lớn đã đứng cao bằng anh và giống anh như đúc. Cũng vẻ mặt hơi nặng nề và, lạ chưa, cũng cái đầu tóc cắt đơ-mi cua.

Tôi hỏi :

— Cháu lớn đã được mấy tuổi rồi ?

— Mười tám.

— Hừ ? Mười tám tuổi ?

Anh lúng túng giảng giải :

— Tôi đỗ Tiểu học xong thì thấy tôi bắt cưới vợ ngay. Thành ra đã có con lớn.

Tôi lật đặt tìm một câu nói cho anh đỡ ngượng vừa để xí-xóa về ngạc nhiên vụng về của tôi vừa rồi.

— Có con lớn chóng được nhờ. Anh thề mà sung sướng.

Một người đàn bà ở dưới bếp đi lên. Anh giới-thiệu :

— Nhà tôi.

Chị Cúc trông già hơn anh nhiều mặc dù anh cũng đã khá già. Thân mình chị to gấp đôi anh. Có điểm đặc biệt là hai cổ tay của chị đeo đầy vàng. Tôi nghĩ nhanh : Chắc chị này là con một ông Chánh tổng, phó tổng gì đó, nhà giàu. Có thể thì thấy anh mới bắt anh cưới vợ sớm.

Từ giã đoàn thể-tử bề bộn của anh, tôi đưa mắt nhìn gian phòng. Đồ đạc bày biện quá đầy đủ. Có cả xa-lông đệm lò-xo, có cả ghế bàn mặt đá, sập gụ, tủ chè, tủ rượu. Những vật nhỏ anh đều sắp đặt đủ đôi. Bên này cái lọ thì bên kia đôi diện lại cũng phải là cái lọ. Liền đôi phụng trưng dàn khắp mặt tường, đa số là những bức người ta đi khao ông cụ thân sinh anh khi được vinh thăng cửu phẩm, bát phẩm. Một cái ná Thượng-du và một túi tên lạc loài giữa rừng câu đối. Sự man rợ của non cao sự tàn bạo của chém giết không

ăn nhịp với những dòng chữ Nho hòa nhã ca tụng tài đức của chủ nhân. Thấy tôi quan sát, anh nói

— Tôi mới đặt mua cái tủ lạnh. Vài bữa họ chở tới.

— Nhà anh có nhiều tiện-nghi quá.

— Ồ ! Có gì đâu.

Anh nhún nhún mỉm cười. Nhún nhún thật vì tôi thấy mọi vật bày biện ở đây đều thõ ra, một cách nhọc mệt, cái không khí sung túc no đủ. Bắt đầu là anh. Anh trông béo ra, đôi má phúng phính khiến đôi mắt càng nhỏ lại. Tối đây tôi thấy cần được giải thích thêm về sự sung túc hiện tại của anh. Tôi hỏi :

— Gặp anh mừng quá quên hỏi điều này : bây giờ anh làm ở đâu. Anh lại lúng túng khiến tôi thấy mình vụng về lần nữa. Cuối cùng anh nói :

— Vì tôi chỉ có bằng Tiểu-học nên tôi phải dạy một lớp tiểu học ở cách đây 10 cây sỏ. Trước đây vài mươi năm bằng Tiểu-học có giá-trị, bây giờ thì gần như vô nghĩa. Tiếc quá, thấy tôi lúc bây giờ không cho tôi học thêm.

Tôi an ủi anh :

— Làm sao mà các cụ ngờ được. Nhưng anh như thế này là sung sướng lắm rồi.

Anh tươi nét mặt trở lại và đưa mắt nhìn vào một góc phòng. Tôi đoán chắc anh đang tưởng tượng vài hôm nữa anh kê cái tủ lạnh ở chỗ ấy. Ngồi nói chuyện với tôi

mà hai tay anh không để yên. Hết nghiêng đầu soi lên mặt bàn để tìm gạt một vết bụi đèn sửa lại cái gạt tàn thuốc đặt hơi lệch. Có lúc anh đứng chột dậy vội vã khiến tôi giật mình tưởng chừng có đứa con nào suýt ngã anh vội chạy đến đỡ. Nhưng không. Anh chỉ đi lại chỗ tủ chè xếp lại mấy cành hoa giả mà một cơn gió nào đó đã xô lệch. Thật là sự chi ly cẩn thận đặc biệt của Đỗ Cúc. Bỏ đi sự chi ly này thì không chắc anh còn là anh nữa.

Nhìn xuống đồng hồ thấy đã trễ giờ cơm nên tôi đứng dậy xin cáo từ anh. Tôi cho anh biết địa chỉ của tôi và anh hẹn chủ nhật sau sẽ đến thăm. Sáu tiếng « Lạy chú ạ » vang lên, lẩn lộn tiễn tôi ra cổng. Anh tươi cười giữa khúc « nhạc » quen thuộc ấy, vẻ hãnh diện chừng như bằng lòng về sự sản xuất phong phú của mình. Anh nói :

— Nuôi con đông một ngát ngư thật, nhưng nhiều lúc cũng vui. Lúc vui đó chắc là lúc này đây. Bước ra khỏi cổng, tôi tiện tay đóng cửa lại và móc chốt dùm anh. Tôi nói :

— Để lũ nhỏ khỏi chạy ra đường.

Anh thú-vị siết chặt tay tôi qua song cửa và đôi mắt cười híp lại.

Tối hôm ấy ăn cơm xong, tôi bảo vợ tôi :

— Chiều nay anh vừa gặp một sự ngạc nhiên. Đồ em đoán xem sự ngạc nhiên gì.

Vợ tôi vờ suy nghĩ rồi hỏi ngay :

— Ngạc-nhiên gì thế ?

— Anh gặp Đỗ Cúc.

— đỗ cúc là cái gì ?

— Em không nhớ Đỗ Cúc sao ? Đỗ Cúc là người bạn học hồi lớp Nhât với chúng mình đó.

Vợ tôi nhũu mày lại suy nghĩ. Tôi giúp nàng mau nhớ ra bằng cách giảng giải rõ thêm :

— Đỗ Cúc là người bạn làm Luận hay ở lớp mình đó, anh bạn mặc áo rằn, anh bạn....

Vợ tôi « À » lên một tiếng to, ngắt đứt câu nói của tôi :

— À, em nhớ ra rồi, cái anh học trò dở hơi đó phải không ?

Dở hơi ? Sợ vợ tôi lăm với một người nào khác, tôi lại nhấn nại giảng giải nữa :

— Cái anh mà thầy Tri hay bắt đọc văn cho chúng mình nghe đây. « Khóm trúc thêm tuôn giòng lệ cũ » và « Nàng từ chiếc bóng song the, gạt thắm giọt lệ như chia... »

— Biết rồi, em biết rồi mà. Thì cái anh chàng dở hơi đây chứ còn ai vào nữa. Cái anh chàng mỗi lần đi lên bằng là hai tay đong đưa như đàn bà đi chợ ấy, em còn lạ gì.

Thì ra mỗi người nhìn anh Cúc với một con mắt khác, nhận ở anh Cúc một nét đặc-biệt khác. Vợ tôi lưu-ý đến đôi tay đong đưa của anh.

— Thề anh ta bây giờ ra thề nào ?

— Oai lắm. Những sáu đứa con. Và xem chừng giàu.

— Anh gặp anh ta ở đâu ?

— Ngay giữa phố, Anh có ghé lại cho biết nhà và anh ta hứa chủ nhật tuần sau đến thăm chúng mình.

Tôi kể lại những điều nghe thấy buổi chiều ở nhà anh Cúc. Nhân chuyện anh Cúc chúng tôi nhân nhá nhắc lại những kỷ niệm vui về ngày cùng học ở trường Sông Cầu. Vợ tôi nhảy từ chị bạn này sang chị bạn kia, từ thầy giáo sang bác cai trường, từ cậu Thị Thạc sang phò lâu chú Chấn-Thạnh. Tôi đuổi theo ý nghĩ của vợ tôi một cách mệt nhọc. Nàng đúng là con chim non nhí nhảnh như đã nhiều lần tôi phê-bình. Nhưng lần này sở dĩ tôi không muốn đuổi theo ý-nghĩ của vợ tôi là vì tôi còn đang vẩn vương vì anh bạn Cúc mà tôi vừa gặp. Khi những cảnh dĩ-vãng đã chuyển hết rồi, con chim nhỏ là vợ tôi đã đứng yên thì tôi đột ngột hỏi :

— Em còn nhớ bức thư tình của anh Đỗ Cúc mà thằng Chút đã đọc to trong lớp không ?

— Có nhớ.

— Không biết anh ta viết bức thư ấy định gửi cho ai. Lúc bây giờ bọn anh cò khám phá mà chịu không đoán ra được ai. Anh ta khôn, chỉ viết « Thừa quý nương » thì đồ ai mà biết được.

Vợ tôi ngồi ngẫm nghĩ đây lâu rồi bỗng phá ra cười. Tôi hỏi :

— Em cười gì thề ?

— Đồ anh biết Đỗ Cúc viết cho ai không ?

— Đã bảo rằng bọn anh chịu, đoán không ra. Bọn anh nghĩ là anh ta viết cho chị Tám.

— Lắm. Anh ta viết cho em đây.

Tôi ngạc-nhiên :

— Thật ?

— Em đâu có nói đùa ?

— Thề anh ta không sợ Ba em à ?

— Nào em có biết. Hôm thấy Tri giao cho anh ta phát vở Luận, em vắng mặt. Anh ta giữ vở em lại. Hôm sau anh ta trả vở cho em kèm theo một phong bì. Anh ta bảo : « Chị Nhận ở lớp Nhì nhờ đưa giùm phong thư cho chị ». Nhận là bạn của em nên em nhận. Về đến nhà mở ra mới biết là thư của anh ta. Thư cũng bắt đầu bằng « Thừa quý nương ». Em đọc mà chả hiểu gì hết. Em chỉ nhớ mấy câu hay hay...

— Ồ ! Đỗ Cúc thì viết hay phải biết — Tôi ngắt lời — Em còn nhớ mấy câu hay ấy chứ ?

— Lâu quá, có hơi quên. Hình như là « đài gương soi đèn dầu bèo... » và « ... những khi trăng soi bóng lẻ gió rít đầu cành... » hay là cái quí quái gì đó. Em sợ quá về đưa ngay cho Ba xem.

— Chết Đỗ Cúc mất rồi!

— Ba đọc xong xé đi rồi bảo em từ giờ anh ta có đưa giấy tờ gì thì vớt trả lại. Nếu anh ta không nghe thì lên mách thầy giáo.

— Em có mách lần nào chưa?

— Chưa. Lần sau anh đưa một cái thư nữa, cũng bảo là của chị Nhạn nhờ đưa nhưng em nghe lời Ba ném trả lại. Cái thư lọt vào kẽ bực bàn thấy. Anh ta lật đặt cúi xuống moi lấy nhưng không được. Sàn gạch hoa thì trơn mà em vọt mạnh nên không ngờ cái thư chạy qua mãi phía bên kia bực. Anh hí hục đẩy bực đi nhưng bực nặng không xô dịch được. Đôi tai và mặt anh ta đỏ như lên, bộ điệu lúng túng trông cũng tội. Vừa lúc ấy các anh ồn ào đến nên Cúc lật đặt đi xuống chỗ ngồi. Và thế là anh Tiệp bắt được cái thư và anh Chút mới đọc oang oang giữa lớp.

— Tội nghiệp cho Đỗ Cúc, — tôi chép miệng.

— Nhưng may cho em. Hôm làm bài Luận. « Tả nỗi buồn khi xa nhà ra tỉnh trọ học » em nhớ câu văn của Đỗ Cúc trong thư nên viết ngay vào bài : « những khi trăng soi bóng lẻ, gió rít đầu cành... » Thấy Tri khen, cho 8 điểm. Đó là lần đầu tiên và cũng là lần chót em được 8 điểm luận.

Hai chúng tôi cười to vì sự thành công bất ngờ về văn chương này.

— Lúc nãy anh bảo rằng chủ nhật anh ấy đến thăm chúng mình?

— Ừ.

— Anh ấy đã biết rằng anh có vợ rồi?

— Biết rồi, chính anh nói. Anh còn cho biết rõ ràng vợ anh là cô Trâm xinh tươi cùng học lớp nhất ngày xưa.

Vợ tôi không tỏ ra quan tâm đến lời nói nịnh của tôi mà vẫn điềm nhiên hỏi :

— Anh ta có ngạc nhiên không?

— Hình như cũng... có hơi ngạc nhiên.

Vợ tôi nheo mắt nhìn ra sân một hồi rồi quay sang tôi :

— Em chắc chủ nhật này anh ấy không đến đâu.

— Vô lý. Việc gì mà không đến? Tôi vội vã hỏi lại

— Em chắc anh ấy ngượng.

— Có gì mà ngượng. Chuyện trẻ con mà. Bây giờ ai này cũng đều lớn cả rồi, mà anh ấy có những sáu con. Em cứ chuẩn bị nhà cửa cho đẹp để hơn một chút nữa đi để chủ nhật chúng ta đón anh ấy. Nhà anh ta giàu lắm, em nhớ cho, chớ không nghèo như chúng mình đâu.

Ngày chủ nhật đến, tôi không dám đi đâu hết. Trái với thường lệ, tôi dậy sớm và ăn điểm tâm vội-vàng như những ngày đi làm. Tôi mặc áo quần cẩn thận và ra ngồi ở phòng khách đợi. Tôi biết tính Cúc siêng năng chu-đáo nên tôi cho rằng anh ta sẽ đến sớm lắm. Nhưng 9 giờ... rồi 10 giờ. Có tiếng bánh xe ô-tô rít lên, rẽ vào con đường xóm tôi

nhưng xe chạy thẳng. Có tiếng phanh xe xích-lô lách cách nhưng xe đậu ở nhà đôi điện. 11 giờ... 12 giờ. Vợ tôi thỉnh-thoảng ở nhà ngang đi lên bảo tôi :

— Đó, em nói có sai đâu.

Tôi chịu, không biết nên trả lời thế nào cho phải.

Buổi chiều, tôi không ra ngồi ở phòng khách nữa nhưng tôi vẫn không dám đi đâu xa. Tôi chỉ lảng vảng hoặc ở nhà ngang hoặc nằm ở phòng đọc sách. Mỗi một tiếng lách cách ở cửa, tiếng giày sào sạo ở cổng, tiếng còi ô-tô, tiếng xe gắn máy nổ đều làm tôi lảng tai ngóng chờ.

Khi điện đường bật sáng, khi tiếng đĩa bát vang lên ở phòng ăn, tôi biết rằng tôi không còn hi-vọng đón anh Đỗ Cúc nữa. Quả anh không đến thật như lời vợ tôi đã đoán.

Tôi uể oải đứng dậy thay áo thì chợt có tiếng chuông reo ở cổng và tiếp theo, tiếng con Nu sửa ấm lên. Anh Cúc đến. Không những anh đến một mình, — đủ để trái với dự-đoán của vợ tôi, — mà có cả chị Cúc và một đoàn sáu người con. Hôm nay anh mặc bộ tuyết-xo vàng và thắt cà-vát. Những nếp gấp lộn xộn in hằn lên áo, và hai vai xệ xuống. Đôi tay và lưng cứ ngo ngoáy trong chiếc áo hơi rộng. Nhìn anh không có vẻ thoải-mái, tôi có cảm tưởng rằng chiếc áo ấy xa lạ với anh. Với một chút son ở môi và mái tóc chải ngắn nắp, chị Cúc trông được mắt hơn

bữa đầu tôi gặp. Tuy vậy, đôi chân mày nhỏ chưa lại còn quá nhỏ khiến mặt chị thành ra to thêm.

Tôi vừa ra đón thì anh chị đã vội vã chào trước :

— Chào Bác ạ — Chào Bác ạ. Hôm nay chúng tôi đến hầu thăm hai Bác.

Mấy đứa con, như sáu cái máy, phụ-họa theo :

— Lạy Bác ạ. Lạy Bác ạ.

Tôi lúng túng khi nhận tiếng xưng-hô lễ-mễ. « Bác », tiếng gọi mới già nua làm sao ! Vì thành-thật mà nói thì nhìn lại anh Cúc, tôi cứ tưởng chừng tôi xa anh không quá 5, 7 năm, nhất là nhìn cái đầu tóc đờ-mi cua, tôi thấy anh không khác mấy với những ngày đi học. Thế mà thay vì tiếng « Anh » nhẹ nhàng đơn-sơ, anh đã gọi tôi bằng « Bác ». Chắc là do anh chịu ảnh-hưởng của vợ anh thôi. Chắc là đứng bên cạnh người đàn bà bề-vệ ấy, anh bị bắt buộc thấy mình già đi, đứng đắn lại, chứ hôm một mình gặp tôi giữa phố, anh vẫn gọi là « anh ».

Khi vợ tôi ở nhà ngang bước lên thì một loạt những tiếng « chào Bác » lại hòa-tấu một lần nữa. Vợ tôi tỏ ra lúng túng gặp đôi tôi vì sự trịnh-trọng mà gia-đình anh Cúc đã dành cho mình.

Khi anh chị Cúc đã ngồi yên ở ghế và lũ con xếp một hàng ngay ngắn ở đi-văng thì cuộc đàm-thoại xã giao bắt đầu. Chị Cúc nói trước :

— Cái phòng khách của hai Bác chắc một bề 4 thước một bề 7 thước

Vợ tôi trả lời, giọng không quả quyết lắm :

— Vâng, hình như thế ạ.

— Bác nên cho xây thêm một tấm «đan» ở đằng trước cho mát. Tấm «đan» chạy dài suốt cả mặt tiền.

— Vâng ạ. Xây thêm được một tấm «đan» thì mát hơn nhiều.

Chị Cúc nhìn một lượt phòng khách của tôi rồi giơ một ngón tay, — đèn đây tôi mới kịp để ý rằng bàn tay chị đeo đèn ba, bốn chiếc nhẫn mà chiếc nào mặt cũng to, cũng đồ sộ — chỉ vào một góc phòng :

— Bác cho đắp hai cái trụ chỗ này. Đặt hai chậu hoa thược dược hay hoa cúc vào đây thì đẹp.

— Vâng ạ. — Vợ tôi khẽ gật đầu tuân lệnh.

— Chả tồn bao nhiêu đâu.

— Vâng ạ.

— Mà trông đẹp ra.

— Vâng.

— Vậy để hôm nào em đưa đến giới thiệu cho Bác một người thợ nề quen. Anh ta làm việc cẩn thận mà tính cũng lại rẻ.

— Vâng ạ. Cảm ơn.... Bác.

Đã đến lúc tôi phải giải nguy cho vợ tôi. Con chim non cứ «vâng ạ, vâng ạ», chịu nhận mọi sự xây cất trong khi nhà này là nhà thuê. Tôi đành hắng to :

— Xin mời hai.... Bác xơi nước.

Dù cố gắng nói cho rõ to, thề mà chữ «Bác» như cũng ngượng ngùng, chỉ vang nhẹ nhẹ yếu ớt. Vợ tôi lại chỗ tủ ăn lấy sáu quả cam phân phát cho sáu người con anh Cúc. Tôi mời :

— Các cháu ăn cam đi.

Rồi quay lại anh Cúc :

— Cháu lớn học đến lớp mấy rồi ?

— Dạ thưa Bác, cháu «học» ở lớp đệ Tam.

Chị Cúc tiếp lời :

— Thưa Bác, cháu lớn thề mà «học» kém lắm ạ. «Thiêng» ra ba cháu cứ phải tôi tôi kèm cho cháu.

Theo cái đà ấy, câu chuyện xã-giao kéo dài một cách nhọc-mệt vì chúng tôi cứ sợ nói nhầm vào những chữ mà vợ chồng anh kiêng. Đầu đề câu chuyện thì quanh quẩn ở việc sửa sang nhà cửa, mua sắm đồ đạc, chơi huê chơi hội, tặng lương, thăng thưởng ngạch trật. Trong khi nói chuyện, vợ anh Cúc thì cứ chăm chăm nhìn vợ tôi còn anh Cúc thì hết nhìn xuống sàn nhà song nhìn lên tường. Ý chừng anh không thể chịu được tại sao tôi lại không treo những bức trướng liên câu đối, hoành phi lên bốn bức tường như ở nhà anh vậy. Có một lúc vợ tôi quên mất phép xưng hô trịnh trọng, quay sang anh hỏi :

— À anh Cúc, tôi nghe anh Vinh bảo anh bây giờ giàu lắm.

Cúc nặng nề nhìn sang phía vợ tôi, chậm chạp nói :

— Thưa Bác, bác trai bảo vậy thôi chứ tôi làm ăn cũng chỉ gọi là mát mặt.

Cách nói, lời nhìn của Cúc thật khác xa với điều vợ tôi đã dự đoán và tôi đã ngắm biểu đồng-tình. Anh có ngượng gì đâu? Hình như người ngồi trước mặt anh không phải là người mà anh đã hai lần cặm cùi viết hai bức thư nồng nàn ái-mộ. Nhìn anh giây lâu rồi nhìn sang vợ anh, tôi chợt nghĩ rằng anh đã được rập khuôn theo mẫu người mà anh tiếp xúc tùy theo từng giai-đoạn của cuộc đời. Anh dường như lúc nào cũng đã tự quên mình, tự xóa mình đi. Những áng văn chương lâm-ly hời hợt đi học là ảnh-hưởng của những quyển tiểu thuyết đương thời. Lớn lên đi làm, anh chịu ảnh hưởng của thầy anh, cũng rộn ràng những chức tước, phẩm-hàm, hoành-phi cậu đời. Khi lập gia đình thì anh là hình ảnh

được thu nhỏ lại của vợ anh: cũng chăm lo nhà cửa, bỏ vốn gây lời và kiêng kỵ một số những tên húy của tổ-tiên. Không có một anh Đỗ Cúc thật ở chỗ nào hết mà đó chỉ là tiếng vang trung thành của những tiếng động ngẫu nhiên ở đâu đây.

Buổi tối trước khi ngủ, tôi nằm nghĩ vẩn vơ về cuộc đời của anh Cúc với những bí-mật nhỏ của nó. Những bí-mật ấy tình-cờ mà tôi khám phá ra được hết: nguồn văn chương lâm-ly của anh và bức thư tình không may mắn. Nhưng còn một bí-mật cuối cùng nữa do nghề nghiệp của anh bắt tôi suy-nghĩ. Đó là: không biết khi dạy học trò, anh có bắt chúng du dương theo loại « Khóm trúc thêm tuôn dòng lệ cũ... » Nàng từ chiếc bóng song the... » như anh, hai mươi năm trước không?

VÕ - HỒNG

XƯƠNG HỘI HỌA

NGUYỄN-TRUNG

NGHIÊU-ĐỂ

LÂM-TRIẾT

CÙ-NGUYỄN

TRẦN-THANH

PHẠM-VĂN-TÍN

Nhận làm tranh mỹ thuật

- *Trình bày (sách báo, vẽ áo dài)*
- *Trang trí*
- *Đắp tượng*
- *Tranh đắp nổi*

Các việc thuộc Mỹ thuật và Điêu khắc

Văn phòng liên lạc : 67/22, Duy-Tân — Saigon (trên lầu)

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUYỄN-NGU-Í phụ-trách



★ VĂN-ĐEN

Tên thật : Dương-Văn-Đen.

Sinh ngày 21-10-1919 tại làng Hòa-Thịnh, quận Cầu-Kè, tỉnh Cần-Thơ (Nam-Việt).

Tự học vẽ từ 1921. Năm 1950 qua Pháp với phương tiện riêng, để học hỏi thêm (dự thính trường Cao đẳng Mĩ thuật Quốc gia), đến 1953 trở về nước.

Đã triển lãm ở Pháp 2 kì : 1952 ở Galerie de Conti và 1953 ở xóm La-Tĩnh và ở trong nước tại rạp hát Tây 3 kì : 1953, 1954, 1955.

tại Atelier de Arts français : 1956,

tại ở Pháp Đồng Minh Hội 1 kì : 1958,

tại phòng Thông tin Đô thành (chung với các họa-sĩ khác, 5 kì) và riêng (1961).

— Đã được thưởng :

— huy chương Vàng (triển lãm hội họa mùa Xuân 1960)

Đã ở trong ban Giám khảo cuộc tuyển lựa tranh để triển lãm hội họa mùa Xuân năm 1961 và 1962 ; và ở trong ban tuyển trạch tranh gửi đi ngoại-quốc do Nha Mĩ thuật Học vụ tổ chức (1958, 1959, 1968, 1961).

Nước Việt-Nam ta hấp thụ văn minh Á và Âu. Về phương-diện hội-họa, có hai xu hướng Đông-phương và Tây-phương. Trong xu hướng Đông-phương, họa-sĩ sáng tác theo cổ-truyền, với những phương tiện và cách diễn tả Á-Đông tính : giấy bản, lụa, khắc gỗ, đường nét, hình thể, sắc thái có tính cách biểu-tượng. Trong xu hướng Tây-phương, có rất nhiều họa phái, cổ-điển, ấn-tượng, dã-thú, tả-thực, siêu-

thực, siêu tả-chân, lập-thể, trừu-tượng... nghĩa là các họa phái đã có hay đang có ở các nước tiền tiến Á và Âu, xu hướng Tây-phương có phần lấn áp xu hướng Đông-phương vì giới họa-sĩ Việt-Nam theo đà tiến hóa quốc-tế. Nhận thức rằng dân tộc tính không phải chỉ vẽ trên lụa hay trên giấy bản, chỉ dùng những phương tiện cổ truyền, họa-sĩ Việt-Nam thấy phải theo nhịp tiến bộ ngoại bang và

những người có thiện chí cố tìm tòi, khai thác cái nguyên liệu quốc-tế là sơn dầu. Dùng nguyên-liệu này cùng những vật-liệu Tây-phương để diễn đạt được tư tưởng mình hay tư-tưởng Á-đông, đó là một công trình. Mặc Âu-phục không phải là Tây, dùng nguyên-liệu của người để làm của mình, đó mới đáng kể. Riêng về tôi, từ ngót mười năm nay, vẫn dùng lối ấn-tượng để diễn tả tâm-trạng mình hay đặc tính dân-tộc Á-đông. Chuyển màu, biến nét, phá-thể, là cốt để đi đến mục đích trên. Tôi có màu sắc riêng-biệt, lối diễn tả riêng-biệt. Tôi không biết phải liệt tôi vào họa phái nào. Ngày sau, phê-bình gia đặt cho lối vẽ tôi danh-từ nào cũng được.

— Dù muốn hay không, phần lớn họa-sĩ Việt-Nam đã theo đà tiến triển quốc-tế. Như thế là có ý niệm quốc tế hóa họa phẩm nước nhà. Quốc tế hóa không



Siêu thuộc

phải khur khur theo đường lối của người nhưng cố giữ vững tinh-thần dân-tộc. Dân-tộc tính ở chỗ nào? Không phải chỉ vẽ cái nhà lá, thửa ruộng, cây dừa, cảnh tre, v. v... Dân tộc tính phảng phất trên toàn diện bức tranh, dầu với đề tài nào. Nó như là không khí trời Đông mà ta thở, khác với không khí trời Âu.

(Trích trong bức thư gửi các Họa sĩ)

Dưới đây là những câu hỏi mà chúng tôi xin nêu ra với mục đích gợi ý cho các Họa sĩ tiện việc trả lời :

— Theo ý Bạn, thì Hội họa ngày nay ở Việt-Nam có những xu hướng nào đáng kể nhất, và riêng Bạn hiện đã ngã về xu hướng nào hay Bạn tự tìm lấy một đường lối riêng biệt?

— Nếu có người cho rằng Hội họa phải có dân tộc tính thì có người lại cho rằng Hội họa cần phải được quốc tế hóa. Theo ý bạn hai lập luận trên đây có trái nghịch nhau không và Bạn có nghiêng về lập luận nào không?

— Xin bạn cho biết những công trình tìm kiếm và những kết quả của Bạn trên địa hạt Hội họa.

— Trong các họa phẩm của Bạn, bức nào Bạn cho là hợp hơn cả với đường lối riêng của Bạn và xin Bạn vui lòng giải thích rõ các đặc tính của tác phẩm đó.

— Xin Bạn cho biết ý kiến về tình trạng hiện tại và triển vọng của ngành Hội họa Việt-Nam.



Tà dương

Như thế, quốc tế hóa họa phẩm nước nhà mà vẫn giữ dân tộc tính. Hai quan niệm đi song nhau, nương tựa nhau để bảo-vệ cái vốn liếng tinh-thần dân-tộc vô cùng quý báu.

Tiện đây, tôi xin kể anh nghe ví dụ sau đây :

Một nhà sưu tập tranh, người Mỹ, có ghé thăm tôi tại xưởng vẽ. Ông ta lựa mua vài bức và nói với tôi : « Tôi sở dĩ chọn những bức này vì nó có tánh cách chung. Người xem bất cứ ở nước nào cũng hiểu được, cũng thấy thích thú, như bức ông vẽ hình, vật đây chẳng hạn. Người tinh í sẽ thấy trong nét vẽ của ông cái riêng biệt của dân tộc ông. Còn như những bức vẽ cách sinh hoạt, hay nhà cửa... đặc biệt ở đất nước ông, thì khó cho người nước ngoài cảm thông ».

Í kiến của nhà sưu tập tranh này làm tôi nhớ một người bạn họa sĩ Ấn-Độ

tôi quen lúc ở Pháp — Anh họa một phụ nữ Pháp, nhìn thì ai cũng biết đó là một phụ nữ Pháp, nhưng xét kĩ, thì thấy rằng không phải do một họa sĩ Tây phương họa ; cũng như khi anh vẽ cảnh vật ở Paris, không ai lầm đó là cảnh vật nơi nào khác, song trong toàn thể bức tranh, phảng phất cái gì của Ấn.

Vậy thì chẳng phải dùng những kĩ thuật riêng dân tộc mình theo, vẽ những người, những vật, những cảnh chỉ có dân tộc mình có là đem dân tộc tính mình vào hội họa.

Từ khi bước chân vào ngành hội họa đến giờ, lúc nào tôi cũng tìm kiếm, và ít khi được vừa ý. Lúc nào tôi cũng cảm thấy còn khám phá được cái gì hay hơn trong những óng màu, trong nét cọ hay lát dao. Đối với tôi, cái hay cái đẹp của một bức tranh không cần ở trong tiểu xảo, mà ở lối diễn tả cho sống và mạnh. Đường nét linh hoạt màu sắc hòa hợp chặt chẽ bổ cục vững vàng, tất cả phải cùng hòa nhau như một hợp tấu. Tôi thích những màu mạnh, tương phản mạnh nên tôi tìm tòi mãi trong màu sắc và gặt hái được một ít kết quả.

Những kết quả đó hiển hiện trên vài bức tranh như « Tà Dương », « Tự Họa », « Thối Chai » « Trâu ». Trong bức « Tà Dương » tôi mượn đề tài hết sức đơn giản : một cánh đồng vắng chìm trong ánh chiều tà. Màu đỏ bầm hợp với những mây vàng úa nhấn sâu cái vật đen ở chơn trời, nổi lên được cái gì trầm lặng, huyền-bí và cái sức mạnh bị chứa đựng.

Hội họa Việt Nam không còn ở thời kỳ phôi thai, nó còn có phần trưởng thành.

— Số đông họa-sĩ sáng tác trong những hoàn-cảnh khó khăn, thiếu-thốn và muốn bán được, lắm lúc phải chiều theo thị-hiệu của người. Vì thế, sự sáng tác bị suy-giảm. Dân chúng khởi-

sự thích tranh, xem tranh, phê bình tranh. Ước mong với những cuộc triển-lãm liên tiếp, sự tận-tâm của giới hữu trách trong việc phổ biến hội-họa và nâng đỡ họa-sĩ, hội-họa được chú ý đến nhiều hơn nữa và trong một thời gian, hội-họa được đánh giá đúng mức.

VĂN-ĐEN

Sẽ phát hành vào thượng tuần tháng 5 - 1962 :

Dạ hội mùa xuân

Thơ HUY - LỰC

● Tiếng thơ của thanh-niên ngày nay trước Cuộc đời, Tình yêu và Sự nghiệp.

● Gồm 30 thi-phẩm chọn lọc của nhà thơ quen biết với bạn đọc BÁCH-KHOA.

Ấn loát mỹ thuật trên nền giấy « Ngàn Mai và Hoa Bướm » — Bìa do Nghiêu-Đề minh họa.

Đ NH-CHÁNH

Trong bài « Họa sĩ và thế giới ngày nay », do Bùi Giáng và Thu Thủy dịch của J. Bazaine, có đề những lỗi sau đây :

Trang 57, cột 2, dòng thứ 28 : mọi mối tương quan, trời đất, nghiêng ngửa đảo điên.

Xin sửa là : mọi mối tương quan giữa trời đất nghiêng ngửa đảo điên.

Trang 59, cột 2, cuối đoạn thứ nhất : đó cũng là thời vận.

Xin sửa là : đó cũng là cái may.

Trang 61, cột 1, dòng thứ 21 : hoàn toàn uyển vị.

Xin sửa là : hoàn toàn chuyển vị.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc và mong các bạn sửa lại giùm cho.

SINH-HOẠT

NGUYỄN-NGU-Í thuật

buổi nói chuyện về tình trạng bế tắc trong ngành tiểu thuyết Việt-Nam

Giảng đường trường Đại học Văn Khoa sáng hôm ấy (1) không còn chỗ ngồi, và thính giả đến trễ vài phút đành phải chen nhau đứng ở cửa mà trông vào.

Có lẽ vì đề tài câu chuyện, và có lẽ cũng vì người nói chuyện *Nhật-Tiến* vừa là một nhà giáo hăng hái, vừa là nhà văn trẻ tuổi sáng tác mạnh và đều trong mấy năm nay; lại có tin ngoài hành lang cuộc chọn lựa tác phẩm của giải Văn-chương toàn quốc năm nay, tác phẩm anh đã lọt mắt xanh của một số người trong hội đồng tuyển trạch.

Lời mở đầu là một lời rào đón :

« Đối với một tác giả trẻ tuổi, một người mới gia nhập làng văn trong khoảng thời gian hai, ba năm gần đây, tên tuổi

chưa đủ bảo đảm cho một cuộc nói chuyện hào hứng và bổ ích... » Rồi tác giả « Những người áo trắng » vào đề.

Diễn giả từng có dịp tiếp xúc với anh em văn nghệ sĩ ở Thủ đô, từng xem các bài tổng kết văn nghệ đăng vào khoảng cuối năm, nhận xét rằng : ai cũng bi quan đối với ngành tiểu thuyết.

Con nhà sáng tác bi quan vì tình trạng kinh tế bế tắc, vì cuộc sống gò bó.

Nhà phê bình văn học bi quan vì tác phẩm ra đời không có quyền nào đem lại cái gì gọi là có thể đáp lại đòi hỏi của người đọc : nội dung cũng như kĩ thuật.

Nhà xuất bản quay lưng lại với các công trình sáng tác để dồn hoạt động cho sách giáo khoa.

Người đọc thì càng ngày càng xa thói quen mua sách, đọc sách nước nhà. Họ

(1) Ngày chủ nhật 15-4-62, do Trung tâm Văn Bút Việt Nam tổ chức.

mua báo, sách nước ngoài hoặc họ chỉ theo dõi các tiểu thuyết phiêu lưu, ái tình, trinh thám rẻ tiền đăng ở trang trong các nhật báo ; còn một số thờ ơ với văn chương, từ lâu.

Quả là ta đang đứng trước một tình trạng không lối thoát. Và ai trong chúng ta không khỏi buồn khi nghĩ rằng từ ngày đất nước bị chia hai, bao nhiêu đau thương, bao nhiêu nỗ lực... mà chưa có một tác phẩm nào ghi lại sức sống của dân tộc ta trong tám năm qua.

Rồi diễn giả tạm phân chia nguyên nhân tình trạng bế tắc của ngành tiểu thuyết bây giờ ở nước ta ra làm ba :

1) bế tắc về mặt nội dung tác phẩm (người viết chịu trách nhiệm).

2) bế tắc về mặt ấn hành liên quan đến ngành xuất bản.

3) bế tắc về mặt tiêu thụ văn nghệ phẩm liên quan đến giới đọc sách.

*
* *

Về điểm một, diễn giả nhận rằng « khi đem đối chiếu tác phẩm với cuộc đời, bộ mặt tiểu thuyết thật là hời hợt, thiếu nguồn sinh khí sống động, không phản ánh được nếp sống đặc biệt, trong giai đoạn đặc biệt của chúng ta hiện thời » và ông hỏi :

— Phải chăng là nhà văn ta thiếu kinh nghiệm sống ?

— Phải chăng là nhà văn ta thiếu một lập trường vững chắc về sự tương quan giữa mình với tập thể để làm căn bản cho đường lối sáng tác ?

— Phải chăng vì các nhà văn ta (phần nhiều là phái trẻ) đã chịu ảnh hưởng cái hào nhoáng bề ngoài của một số tác phẩm ngoại quốc ?

— Phải chăng nhà văn ta phải lo lắng nhiều quá về vấn đề kiểm duyệt ?

Và diễn giả đưa ra đôi ví dụ bản thân : một lần « tiếng nói nhỏ bé » của anh « đã bị » cắt xén vì « có người nghĩ không nên đưa ra những mẫu người bêu xấu xã hội », một lần trong một cuốn truyện của ông, có một nhân vật lấy tên là *Thiếu phụ mặc áo đỏ*, có người khuyên bỏ chữ áo đỏ đi. « Phải rồi, tại sao lại không áo xanh, áo vàng, áo tím... mà lại áo đỏ cơ chứ ! ».

Về điểm bế tắc về mặt ấn hành, diễn giả nói đến vấn đề tác quyền ở nước ta, « rẻ mạt », mà người được in sách thường lại coi đó là một ân huệ !

Tác phẩm viết xong, chạy ngược chạy xuôi mà bản thảo cam chịu phận nằm trong kẹt tủ.

Ngành xuất bản tiểu thuyết đang đi đến chỗ phân tán : một số tự động đóng cửa sau một vài năm hoạt động, mặc dầu đầy thiện chí vì gặp tất cả khó khăn, chật vật ; một số xong song việc tái bản sách tiền chiến hoặc in những tác phẩm đánh trúng vào thị hiếu thấp kém của một số lớn độc giả, để rồi bán xôn ngay.

Về điểm bế tắc chót (về mặt tiêu thụ văn nghệ phẩm), diễn giả cho là :

— vì ý thức đọc sách của đa số quần chúng còn ở trong tình trạng thấp kém,

— vì nhu cầu đọc tiểu thuyết hiện nay không phải là một nhu cầu cần thiết,

— vì cuộc sống hiện nay của chúng ta rất là hấp tấp, vội vã. Diễn giả phải than : « Ôi ! cuộc sống ngày nay thật là mệt mỏi và đầy vất vả. Một anh bạn làm văn đã nói với tôi : « Ngày nay người ta bận bịu đến thiếu cả giờ nghỉ đến người yêu ». Thiết tưởng lời nói ấy áp dụng trong hoàn cảnh của con người hiện đại, không phải là vậy ».

Rồi diễn giả cho biết nguyện vọng của người viết và nguyện vọng của các nhà xuất bản tiểu thuyết.

Mơ ước của nhà văn trong tình trạng hiện tại là gì ? Mong mỗi « nhà cầm quyền sáng suốt và thận trọng hơn trong vấn đề kiểm duyệt », mong mỗi « được viết và ấn hành tác phẩm của mình với những phương tiện đầy đủ, rộng rãi, quyền lợi tương xứng với sự làm việc, nhất là không bị giới gian thương chèn ép, bóc lột trên công trình sáng tạo của

nhà văn và trên túi tiền của độc giả tiêu thụ », mong ước khi tác phẩm đã in, sẽ « được phổ biến sâu rộng trong đa số quần chúng ». Và sau hết, mong mỗi « sẽ tiến tới một sự kết hợp bền vững qui tụ tất cả những người viết vào một tổ chức sáng suốt và vô tư để bênh vực các quyền lợi mà từ trước đến nay nhà văn vẫn bị thiệt thòi ».

Và tác giả « Người kéo màn » kết luận :

« Nói chung, nhà văn Việt hiện tại mơ ước một ngày mai sáng sủa và tốt đẹp hơn, một ngày mai có những luồng gió mới quét sạch rác rưởi làm vướng chân người hiện tại, đồng thời mở đường khai lối cho những thế hệ nhà văn kế tiếp có phương tiện, có điều kiện xây đắp một tương lai Văn hóa của dân tộc ».

NGUYỄN-NGU Í thuật

BÙI-HỮU-SÙNG

đọc tiểu thuyết « Printemps inachevé »

của bà **LÝ-THU-HỒ** (1)

Đầu năm nay (1962), giữa lúc ở nước nhà, hoa đào hoa mai đua nở đón Xuân về, thì tại Ba-Lê, nữ sĩ Lý-thu-Hồ cho in xong cuốn tiểu thuyết Pháp

văn nhan là Printemps inachevé (Lỡ tuổi xuân). Cuốn này do nhà J. Peyronnet et Cie, xuất bản, trình bày trang nhã : hai chữ Printemps inachevé in màu xanh

(1) L.T.S. : Tác giả cuốn « Le printemps inachevé », bà Lý-Thu-Hồ, sinh trưởng ở miền Nam, trước kia học tại trường nữ sư phạm Pháp ở Saigon. Cuốn tiểu thuyết viết bằng Pháp văn trên đây, sáng tác đầu tiên của Bà, đã được dài vô tuyến truyền hình Pháp đề ý và họ đã mời bà lên đề giới thiệu với độc giả Pháp vào tháng trước. Ngoài ra, một nhà văn Mỹ cũng đã dịch tiểu thuyết « Le printemps inachevé » ra tiếng Anh và sắp cho ấn hành ở bên Mỹ trong năm nay. Riêng tác giả cũng sửa soạn bản Việt-văn của cuốn tiểu thuyết đó để có dịp sẽ cho ấn hành ở nước nhà. (thuật theo lời B. s. Nguyễn-Trần-Huân)

thấm trên nền bìa vàng nhạt, sách gồm 250 trang, giá bán 7,5 quan mới.

Từ mấy năm nay, đã có vài văn sĩ Việt-Nam soạn tiểu thuyết Pháp-văn nhưng các tiểu-thuyết gia ấy đều thuộc về nam giới như Nam-Kim (Phạm Duy Khiêm) Phạm-Văn-Ký, Cung-Giữ-Nguyên. Đây là một cuộc tình duyên lơ làng của đô thanh niên sống trong vòng khói lửa (1940-1954) và nhân đấy, nữ sĩ nêu ra nhiều vấn đề chính trị, Tôn-giáo, xã-hội và nhất là mấy vấn đề liên can đến phụ nữ như nam nữ bình quyền, kết hôn, trinh tiết làm lẽ.

Tên sách. — « ... la vie de Tran était comme une rose dont la tige s'est rompue au moment de son éclosion, comme une aube à peine dorée, souillée par le mauvais temps, comme un printemps inachevé » (... , đời của Trân như một bông hoa hồng đang mơn mớn nở, bỗng cánh gãy nát; như một buổi bình minh vừa hoe vàng, bầu trời thoát xám tối lại; như một mùa xuân lơ làng).

Câu trên, — câu chấm hết trang cuối cùng — mà tác giả lựa làm tên sách, đã Âu-hóa hình ảnh « *Nửa chừng xuân thoát gãy cánh thiên hương* » của Nguyễn-Du một cách tài tình và cái nhịp ba của nó dường như nhắc lại cho độc-giả rằng cuốn tiểu thuyết này gồm ba phần và trong đó ba nhân vật chính vì loạn lạc, chiến tranh, đã chịu để lơ làng tuổi xuân của họ: Tươi, Ba, và Trân.

Lược chuyện. — Chúng ta hãy đi ngược dòng thời gian, lên tới một cái Tết thanh bình, khoảng năm 1928. Tại tỉnh Sóc-Trăng, ông Thái làm thư ký

ở sở Bưu Điện, còn mẹ già (cụ Minh) Bà Thái sinh được ba người con: Tươi; con gái lớn 13 tuổi; Ba, con trai, 8 tuổi, và Trân, con gái út, ba tuổi. Đang tuổi xuân lại gặp buổi xuân về, mấy cô cậu vui mừng, tò mò xem lễ tiễn ông Táo, đua nhau ăn mặc, đốt pháo, đánh bài, Trân, còn bé nhưng đã có tâm hồn ưa chuộng những cái gì thanh khiết, Trân đứng trước nhà xem múa lân và lắng nghe phường « súc sắc súc sê » qua từ cửa nhà này sang cửa nhà khác vừa hát, vừa chúc Tết.

Vài năm sau, ông Thái xin đổi về nguyên quán tại Thủ Đức để chăm nom mộ tổ tiên và để cho Tươi, sau khi đỗ tiểu học, theo học tại Saigon. Một năm trước khi Tươi ra đỗ bằng trung-học thì lần lần Cụ Minh, ông Thái chết. Tươi phải đi làm thư ký tại một hãng Xuất Nhập Cảng, gặp André ở đấy, lấy nhau, sinh hạ được hai đứa con: Georges (trai) và Solanges (gái). Ba mắc bệnh hen suyễn đi làm xe vận tải. Trân đã học tới năm thứ hai bậc trung học cũng bỏ dở về nhà để may thuê thêu mướn.

Chiến tranh thứ hai bùng nổ (1939), Nhật chiếm Đông Dương, Saigon bị oanh tạc, dân chúng tản cư về đồng ruộng.

Vài năm sau (1948), Dung, (một người bạn đồng học của Tươi từ trường tỉnh Soc Trang tới bậc trung học Saigon) tình cờ gặp Tươi ở chợ đang mua trái cây. Tươi vừa khóc vừa kể cho Dung nghe cảnh gia biến: Chồng nàng (André) đã bị giết trong một cuộc chạm súng ở Saigon (1945); mẹ nàng mất được một năm; Ba gia nhập thanh niên tiền phong, đi theo kháng chiến, nay ho lao nằm trong bệnh viện; còn Trân đã

đi tu đang trông nom bệnh nhân tại nhà thương G... ở Saigon. Dung cảm động, chia buồn cùng bạn và hỏi thăm rất nhiều về Trân vì Dung coi Trân như em gái, Dung rất ngạc nhiên khi được tin Trân xưa kia mộ đạo Phật mà sao nay theo đạo Gia-tô. Tại sao có cuộc thay đổi lớn như vậy trong đời Trân? Tươi hẹn Dung đến nhà chơi và sẽ cho coi tập Nhật ký của Trân.

Phần II là tập nhật ký của Trân viết đều từ năm 20 tuổi (1945) cho tới năm 22 tuổi (1947) năm nàng đi tu. Qua tập nhật ký, ta được theo dõi những biến chuyển trong tâm hồn của một thiếu nữ Việt-Nam và biến chuyển tại xã hội của miền Nam trong mấy năm khói lửa.

Mới hai mươi tuổi Trân đã ham đọc kinh Phật, tiểu thuyết cổ (Hoa Tiên truyện) ham đời sống tự do của một thiếu nữ làm nghề thợ thêu. Mẹ giục đi lấy chồng, nàng từ chối, có một thanh niên đến hỏi nàng cũng từ chối vì không thấy có cảm tình gì với người ấy. Nhưng một hôm mang đồ thêu giao trả một bà khách hàng, (bà Sang), Trân gặp cháu trai của bà, một thanh niên làm giáo sư tư thực tên là Châu. Từ đấy hình ảnh chàng thanh niên kia cứ ám ảnh Trân. Hai bên yêu nhau, làm lễ vấn danh và sửa soạn lễ thành hôn. Nhưng chưa kịp cưới thì Châu và Ba dự cuộc biểu tình ở Saigon, đòi người Pháp trả độc lập cho Việt-Nam, sau đấy hai gã thanh niên bỏ đi theo kháng chiến, dự cuộc đánh nhau với Hòa Hảo, với quân Pháp tại Cần-Thơ và ở Lục Tỉnh. Trước khi đi, một đêm

mưa gió (1945), Châu liều đi thuyền qua sông Saigon, bị quân Pháp bắn theo, nhưng về được tới Thủ Đức đưa tiền cho Trân, hẹn Trân chờ ngày tái ngộ. Trong thời xa vắng, Trân có nhận được hai bức thư của Châu thuật lại những gian lao kháng chiến, những vụ xảy ra ở biên thùy giữa người Cam-bốt và người Việt. Trong những đêm khuya thanh vắng, vừa thức trông mẹ già ốm nằm rên rĩ trên giường bệnh, Trân vừa ngóng đợi tin tức của Châu. Nàng ngắm trăng, trách Nguyệt lão đã xe mỗi chỉ hồng sao lại để dở dang nhau. Đang một đêm như vậy, mấy tên lính Pháp ập vào nhà, khám xét và hăm hiếp Trân. Trang cuối cùng của tập Nhật ký (1947) là bức thư cuối cùng của Trân ghi lại, mong sau này, nếu Châu có về, sẽ tha thứ cho Trân. Đã mất trinh tiết nàng thấy không còn xứng đáng là người vợ yêu quý của Châu nữa, nàng xin đi tu và từ nay ôm hận dưới bộ y phục đen của một dì phước.

Phần III. — Mấy hôm sau khi đọc xong tập nhật ký, Dung tới bệnh viện G... gặp Trân trong một phòng giải phẫu, nét mặt xanh xao dưới chiếc mũ trắng của kẻ tu hành.

Hiệp định Genève (1954) đã ký xong, triệu người di cư bỏ của cải, mồ mả tổ tiên vào Nam. Ba trở về Saigon, gặp Tuệ một đồng chí kháng chiến quen biết từ năm 1945. Tuệ đã vượt qua Lào (1947) ra Bắc đã chứng kiến vụ vợ tổ chồng, đầy tớ tổ chủ nhà, con tổ cha, nhất là những vụ chia rẽ gia đình của

Tuệ vì chính trị, cuộc đấu khẩu giữa ông nội Tuệ theo Đạo Nho với anh của Tuệ theo chủ nghĩa Mác-xít. Vì thế Tuệ di-cư.

Châu cũng từ bưng trở về. Chàng đến gặp Tươi trong cửa hàng của nàng, Tươi cảm động đưa cho Châu tập nhật ký và sổ tiền xưa kia Châu đưa cho Trân, trước khi đi kháng chiến.

Một ngày u ám về tháng chạp. Tươi, Ba và Châu đến thăm Trân ở bệnh viện. Trân đã quyết một bề rồi, không thay đổi ý-kiến nữa. Châu tuyệt vọng, ra về sau khi nhìn Trân một hồi lâu với tất cả tấm lòng yêu thương, còn Tươi thờ thẩn không một lời, không một hạt nước mắt.

Trân ốm nặng. Không báo gì cho chị và anh biết, nàng đã tự bỏ Saigon lên trông nom một trại phong hủi ở Djiring, từ năm tháng nay. Nàng quá lao tâm lao lực, đã nẩy phen té xỉu ngay trong lúc làm việc. Khi Tươi và Dung được tin người ta đưa Trân về Saigon, thì bệnh tình đã tuyệt vọng. Trước khi trút sạch nợ trần, Trân thiết tha yêu cầu Dung khuyên Chị Tươi đi tái giá, và anh Ba lập gia đình vì hai người này chỉ vì Trân mà đã bỏ lỡ tuổi xuân.

Hôm đám ma nàng, trời không mưa không bão, nhưng gió thổi mạnh, lá vàng tung bay bao phủ chiếc quan tài. Duy có ba người Tươi, Ba và Dung được tôn giáo cho phép đưa nàng tới nơi an nghỉ cuối cùng.

Kỹ-thuật — Kỹ-thuật trong tiểu thuyết « Printemps achevé » vững và mới. Mới ở chỗ đặt một tập nhật ký của thiếu nữ

vào giữa hai phần thuật sự, và cả ba phần rất mạch lạc chặt chẽ: bao nhiêu biến cố liên tiếp nhau ở phần I và phần III, còn phần II mang lại cho câu chuyện một chiều sâu tâm-lý, (tâm-lý của Trân) và bề rộng xã hội (câu chuyện phóng dài rộng từ Sài-gòn lên Thủ-Đức, xuống tới Cần-Thơ, Rạch-Giá, Sóc-Trăng) để rồi những người đi phiêu lưu theo kháng chiến, lên Đà Lạt (Ba) hay ra Bắc, (Dung) đều trở lại họp mặt chung quanh cái chết của Trân.

Kỹ thuật vững vì tác giả nắm chặt được đối tượng của mình. Nữ-sĩ đã biết rõ là mình viết để đọc giả Tây phương hiểu phong tục, tín ngưỡng và tâm-lý phụ nữ Việt-Nam, nên nữ-sĩ thuật lại những tập quán, những chuyện cổ tích như Ông Táo, tả Quân Lê-Văn-Duyệt, Đường-Minh-Hoàng du nguyệt điện v. v... Những chuyện ấy không gò ép, trái lại được đặt đúng chỗ, đúng lúc, ở cửa miệng các nhân vật.

Một điểm đặc sắc nữa là ở hai trang cuối cùng, vẫn dùng thể văn đối thoại, mà giải thích được những thắc mắc cần thiết như một bi kịch cổ điển giải quyết hết vấn đề tối yếu trước khi hạ màn. Trước mộ của Trân, Tươi hỏi Dung sao em Trân lại để Châu thất vọng như vậy, và nhất là lại hy sinh cả hai vận mệnh cho một nhu cầu trinh tiết. Dung trả lời:

« Là vì em Trân bản tính nhút nhát và kiêu hãnh, nên nó quá ư nghiêm khắc với bản thân. Trân sợ đương đầu với một cuộc sống đã đầy dọa nó. Trân không muốn dâng cái thân ô uế cho người yêu, sợ làm như vậy sẽ tự giảm giá trị đối với

Châu. Những lý thuyết Phật-giáo và những lời giáo huấn của mẹ đã ảnh hưởng nhiều tới quyết định của Trân, cũng như các tín đồ Phật-giáo, Trân đi ẩn náu, diệt dục để thoát trần lụy (trg 204)... »

* *

Mượn hình thức tiểu thuyết và nhật ký, áp dụng phương pháp mổ sẻ tâm-lý của Tây-phương, tác giả đã thành công ghi được một cách cụ thể và văn vẻ những tâm trạng của một số thanh niên thuộc thành phần trung lưu trong thời loạn. Đồng thời, văn-phẩm « Printemps inachevé » đã hoàn tất được một cuốn phim về xã hội Việt-Nam đang từ cũ chuyển sang mới, đang từ trí óc mê tín, thơ mộng trong cổ tích bước sang cảnh đất nước chia đôi, gia đạo suy vi, thanh niên nồng nhiệt đón xuân độc lập nhưng

nhìn thấy hiện tại rồi ren, chân trời đen tối họ tự hỏi cái xuân này có mang lại hoa màu rực rỡ hay sẽ là một mùa xuân lỡ làng.

Độc giả ngoại quốc nào mà cố gắng đọc và có thiện chí tìm hiểu dân tộc ta, chắc chắn sẽ thấy ở « Printemps inachevé » một tấm gương phản chiếu tâm hồn Việt-Nam xưa và nay. Còn các độc giả Việt-Nam sẽ ôn lại trong văn phẩm này những ca dao, những cổ tích đã du hồn mình khi còn thơ ấu và nhớ lại những biến cố đã xúc động nước mình, nhà mình, đời mình nhưng vì bị lôi cuốn vào cuộc sinh hoạt máy móc, quay cuồng quá rộn rập đến nỗi trí nhớ đã quên đi nhiều như chú bé tí hon (Petit Poucet) quên những viên sỏi dẫn đường về tổ ấm.

BÙI-HỮU-SÚNG

THỜI BÁO

tờ báo của mọi gia đình

Về Giải Thưởng Tự-Lực Văn-Đoàn

Từ tháng 11 năm 1960 đến hết năm 1961, bao nhiêu các sách dự thi hoặc gửi tay, hoặc gửi bảo đảm tới nhà tôi (An-Đình — Chợ Lớn) đều bị trả lại, vì trong thời gian đó, một lẽ riêng ngoài ý muốn buộc tôi phải đi xa nhà. Bởi vậy cuộc thi không thực hiện được.

NHẤT-LINH kính cáo

Bách-Khoa vừa nhận được :

- Ta về mở hội đi em ; Lời kinh cuối ; Buổi lễ đăng quang (Hồ-Dung - Lệ) — Kiếp trắng ; Khóc tuổi đời ; Thú nhận (Băng-Hồ) — Sang đông ; Ngàn đời cô tịch (Nguyễn, sao trắng) — Ra đời ; Dàn trái ; Điệp khúc mùa Xuân (Thương-Huyền-Lan) — Tiếng Việt qua miền Bắc Trung Nam có liên quan gì đến Văn Ngữ Học (Ph-Đình-Anh) — Tôi (Trần-Vũ-Lộc) — Đôi ta ; Hoa ngày Xưa (Mặc-Vỹ-Nhân) — Mùa đi lưng trời (Ngỵ Khương) — Trưa Bến sông (Yên Sơn) — Tìm hiểu địa thế, lịch sử tỉnh khánh Hòa (Nguyễn Đình Tư) — Phút buồn cuối cùng (Huỳnh Minh Tấn) — Tôi gọi tên em... (T.L.H) — Bàn tay em (Ngô Hoàng Phi) Tâm Tư .. (Xuân Đài) Nhớ về Nha Trang (Thanh Tuấn) Bồng bênh... (Đoàn Minh Hải) Quả mặt trời (Trường Phong) Nỗi buồn buổi trưa (Nguyễn Lang) Vài nhận định về Françoise Sagan (Đỗ Văn-Anh) Đi Hoang (H.T L) Trả lại (Ng.Lê.Cang) Thử bàn về một người đàn ông có nhiều vợ (Trường Văn) Tiền đưa (Nguyễn Lang) không ; Đất lạ mưa, Đi rừng (Vũ Trung Túy Lang) Độc thoại... (Hoài Vương) Tiếng hát trong đêm (Chương đài) Vương Diễm Mỹ (Đại Hải) Doãn ca sầu (Hàn song Tâm)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

- **Anh Đynh Hoàng-Sa** : Sẽ đăng lần bài anh gửi. Có thư tới Anh sau.

- **Ô. Hà - Nguyên - Thạch**, Xin Ô. tiếp tục gửi bài. Chúng tôi sẽ lựa đăng trong các số tới.



SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Việt-văn bình-giảng** (Đệ tứ và đệ nhị trung học) của Băng-Bá-Lân, giáo sư văn chương, do nhà Xây dựng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 592 trang gồm 2 phần chính : Giảng văn và văn học sử ; Bài tập — Bản đặc biệt không đề giá.
- **Hai mươi**, sáng tác văn nghệ — tạp chí xuất bản tại Huế do Ô. Hoa Anh chủ trương biên tập Dày 110 trang giá 15 đ.

Xin trân trọng cảm ơn tác giả, vị chủ biên của những tập sách báo trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách Khoa.

FOREIGN EXCHANGE BANK
THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE : TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai Ito HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. I

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesu-dori - Ningyocho - Marunouchi -
Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho -
Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Senba -
Shinsaibashi - Kobe - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki -
Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De
Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg -
Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane -
Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels -
Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Delhi -
Rangoon - Bangkok - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francisco - Los Angeles - Gardena

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHOM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

BẢO-HIỂM

1-3-5, Bến Chương-Dương -:- Saigon

Điện - Thoại : 20.114 — 20.115 — 20.116 — 23.736

ACCIDENTS - INCENDIE - TRANSPORTS - RISQUES DIVERS

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

Đại - Lý

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE-TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

NÊN HÚT THUỐC LÁ

Job

請吸
金字烟



Cigarettes **JOB** *Surfines*
COFAT CHOLON